

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HỒ SƠ MỜI THẦU

- Tên gói thầu:** Gói thầu số 19 - Cung cấp dịch vụ chọn xỉ trong buồng đốt, lắp đặt giàn giáo, dịch vụ đắp bê tông chịu lửa, lắp đặt tời nâng windlass phục vụ công tác SCĐK Tổ máy số 01 NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2026
(Một giai đoạn hai túi hồ sơ)
- Phát hành ngày:** 20/11/2025
- Ban hành kèm theo Quyết định:** 759/QĐ-TSC ngày 20/11/2025
- Bên mời thầu:** Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
– CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật

HỒ SƠ MỜI THẦU

Số hiệu gói thầu và số E-TBMT (trên Hệ thống):

Tên gói thầu (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Dự án/Dự toán mua sắm (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Phát hành ngày (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Ban hành kèm theo Quyết định (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

MỤC LỤC**MÔ TẢ TÓM TẮT****PHẦN 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU**

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

PHẦN 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Phần 3. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phụ lục. Các ví dụ

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSDT, mở thầu, đánh giá E-HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ phi tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSDT, cụ thể:

- Mục 1: Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT;
- Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm;
- Mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
- Mục 4: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSDT.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này bao gồm các yêu cầu về kỹ thuật của dịch vụ phi tư vấn được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word/CAD do Chủ đầu tư, tổ chuyên gia chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

Phần 3. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) và Bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có yêu cầu về tạm ứng) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Phần này bao gồm tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư, tổ chuyên gia chuẩn bị theo mẫu.

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
BDL	Bảng dữ liệu đấu thầu
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
TCĐG	Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu
Luật Đấu thầu	Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Nghị định 214/2025/NĐ-CP	Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
PV Power	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
PV Power Ha Tinh	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh
PV Power TSC	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật
VND	Đồng Việt Nam
USD	Đồng đô la Mỹ
EUR	Đồng tiền chung Châu Âu (EURO)

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	<p>1.1. Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ phi tư vấn theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm; số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập) được quy định tại E-BDL.</p>
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSĐT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).</p>
3. Nguồn vốn	<p>Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL.</p>
4. Hành vi bị cấm	<p>4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.</p> <p>4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị E-HSĐT hoặc rút E-HSĐT để một bên trúng thầu;</p> <p>b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;</p> <p>c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được chủ đầu tư yêu cầu làm rõ E-HSĐT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.</p> <p>4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;</p> <p>b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong E-HSĐT nhằm làm sai lệch kết quả lựa</p>

chọn nhà thầu.

4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:

a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;

b) Cản trở người có thẩm quyền, Chủ đầu tư, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;

c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;

d) Cố tình khiêu nạt, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;

đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.

4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của Chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định E-HSMT đối với cùng một gói thầu;

c) Tham gia đánh giá E-HSDT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;

d) Cá nhân thuộc chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;

đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế; lập, thẩm định E-HSMST, E-HSMT; đánh giá E-HSDST, E-HSDT; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng;

e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không

còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;

g) Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong E-HSMT, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 44 và khoản 1 Điều 56 của Luật Đấu thầu;

4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82 của Luật Đấu thầu, bao gồm:

a) Nội dung E-HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;

b) Nội dung E-HSDT; nội dung yêu cầu làm rõ E-HSDT của chủ đầu tư và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá E-HSDT; báo cáo của chủ đầu tư, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng E-HSDT trước khi được công khai theo quy định;

c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;

d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:

a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;

b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSDT mà không được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;

c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;

d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu

	trong hợp đồng.
5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;</p> <p>c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại E-BDL;</p> <p>d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.</p> <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm c và d Mục 5.1 E-CDNT.</p>
6. Nội dung của E-HSMT	<p>6.1. E-HSMT bao gồm E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. <p>Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật. <p>Phần 3. Biểu mẫu hợp đồng.</p> <p>6.2. Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7</p>

	<p>E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p>
<p>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT</p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (file đính kèm). Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng, việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, Nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Chủ đầu tư thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Chủ đầu tư xem xét, xử lý. Chủ đầu tư tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.</p> <p>7.3. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.</p> <p>7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu, thời gian thương thảo hợp đồng (nếu có) và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.</p>

	<p>7.5. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại E-BDL. Chủ đầu tư đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho Chủ đầu tư. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu.</p> <p>7.6. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.</p> <p>7.7. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.</p>
<p>8. Chi phí dự thầu</p>	<p>E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Chủ đầu tư đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại E-BDL. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.</p>
<p>9. Ngôn ngữ của E-HSDT</p>	<p>E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).</p>
<p>10. Thành phần của E-HSDT</p>	<p>E-HSDT bao gồm E-HSĐXKT và E-HSĐXTC, trong đó:</p> <p>10.1. E-HSĐXKT phải bao gồm các thành phần sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Đơn dự thầu trong E-HSĐXKT được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; b) Thỏa thuận liên danh được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với nhà thầu liên danh); c) Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 E-CDNT; d) Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 16 E-CDNT;

	<p>d) Đề xuất về kỹ thuật và tài liệu theo quy định tại Mục 15 E-CDNT;</p> <p>e) Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT theo quy định tại Mục 12 E-CDNT (nếu có);</p> <p>Đề xuất kỹ thuật không được nêu bất kỳ thông tin tài chính nào. Nếu đề xuất kỹ thuật có những thông tin tài chính quan trọng thì nhà thầu phải chịu bất lợi trong quá trình đánh giá E-HSDT.</p> <p>10.2. E-HSDXTC phải bao gồm các thành phần sau đây:</p> <p>a) Đơn dự thầu trong E-HSDXTC được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT;</p> <p>b) Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 E-CDNT và Mục 13 E-CDNT.</p> <p>10.3. Các nội dung khác theo quy định tại E-BDL.</p>
<p>11. Đơn dự thầu và các bảng biểu</p>	<p>Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu được Hệ thống trích xuất để hoàn thành E-HSDT.</p>
<p>12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT</p>	<p>12.1. Trường hợp E-HSMT có quy định tại E-BDL về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét.</p> <p>12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để tổ chuyên gia có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ, tiến độ thực hiện, chi phí và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III.</p>
<p>13. Giá dự thầu và giảm giá</p>	<p>13.1 Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này:</p> <p>a) Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC (chưa tính giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Hệ thống sẽ tự động trích xuất giá dự thầu từ Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G) Chương IV vào đơn dự thầu.</p>

b) Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu. Trường hợp tại cột “đơn giá” nhà thầu ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hạng mục công việc này vào hạng mục công việc khác thuộc gói thầu và sẽ không được Chủ đầu tư thanh toán riêng, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các hạng mục công việc theo yêu cầu của E-HSMT, bảo đảm chất lượng, tiến độ.

c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, hợp đồng theo thời gian, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng.

d) Nhà thầu phải nộp E-HSMT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong E-HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong cột “Danh mục dịch vụ” theo Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G) Chương IV.

13.2. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần thì nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì thực hiện theo một trong hai cách sau đây:

a) Cách thứ nhất: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự).

b) Cách thứ hai: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá cho từng phần vào webform trên Hệ thống.

13.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT. Trường hợp hồ sơ dự thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Chủ đầu tư xử lý tình huống theo quy định tại khoản 11 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

13.4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự

	thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.
14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
15. Tài liệu chứng minh sự đáp ứng về kỹ thuật	<p>15.1. Để chứng minh sự đáp ứng của dịch vụ so với yêu cầu của E-HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của E-HSDT (đính kèm file lên Hệ thống) để chứng minh rằng các dịch vụ mà mình cung cấp phù hợp với các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương V.</p> <p>15.2. Các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ chỉ mang tính mô tả mà không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ khác với điều kiện chứng minh được với Chủ đầu tư rằng những tiêu chuẩn thay thế này tương đương hoặc cao hơn so với những tiêu chuẩn quy định tại Chương V.</p>
16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu	<p>16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương III. Trường hợp được mời vào đối chiếu tài liệu, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT và để Chủ đầu tư lưu trữ.</p> <p>16.2. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự sơ tuyển thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>
17. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT	<p>17.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại E-BDL.</p> <p>17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực E-HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp, trong trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Chủ đầu tư. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo</p>

	đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.
18. Bảo đảm dự thầu	<p>18.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì thực hiện theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT. Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh và đính kèm khi nộp E-HSDT. Đối với bảo lãnh dự thầu điện tử, nhà thầu chọn bảo lãnh dự thầu điện tử được phát hành, lưu trữ trên Hệ thống. Trường hợp E-HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 E-CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.</p> <p>Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:</p> <p>a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì E-HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả;</p> <p>b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Nếu</p>

bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại **E-BDL**. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo đảm dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký (ký số đối với bảo lãnh dự thầu điện tử) hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với gói thầu bảo hiểm, nhà thầu tham dự thầu không được xuất trình giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh do mình phát hành.

18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định tại **E-BDL**. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.

18.5. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) cho Chủ đầu tư:

a) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có);

b) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn

đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoặc không ký biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng.

18.6. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư, nếu nhà thầu từ chối hoặc không nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu.

18.7. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, nhà thầu có thể lựa chọn nộp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau đây:

a) Bảo đảm dự thầu chung cho tất các phần mà mình tham

dự thầu (giá trị bảo đảm dự thầu sẽ bằng tổng giá trị của các phần nhà thầu tham dự). Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu do nhà thầu nộp nhỏ hơn tổng giá trị cộng gộp thì Chủ đầu tư được quyền quyết định lựa chọn bảo đảm dự thầu đó được sử dụng cho phần nào trong số các phần mà nhà thầu tham dự;

b) Bảo đảm dự thầu riêng cho từng phần mà nhà thầu tham dự.

Trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì việc không hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu được tính trên phần mà nhà thầu vi phạm.

18.8. Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.2 E-CDNT nhỏ hơn 50 triệu đồng, tại thời điểm đóng thầu, nhà thầu không phải đính kèm thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.1 E-CDNT mà phải cam kết trong đơn dự thầu (không phải đính kèm cam kết riêng bằng văn bản) là nếu được mời vào đối chiếu tài liệu hoặc vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư) hoặc thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT (thời gian có hiệu lực của thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh là số ngày được quy định trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu và được tính từ ngày thực hiện đối chiếu tài liệu). Trường hợp nhà thầu chọn áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh khi đối chiếu tài liệu nhưng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của nhà thầu không đáp ứng quy định tại Mục 18.3 E-CDNT thì nhà thầu phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư) với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Trường hợp nhà thầu không thực hiện theo cam kết nêu trên, nhà thầu bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu nêu trong đơn dự thầu (bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống và bị khóa tài khoản trong vòng 06 tháng kể từ ngày chủ đầu tư công khai tên nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng). Trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì nhà thầu sẽ không được hoàn trả khoản tiền

	<p>bảo đảm dự thầu này.</p> <p>18.9. Đối với gói thầu đấu thầu trước, bảo đảm dự thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p>
19. Thời điểm đóng thầu	<p>19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
20. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT	<p>20.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>20.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại E-HSDT thì E-HSDT đã nộp trước thời điểm E-HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá.</p> <p>20.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT thì nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm dự thầu, bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSDT. Hệ thống thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>20.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống (ngoại trừ E-HSDT của nhà thầu đã nộp trước thời điểm sửa đổi E-HSMT và nhà thầu không nộp E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT được sửa đổi) đều được mở thầu để đánh giá.</p>
21. Mở E-HSĐXKT	<p>21.1. Chủ đầu tư phải tiến hành mở E-HSĐXKT và công khai biên bản mở E-HSĐXKT trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp</p>

	<p>có 01 nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng tải E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>21.2. Biên bản mở E-HSĐXKT được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSĐXKT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
<p>22. Đánh giá E-HSĐXKT</p>	<p>22.1. Tổ chuyên gia áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSĐXKT.</p> <p>22.2. Quy trình đánh giá E- HSĐXKT như sau:</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu đối với các nội dung: <ul style="list-style-type: none"> + Tư cách hợp lệ của nhà thầu; + Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích

cho nhà thầu đó trúng thầu.

Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu.

- Hệ thống tự động đánh giá về trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống của nhà thầu.

- Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh).

- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm.

b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III:

- Hệ thống tự động đánh giá các nội dung: Lịch sử không hoàn thành hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm trên cơ sở thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT. Đối với các nội dung Hệ thống tự động đánh giá, nhà thầu không phải đính kèm các tài liệu để chứng minh khi nộp E-HSDT;

- Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên webform và tài liệu đính kèm để đánh giá;

- Đối với các nội dung về nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có), tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai của nhà thầu;

- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.

c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu có E-HSĐXKT không đáp ứng sẽ không được mở E-HSĐXTC để đánh giá. Chủ đầu tư đăng tải danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật lên Hệ thống.

22.3. Nguyên tắc đánh giá E-HSĐXKT:

a) Đối với các nội dung Hệ thống đánh giá tự động bao gồm tư cách hợp lệ, nhà thầu không có nhân sự bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT thì Hệ thống sẽ đánh giá nhà thầu "không đạt" ở nội dung này. Tổ chuyên gia không thể sửa

đổi kết quả đánh giá từ "không đạt" thành "đạt" khi Hệ thống đã đánh giá "không đạt". Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận;

b) Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên webform và thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp áp dụng thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) để đánh giá;

c) Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin về hợp đồng tương tự kê khai trên webform và file tài liệu chứng minh các thông tin về hợp đồng đó thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT. Trường hợp các hợp đồng mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDXKT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT hoặc nhà thầu không kê khai, kê khai không đầy đủ hợp đồng tương tự trên webform, Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác (được cập nhật từ hồ sơ năng lực của nhà thầu trên Hệ thống) để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại;

d) Trường hợp nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có) mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDXKT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự, thiết bị (bao gồm cả trường hợp nhân sự, thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự, thiết bị trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự, thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Trường hợp nhà thầu được xếp hạng thứ nhất, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự đã đề xuất trong E-

	<p>HSDT hoặc nhân sự đã được thay thế một lần theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP), trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu;</p> <p>đ) Đối với các nội dung ngoài các nội dung nêu tại các điểm a, b, c và d khoản này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì thông tin trên webform là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p>
<p>23. Mở E-HSDXTC</p>	<p>23.1. E-HSDXTC của các nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được Chủ đầu tư tiến hành mở và công khai trên Hệ thống.</p> <p>23.2. Biên bản mở E-HSDXTC được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu. <p>b) Thông tin về các nhà thầu được mở E-HSDXTC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) (Hệ thống tự động tính trên cơ sở tính toán lại chi phí dự phòng sau khi giảm giá); - Điểm kỹ thuật của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật (nếu có); - Thời gian có hiệu lực của E-HSDXTC; - Các thông tin liên quan khác (nếu có). <p>c) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì phải bao gồm các thông tin về giá dự thầu cho từng phần như điểm b khoản này.</p>
<p>24. Đánh giá E-</p>	<p>24.1. Đánh giá E-HSDXTC theo quy định tại Mục 4 Chương</p>

<p>HSDXTC và xếp hạng nhà thầu</p>	<p>III.</p> <p>24.2. Sau khi đánh giá E-HSDXTC, việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu theo quy định tại Mục 32 E-CDNT. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc đã đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu. Trường hợp có thương thảo hợp đồng thì kết hợp việc đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu.</p> <p>24.3. Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì thông tin trên webform là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>24.4. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT. Đối với các nội dung về tính hợp lệ, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm đã được Hệ thống đánh giá tự động là "đạt" theo thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT mà tổ chuyên gia đánh giá lại là "không đạt" thì tổ chuyên gia chỉnh sửa lại kết quả đánh giá từ "đạt" thành "không đạt". Trong trường hợp này, Chủ đầu tư mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) mà không phải xếp hạng lại nhà thầu. Đối với thông tin về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm từ năm 2021 trở đi, tổ chuyên gia chỉ đối chiếu nếu nhà thầu cập nhật thông tin mà không đối chiếu trong trường hợp các thông tin trên do Hệ thống tự động trích xuất từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử.</p>
<p>25. Bảo mật</p>	<p>25.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có</p>

	<p>liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>25.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDT (nếu cần thiết), đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có), nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, thành viên tổ chuyên gia về các vấn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
<p>26. Làm rõ E-HSDT</p>	<p>26.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của Chủ đầu tư, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong E-HSDT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của E-HSDT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>26.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và Chủ đầu tư được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>26.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT.</p> <p>26.4. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSDT sau thời điểm đóng thầu.</p> <p>26.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 26.1 E-CDNT.</p> <p>26.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài</p>

	<p>liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p> <p>26.7. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, máy móc, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.</p>
<p>27. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung</p>	<p>27.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p> <p>27.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p> <p>27.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p>
<p>28. Xác định tính đáp ứng của E-HSDT</p>	<p>28.1. Tổ chuyên gia sẽ xác định tính đáp ứng của E-HSDT dựa trên nội dung của E-HSDT theo quy định tại Mục 10 E-CDNT.</p> <p>28.2. E-HSDT đáp ứng cơ bản là E-HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong E-HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong E-HSDT mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của dịch vụ được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với E-HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT .</p> <p>28.3. Tổ chuyên gia phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của E-HSDT theo quy định tại Mục 15 E-CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Phần 2 – Yêu cầu về kỹ thuật đã được đáp ứng và E-HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>28.4. Nếu E-HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong E-HSMT thì E-HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ</p>

	bản trong E-HSDT nhằm làm cho E-HSDT đó đáp ứng cơ bản E-HSMT.
29. Sai sót không nghiêm trọng	<p>29.1. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT.</p> <p>29.2. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong E-HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. E-HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của Chủ đầu tư.</p> <p>29.3. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các E-HSDT.</p>
30. Nhà thầu phụ	<p>30.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để thực hiện một phần công việc trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không bao gồm tổ chức, cá nhân cung cấp, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, cấu kiện bán thành phẩm, thiết bị, cho thuê thiết bị thi công. Việc nhà thầu thuê nhân công để thực hiện gói thầu không phải là sử dụng nhà thầu phụ. Nhà thầu phải kê khai Nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ theo Mẫu số 09A Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được Nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho Nhà thầu phụ.</p> <p>30.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại E-BDL. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thoả thuận liên danh.</p> <p>30.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác</p>

	<p>đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).</p> <p>30.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được Chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc của gói thầu.</p> <p>30.5. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì bị xử lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>30.6. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu mà nhà thầu đã trúng thầu và các công việc tư vấn này bao gồm: lập, thẩm tra thiết kế FEED, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; thẩm định giá; giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định; lập, thẩm định E-HSMST, E-HSMT; đánh giá E-HSDST, E-HSDT; thẩm định kết quả sơ tuyển (nếu có), kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu.</p>
<p>31. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu</p>	<p>31.1 Nguyên tắc ưu đãi:</p> <p>a) Nhà thầu tham dự thầu thuộc đối tượng được hưởng nhiều hơn một loại ưu đãi trong đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc trong đánh giá về tài chính thì khi tính ưu đãi chỉ được hưởng một loại ưu đãi có lợi nhất cho nhà thầu tương ứng với từng nội dung đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc đánh giá về tài chính.</p> <p>b) Trường hợp tất cả các nhà thầu tham dự thầu đều được hưởng ưu đãi như nhau hoặc tất cả các nhà thầu đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không cần tính ưu đãi để so sánh, xếp hạng.</p> <p>c) Nhà thầu phải chứng minh nhà thầu, dịch vụ do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu.</p> <p>31.2. Sản phẩm đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP là dịch vụ phi tư vấn của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước được</p>

hưởng ưu đãi theo quy định tại **E-BDL**.

31.3. Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều nhà thầu được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi lựa chọn được nhà thầu trúng thầu:

a) Trao thầu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có);

b) Trao thầu cho nhà thầu có điểm kỹ thuật cao hơn hoặc có số tiêu chí đánh giá về kỹ thuật ở mức chấp nhận được ít hơn đối với trường hợp gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất; trao thầu cho nhà thầu có giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp hơn đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá;

c) Trao thầu cho nhà thầu có trụ sở chính ở địa phương nơi triển khai gói thầu;

d) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn;

đ) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn;

e) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là nữ giới có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn;

g) Cho phép các nhà thầu này chào lại giá dự thầu để lựa chọn nhà thầu có giá chào thấp nhất. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Việc chào lại giá dự thầu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

h) Mời các nhà thầu này tham gia chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).

31.4. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi nêu tại Mục 31.2 và Mục 31.3 E-CDNT, nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.

31.5. Nhà thầu phải kê khai về dịch vụ được hưởng ưu đãi theo Mẫu số 12 Chương IV để làm cơ sở xem xét, đánh giá ưu đãi.

	<p>Trường hợp nhà thầu không kê khai thì dịch vụ của nhà thầu được coi là không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.</p> <p>31.6. Trường hợp dịch vụ do các nhà thầu chào đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không tiến hành đánh giá và xác định giá trị ưu đãi.</p> <p>31.7. Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu dịch vụ do nhà thầu cung cấp không phải đáp ứng điều kiện về bảo đảm cạnh tranh trong nội dung đánh giá về tư cách hợp lệ và yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm trong thời hạn 05 năm kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền công nhận. Nhà thầu phải đính kèm tài liệu để chứng minh dịch vụ do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.</p> <p>31.8. Các ưu đãi khác theo quy định tại E-BDL</p>
<p>32. Đối chiếu tài liệu</p>	<p>32.1. Nhà thầu được Chủ đầu tư mời vào đối chiếu tài liệu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư¹ tổ chức đối chiếu tài liệu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT, bao gồm:</p> <p>a) Bản gốc bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp sử dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) hoặc tiền mặt hoặc Séc bảo chi theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT;</p> <p>b) Đối với nhà thầu tự cập nhật số liệu về thuế trên Hệ thống từ năm 2021 trở đi (không phải do Hệ thống tự trích xuất), tài liệu chứng minh thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm gần nhất phù hợp với số liệu về thuế của nhà thầu trên Hệ thống thuế điện tử. Trường hợp số liệu của nhà thầu do Hệ thống trích xuất từ Hệ thống thuế điện tử thì không yêu cầu nhà thầu xuất trình tài liệu để chứng minh;</p> <p>c) Đối với nhà thầu tự cập nhật số liệu tài chính trên Hệ thống từ năm 2021 trở đi (không phải do Hệ thống tự trích xuất), tài liệu chứng minh tình hình tài chính theo quy định tại Mẫu số 08 Chương IV phù hợp với số liệu tài chính trên Hệ thống thuế điện tử. Trường hợp số liệu của nhà thầu do Hệ thống trích xuất từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử thì không yêu cầu nhà thầu xuất trình tài liệu để chứng minh;</p> <p>d) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT (hợp đồng, biên bản</p>

¹ Trường hợp trong hợp đồng ký giữa chủ đầu tư và đơn vị tư vấn có nội dung thuê đơn vị tư vấn thực hiện đối chiếu tài liệu thì tổ chuyên gia do đơn vị tư vấn thành lập còn phải thực hiện trách nhiệm đối chiếu tài liệu.

	<p>nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...);</p> <p>đ) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự (nếu có), thiết bị (nếu có): bằng cấp, chứng chỉ, kinh nghiệm của nhân sự, tài liệu của thiết bị mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT;</p> <p>e) Tài liệu khác (nếu có).</p> <p>32.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được tiếp tục thương thảo hợp đồng (nếu có), xét duyệt trúng thầu. Đối với số liệu về thuế, số liệu về tài chính từ năm 2021 trở đi do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu bị loại và bị coi là có hành vi gian lận quy định tại điểm b Mục 4.4 E-CDNT.</p> <p>32.3. Trường hợp áp dụng thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 33 E-CDNT, việc đối chiếu tài liệu diễn ra khi thương thảo hợp đồng.</p> <p>32.4. Chủ đầu tư gửi Thông báo mời đối chiếu tài liệu đến nhà thầu trên Hệ thống. Trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu phải ghi rõ thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (đối với bảo đảm dự thầu có giá trị dưới 50 triệu đồng), thời gian, địa điểm thực hiện đối chiếu tài liệu trên cơ sở bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.</p>
<p>33. Thương thảo hợp đồng</p>	<p>33.1. Việc thương thảo hợp đồng thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p> <p>33.2. Trường hợp áp dụng thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:</p> <p>a) Báo cáo đánh giá E-HSDT;</p> <p>b) E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT (nếu có) của nhà thầu;</p> <p>c) E-HSMT bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể của hợp đồng và các tài liệu làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có).</p> <p>33.3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:</p> <p>a) Không thương thảo các nội dung mà nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Không được làm thay đổi đơn giá đã xác định tại bước đánh giá về tài chính, trừ trường hợp gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật.</p>

33.4. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa E-HSMT và E-HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong E-HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Các đề xuất thay đổi hoặc phương án kỹ thuật thay thế của nhà thầu nếu trong E-HSMT có quy định cho phép nhà thầu chào phương án kỹ thuật thay thế theo khoản 12.1 Mục 12 E-CDNT;

c) Thương thảo về nhân sự chủ chốt:

Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT hoặc nhân sự đã được thay thế một lần theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP), trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.

d) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

đ) Thương thảo về các sai sót không nghiêm trọng quy định tại Mục 29 E-CDNT;

e) Thương thảo về giá trong trường hợp giá đề nghị trúng thầu vượt giá gói thầu được duyệt đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu theo quy định tại Điều 61 của Luật Đấu thầu;

g) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

33.5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; E-ĐKCT của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có).

33.6. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; E-ĐKCT của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh

	<p>mục chi tiết về phạm vi cung cấp, bảng giá, tiến độ thực hiện.</p> <p>33.7. Trường hợp thương thảo không thành công, Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 35.1 E-CDNT.</p> <p>33.8. Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không thể thương thảo hợp đồng trực tiếp với Chủ đầu tư, Chủ đầu tư có thể xem xét, thương thảo qua mạng.</p>
<p>34. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>34.1. Có E-HSĐT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III. Trường hợp tại thời điểm xét duyệt trúng thầu, nếu nhà thầu bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống thì Chủ đầu tư cần yêu cầu Nhà thầu thực hiện khôi phục trạng thái tham gia để được xét duyệt trúng thầu.</p> <p>34.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III.</p> <p>34.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III.</p> <p>34.4. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại E-BDL.</p> <p>34.5. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định tại E-BDL.</p>
<p>35. Hủy thầu</p>	<p>35.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả E-HSĐT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt đối với dự án hoặc thay đổi về mục tiêu, phạm vi mua sắm đối với dự toán mua sắm do sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức bộ máy nhà nước và các trường hợp bất khả kháng khác làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong E-HSMT;</p> <p>c) E-HSMT không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p>

	<p>d) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>đ) Hủy thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 42 của Luật Đấu thầu.</p> <p>35.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c và d Mục 35.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>35.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục này, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Chủ đầu tư phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại khoản 9 Điều 14 của Luật Đấu thầu.</p>
<p>36. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</p>	<p>36.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện gói thầu. <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật (nếu có); - Giá đánh giá (nếu có); - Giá trúng thầu;

	<p>- Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng.</p> <p>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>36.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc gặp trực tiếp Chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.</p> <p>36.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 35.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
<p>37. Thay đổi khối lượng dịch vụ</p>	<p>37.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền tăng hoặc giảm khối lượng dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của E-HSĐT và E-HSMT. Tỷ lệ tăng, giảm khối lượng không vượt quá 10%.</p> <p>37.2. Tùy chọn mua thêm:</p> <p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư với nhà thầu thỏa thuận mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu. Phần công việc mua bổ sung phải tương tự với phần công việc nêu trong hợp đồng đã ký kết và đã có đơn giá. Khối lượng dịch vụ bổ sung này không được sử dụng để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với nhà thầu liên danh, việc phân chia trách nhiệm thực hiện khối lượng bổ sung theo tùy chọn mua thêm thực hiện theo tỷ lệ phân chia công việc theo hợp đồng đã ký, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</p>
<p>38. Thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng</p>	<p>Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 14 Chương VIII cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng thì</p>

	nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng được tính kể từ ngày Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.
39. Điều kiện ký kết hợp đồng	<p>39.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>39.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có).</p> <p>39.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p>
40. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	<p>40.1. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Mục 5 E-ĐKC Chương VI. Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu quy định tại Phần 4 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>40.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
41. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	<p>41.1. Đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị Hội đồng giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền, Chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 89 của Luật Đấu thầu và các Điều 137, 138 và 139 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

b) Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Hội đồng giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại **E-BDL**.

41.2. Đối với hoạt động lựa chọn nhà thầu quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 Luật Đấu thầu hoặc hoạt động lựa chọn nhà thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu, việc giải quyết kiến nghị thực hiện theo quy định tại **E-BDL**.

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.
E-CDNT 1.2	<p>Tên gói thầu: Cung cấp dịch vụ chọc xỉ trong buồng đốt, lắp đặt giàn giáo, dịch vụ đắp bê tông chịu lửa, lắp đặt tời nâng windlass phục vụ công tác SCĐK Tổ máy số 01 NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2026.</p> <p>Tên dự án/dự toán mua sắm: Cung cấp dịch vụ chọc xỉ trong buồng đốt, lắp đặt giàn giáo, dịch vụ đắp bê tông chịu lửa, lắp đặt tời nâng windlass phục vụ công tác SCĐK Tổ máy số 01 NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2026.</p> <p>Số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu: Theo quy định tại mục E-CDNT 18.2 Chương này.</p>
E-CDNT 3	<p>Nguồn vốn: Vốn SXKD của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.</p> <p>Việc tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 858/QĐ-ĐLĐK ngày 25/09/2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP về việc phê duyệt ban hành Quy chế quản lý hoạt động mua sắm hàng hoá, dịch vụ và bảo trì công trình xây dựng phục vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP. - Quyết định số 441/QĐ-ĐLĐK ngày 05/06/2023 của Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP về việc phê duyệt và ban hành Quy định mua sắm hàng hoá và dịch vụ từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
E-CDNT 5.1 (c)	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật. + Trường hợp nhà thầu, chủ đầu tư là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước, nhà thầu được tham dự gói thầu của chủ đầu tư nếu sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu đó thuộc ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước. + Trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập, nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực

	<p>tiếp quản lý với Chủ đầu tư, trừ trường hợp: nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó; các đơn vị sự nghiệp công lập có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý.</p> <p>+ Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư.</p> <p>Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)¹.</p> <p>Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương.</p> <p>Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p> $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ <p>Trong đó:</p> <p>X_i: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i;</p> <p>Y_i: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh;</p> <p>n: Số thành viên tham gia trong liên danh.</p> <p>- Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu dịch vụ do nhà thầu đó cung cấp không phải đáp ứng quy định về bảo đảm cạnh tranh quy định tại Mục này.</p>
E-CDNT 7.5	Hội nghị tiền đấu thầu: Không.
E-CDNT 8	Chi phí nộp E-HSDT: Theo Quy định của hệ thống.
E-CDNT 10.3	Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây: Không yêu cầu.

¹ Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp.

E-CDNT 12.1	Nhà thầu không được phép nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.
E-CDNT 17.1	Thời hạn hiệu lực của E-HSDT là: ≥ 90 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 18.2	<p>Nội dung bảo đảm dự thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu cho cả gói thầu: 276.000.000 VNĐ <p>Đối với nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu nêu trên trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi này. Trường hợp nhà thầu liên danh, thành viên liên danh có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP nêu trên phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị bảo đảm dự thầu tương ứng với tỷ lệ giá trị công việc thành viên đó đảm nhận trong liên danh trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện hành vi này.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 120 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 18.4	Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 14 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.
E-CDNT 22.1	<p>Phương pháp đánh giá E-HSDT là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt. - Đánh giá về kỹ thuật: Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt. - Đánh giá về tài chính: Sử dụng phương pháp giá thấp nhất.
E-CDNT 24.2	Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.
E-CDNT 30.2	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 30%.
E-CDNT 33.1	Thương thảo hợp đồng: Áp dụng.
E-CDNT 34.4	Phương pháp đánh giá nhà thầu: nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất.
E-CDNT 34.5	Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: giá gói thầu được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

E-CDNT 37.1	Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: 0%; Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: 0%.
E-CDNT 37.2	- Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng.
E-CDNT 41.1	<p>- Người có thẩm quyền: Nguyễn Minh Tuấn + Địa chỉ: Tầng 14 Toà nhà Viện Dầu khí, 167 Đường Trung Kính, phường Yên Hoà, thành phố Hà Nội, Việt Nam; + E-mail: vanthu@tsc.pvpower.vn.</p> <p>- Bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng giải quyết kiến nghị: + Địa chỉ: Phòng Kế hoạch - Hợp đồng, PV Power TSC - SĐT: 0986.325.868 - Tầng 14 Toà nhà Viện Dầu khí, 167 Đường Trung Kính, phường Yên Hoà, thành phố Hà Nội, Việt Nam; + E-mail: anh1q@tsc.pvpower.vn.</p>

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu¹ không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy. Đối với gói thầu bảo hiểm, nhà thầu tham dự thầu không được xuất trình giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh do mình phát hành.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

4. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

¹ Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ khoản này.

5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có E-HSDXKT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại Bảng số 01 Chương này và được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống. Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, trong đó quy định mức yêu cầu tối thiểu để đánh giá là đạt đối với từng nội dung về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu, gồm: kinh nghiệm thực hiện các gói thầu tương tự; năng lực kỹ thuật: số lượng, trình độ chuyên môn của cán bộ chủ chốt, số lượng thiết bị chủ yếu có khả năng huy động để thực hiện gói thầu (nếu có yêu cầu); doanh thu bình quân hằng năm; việc thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế và các chỉ tiêu cần thiết khác để đánh giá về năng lực tài chính của nhà thầu.

Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại Mục này căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu cụ thể. Nhà thầu được đánh giá đạt tất cả nội dung quy định tại Bảng số 01 thì đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm cung cấp dịch vụ trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá E-HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 09B Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực

hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

TT	Mô tả	Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm				Tài liệu cần nộp
		Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 ⁽¹⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp dịch vụ phi tư vấn) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽²⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế ⁽³⁾ của năm tại chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 ⁽⁵⁾ năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 18.397.000.000 VNĐ.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08
4	Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành ⁽⁷⁾ tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ ⁽⁸⁾ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 ⁽⁹⁾ đến thời điểm đóng thầu. Trong đó hợp đồng tương tự là: - Có tính chất tương tự: 01 hợp đồng trong đó bao gồm cung cấp dịch vụ giám giáo (trong đó có hạng mục bắc giáo bên trong lò hơi NMND than có công suất \geq 300MW); thi công, sửa chữa bê tông, vật liệu chịu nhiệt; có giá trị tối thiểu là 9.200.000.000 đồng; hoặc; - Tối đa 02 Hợp đồng trong đó bao gồm	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05

efuh

	Hợp đồng cung cấp dịch vụ giàn giáo (trong đó có hạng mục bắc giáo bên trong lò hơi NIMND than có công suất $\geq 300\text{MW}$) và 01 Hợp đồng thi công, sửa chữa bê tông, vật liệu chịu nhiệt có tổng giá trị tối thiểu là 9.200.000.000 đồng.			
--	---	--	--	--

upub

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là 03 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu.

(2) Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;
- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc Tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(3) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1)

(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

(4) Đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước khi chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo là dịch vụ phi tư vấn của doanh nghiệp đó theo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 06 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường. Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đầu thầu khi chào thầu dịch vụ do nhà thầu đó cung cấp không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 05 năm kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền công nhận. Trường hợp sau khi đánh giá mà nhà thầu không đáp ứng về đối tượng được hưởng ưu đãi thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu về doanh thu.

(5) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được

tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1; Y-2...).

Ví dụ 1: Thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).

Ví dụ 2: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(6) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là từ 1 đến 1,5.

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,0.

Đối với gói thầu bảo hiểm thì có thể đưa ra yêu cầu về doanh thu bình quân hằng năm cao hơn so với cách tính theo công thức nêu trên nhưng phải bảo đảm không được làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu.

(7) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(8) Đối với các hợp đồng mà Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

(9) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu:

a) Nhân sự chủ chốt:

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt ⁽¹⁾

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn ⁽²⁾
1	Chỉ huy trưởng công trường	01 người	Tối thiểu 03 hợp đồng với vai trò tối thiểu là cán bộ giám sát kỹ thuật, hoặc tổ chức thi công, hoặc lắp đặt giàn giáo (trong đó có hạng mục bắc giáo bên trong lò hơi NMNĐ than có công suất 01 tổ máy ≥ 300 MW)	<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao công chứng/chứng thực; + Chứng nhận huấn luyện/thẻ ATVSLĐ Nhóm III: Làm việc trên cao, không gian hạn chế; + Chứng chỉ đào tạo giám sát giàn giáo hoặc chứng nhận kỹ thuật giàn giáo tối thiểu bậc 03 cho giàn giáo thép tổ hợp phù hợp; + Hợp đồng lao động với nhà thầu ít nhất đến thời điểm đóng thầu; + Hợp đồng có tên nhân sự này đã tham gia thi công, giám sát hoặc quyết định/giấy giới thiệu nhân sự tham gia thực hiện hợp đồng; + Hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật có tên nhân sự này tham gia. - Nhà thầu phải cam kết gia hạn để đảm bảo các chứng chỉ trong suốt thời gian thực hiện gói thầu.



2	Phụ trách an toàn	02 người	Tối thiểu 02 năm kinh nghiệm giám sát an toàn vệ sinh lao động hoặc phụ trách an toàn vệ sinh lao động mảng xây dựng hoặc bảo dưỡng sửa chữa cho các nhà máy công nghiệp.	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp bản gốc hoặc bản sao có công chứng/chứng thực các tài liệu sau: + Chứng nhận huấn luyện/thẻ ATVSLĐ nhóm II; + Hợp đồng lao động (HĐLĐ) với nhà thầu còn hiệu lực ít nhất đến thời điểm đóng thầu. Trường hợp đi thuê thì phải có hợp đồng dịch vụ với tổ chức (doanh nghiệp được phép hoạt động cho thuê lại lao động theo quy định của pháp luật), hợp đồng với cá nhân trước khi thực hiện gói thầu; - Kê khai đầy đủ kinh nghiệm của các nhân sự theo mẫu 6C chương IV.
I Đối với công tác lắp đặt giàn giáo:				
2	Nhân sự giám sát, kiểm tra kỹ thuật lắp dựng giàn giáo	04 người	Tối thiểu 01 hợp đồng với vai trò và vị trí tương tự.	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp bản gốc hoặc bản sao có công chứng/chứng thực các tài liệu sau: + Chứng nhận huấn luyện/thẻ ATVSLĐ nhóm III: Làm việc trên cao; + Chứng chỉ đào tạo giám sát hoặc chứng chỉ kỹ thuật giàn giáo bậc II trở lên cho giàn giáo thép tổ hợp phù hợp; + Hợp đồng lao động với nhà thầu ít nhất đến thời điểm đóng thầu; + Hợp đồng có tên các nhân sự này đã tham gia thi công, giám sát hoặc quyết định/giấy giới thiệu nhân sự tham gia thực hiện hợp đồng. - Nhà thầu phải cam kết gia hạn để đảm bảo các chứng chỉ có hiệu lực trong suốt thời gian thực hiện gói thầu.
3	Nhân sự lắp dựng giàn giáo	30 người		<ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu phải cam kết huy động đầy đủ nhân sự để thực hiện công việc đúng tiến độ, đúng yêu cầu. - Cung cấp bản gốc hoặc bản sao có công chứng/chứng thực các tài liệu sau: + Chứng chỉ/chứng nhận về kỹ thuật tháo, lắp giàn giáo thép tổ hợp phù hợp; + Chứng nhận huấn luyện/thẻ ATVSLĐ nhóm III: làm việc trên cao, không gian hạn chế; + Hợp đồng lao động (HĐLĐ) với nhà thầu còn hiệu lực ít nhất đến thời điểm đóng thầu. Trường hợp đi thuê thì phải có hợp đồng dịch vụ với tổ chức (doanh nghiệp được phép hoạt động cho thuê lại lao động theo quy định của pháp luật), hợp đồng với cá nhân trước khi thực hiện gói thầu;



				- Nhà thầu phải cam kết gia hạn đảm bảo các chứng chỉ có hiệu lực trong suốt thời gian thực hiện gói thầu.
II	Đối với công tác lắp đặt, vận hành, kiểm định - thử tải, tháo dỡ sàn thao tác cho tời nâng windlass:			
1	Trưởng nhóm lắp đặt sàn nâng windlass	01 người	Tối thiểu 01 hợp đồng có tính chất tương tự (windlass/gondola,...).	<p>- Cung cấp bản gốc hoặc bản sao có công chứng/chứng thực các tài liệu sau:</p> <p>+ Bảng tốt nghiệp đại học chuyên ngành kỹ thuật trở lên;</p> <p>+ Hợp đồng lao động (HĐLĐ) với nhà thầu còn hiệu lực ít nhất đến thời điểm đóng thầu. Trường hợp đi thuê thì phải có hợp đồng dịch vụ với tổ chức (doanh nghiệp được phép hoạt động cho thuê lại lao động theo quy định của pháp luật), hợp đồng với cá nhân trước khi thực hiện gói thầu;</p> <p>+ Chứng nhận huấn luyện/thẻ ATVSLĐ nhóm III: làm việc trên cao, làm việc trong không gian hạn chế;</p> <p>+ Hợp đồng có tên nhân sự này đã tham gia thi công, giám sát hoặc quyết định/giấy giới thiệu nhân sự tham gia thực hiện hợp đồng, hoặc xác nhận của chủ đầu tư.</p> <p>- Nhà thầu phải cam kết gia hạn để đảm bảo các chứng chỉ có hiệu lực trong suốt thời gian thực hiện gói thầu.</p>
2	Công nhân kỹ thuật	06 người.	Tối thiểu 01 hợp đồng có tính chất tương tự (windlass/gondola,...).	<p>- Cung cấp bản gốc hoặc bản sao có công chứng/chứng thực các tài liệu sau:</p> <p>+ Chứng nhận huấn luyện/thẻ ATVSLĐ nhóm III: làm việc trên cao, làm việc trong không gian hạn chế;</p> <p>+ Hợp đồng lao động (HĐLĐ) với nhà thầu còn hiệu lực ít nhất đến thời điểm đóng thầu. Trường hợp đi thuê thì phải có hợp đồng dịch vụ với tổ chức (doanh nghiệp được phép hoạt động cho thuê lại lao động theo quy định của pháp luật), hợp đồng với cá nhân trước khi thực hiện gói thầu;</p> <p>+ Hợp đồng có tên các nhân sự này đã tham gia thi công, giám sát hoặc quyết định/giấy giới thiệu nhân sự tham gia thực hiện hợp đồng, hoặc xác nhận của chủ đầu tư.</p> <p>- Nhà thầu phải cam kết gia hạn để đảm bảo các chứng chỉ có hiệu lực trong suốt thời gian thực hiện gói thầu.</p>
3	Vận hành tời nâng	02 người.	Tối thiểu 02 năm kinh nghiệm tham gia vận hành các	- Nhà thầu phải cam kết cung cấp đầy đủ nhân sự vận hành tời nâng cho trường hợp thi công cả 02 ca (ca ngày, ca đêm).



			loại tời nâng trong nhà máy công nghiệp.	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp bản gốc hoặc bản sao có công chứng/chứng thực các tài liệu sau: + Chứng chỉ vận hành thiết bị nâng (sản xuất người); + Hợp đồng lao động (HĐLĐ) với nhà thầu còn hiệu lực ít nhất đến thời điểm đóng thầu. Trường hợp đi thuê thì phải có hợp đồng dịch vụ với tổ chức (doanh nghiệp được phép hoạt động cho thuê lại lao động theo quy định của pháp luật), hợp đồng với cá nhân trước khi thực hiện gói thầu; + Chứng nhận huấn luyện/thẻ ATVSLĐ nhóm III: làm việc trên cao, làm việc trong không gian hạn chế; - Kê khai đầy đủ kinh nghiệm của các nhân sự theo mẫu 6C chương IV. - Nhà thầu phải cam kết gia hạn đảm bảo các chứng chỉ có hiệu lực trong suốt thời gian thực hiện gói thầu.
III Đối với công tác chọn thầu trước khi bắt giá:				
1	Nhân sự thực hiện chọn thầu	06 người	Tối thiểu 01 hợp đồng với vai trò và vị trí tương tự.	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp bản gốc hoặc bản sao có công chứng/chứng thực: + Chứng nhận huấn luyện/thẻ ATVSLĐ nhóm III: làm việc trên cao, làm việc trong không gian hạn chế; + Hợp đồng lao động (HĐLĐ) với nhà thầu còn hiệu lực ít nhất đến thời điểm đóng thầu. Trường hợp đi thuê thì phải có hợp đồng dịch vụ với tổ chức (doanh nghiệp được phép hoạt động cho thuê lại lao động theo quy định của pháp luật), hợp đồng với cá nhân trước khi thực hiện gói thầu; + Hợp đồng có tên nhân sự này tham gia thi công, giám sát hoặc quyết định/giấy giới thiệu nhân sự tham gia thực hiện hợp đồng (bản sao có chứng thực), hoặc xác nhận của chủ đầu tư. - Nhà thầu phải cam kết gia hạn đảm bảo các chứng chỉ có hiệu lực trong suốt thời gian thực hiện gói thầu.
IV Đối với công tác lắp bê tông chịu lửa:				
1	Trưởng nhóm thi công	01 người	Tối thiểu 02 hợp đồng thi công, sửa chữa bê tông, vật liệu chịu nhiệt cho các nhà máy công nghiệp (trong đó có hạng mục cắt pin	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp bản gốc hoặc bản sao có công chứng/chứng thực các tài liệu sau: + Bằng tốt nghiệp chuyên ngành vật liệu, xây dựng trình độ đại học trở lên; + Hợp đồng lao động (HĐLĐ) với nhà thầu còn hiệu lực ít nhất đến thời điểm đóng thầu. Trường hợp đi thuê thì phải có

Chốt

			neo bên trong lò hơi NMNĐ than có công suất \geq 300MW)	<p>hợp đồng dịch vụ với tổ chức (doanh nghiệp được phép hoạt động cho thuê lại lao động theo quy định của pháp luật), hợp đồng với cá nhân trước khi thực hiện gói thầu;</p> <p>+ Chứng nhận huấn luyện/thẻ ATVSLĐ nhóm III: làm việc trong không gian hạn chế;</p> <p>+ Hợp đồng có tên nhân sự này đã tham gia giám sát hoặc quyết định/giấy giới thiệu nhân sự tham gia thực hiện hợp đồng, hoặc xác nhận của chủ đầu tư.</p>
2	Phụ trách kỹ thuật	01 người	Tối thiểu 02 hợp đồng thi công, sửa chữa bê tông, vật liệu chịu nhiệt cho các nhà máy công nghiệp. (trong đó có hạng mục cắt pin neo bên trong lò hơi NMNĐ than có công suất \geq 300MW)	<p>- Cung cấp bản gốc hoặc bản sao có công chứng/chứng thực các tài liệu sau:</p> <p>+ Bảng tốt nghiệp chuyên ngành cơ khí hoặc xây dựng trình độ đại học trở lên;</p> <p>+ Hợp đồng lao động (HĐLĐ) với nhà thầu còn hiệu lực ít nhất đến thời điểm đóng thầu. Trường hợp đi thuê thì phải có hợp đồng dịch vụ với tổ chức (doanh nghiệp được phép hoạt động cho thuê lại lao động theo quy định của pháp luật), hợp đồng với cá nhân trước khi thực hiện gói thầu;</p> <p>+ Chứng nhận huấn luyện/thẻ ATVSLĐ nhóm III: làm việc trong không gian hạn chế;</p> <p>+ Hợp đồng có tên nhân sự này đã tham gia giám sát hoặc quyết định/giấy giới thiệu nhân sự tham gia thực hiện hợp đồng.</p>
3	Công nhân kỹ thuật	10 người	Tối thiểu 02 hợp đồng về thi công vật liệu, chịu nhiệt bên trong lò hơi hoặc nhà máy công nghiệp.	<p>- Cung cấp bản gốc hoặc bản sao có công chứng/chứng thực các tài liệu sau:</p> <p>+ Chứng nhận huấn luyện/thẻ ATVSLĐ nhóm III: làm việc trong không gian hạn chế;</p> <p>+ Hợp đồng lao động (HĐLĐ) với nhà thầu còn hiệu lực ít nhất đến thời điểm đóng thầu. Trường hợp đi thuê thì phải có hợp đồng dịch vụ với tổ chức (doanh nghiệp được phép hoạt động cho thuê lại lao động theo quy định của pháp luật), hợp đồng với cá nhân trước khi thực hiện gói thầu;</p> <p>+ Hợp đồng có tên nhân sự này đã tham gia giám sát hoặc quyết định/giấy giới thiệu nhân sự tham gia thực hiện hợp đồng.</p>
4	Công nhân hàn	01 người	Tối thiểu 01 hợp đồng xây lắp, bảo dưỡng sửa chữa	- Yêu cầu có chứng chỉ hàn 6G theo tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế ít nhất đến thời điểm đóng thầu.



			trong nhà máy nhiệt điện hoặc nhà máy công nghiệp.	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp bản gốc hoặc bản sao có công chức các tài liệu sau: + Chứng chỉ hàn 6G theo tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế còn hiệu lực ít nhất tính đến thời điểm đóng thầu; + Hợp đồng lao động (HĐLĐ) với nhà thầu còn hiệu lực ít nhất đến thời điểm đóng thầu. Trường hợp đi thuê thì phải có hợp đồng dịch vụ với tổ chức (doanh nghiệp được phép hoạt động cho thuê lao động theo quy định của pháp luật), hợp đồng với cá nhân trước khi thực hiện gói thầu; + Chứng nhận huấn luyện/thẻ ATVSLĐ nhóm III: kỹ thuật an toàn cơ khí, Hàn cắt kim loại; + Hợp đồng có tên nhân sự này đã tham gia giám sát hoặc quyết định/giấy giới thiệu nhân sự tham gia thực hiện hợp đồng.
--	--	--	--	---

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu không có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì Chủ đầu tư không nhập Bảng này.

(2) Chỉ quy định trong trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có yêu cầu về bằng cấp/chứng chỉ chuyên môn.

b) Thiết bị chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu:

Nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động danh mục tối thiểu các thiết bị thi công (còn hạn kiểm định, còn hạn sử dụng theo quy định, đảm bảo các yêu cầu theo quy định hiện hành (ít nhất tính đến thời điểm đóng thầu)) cần có để thực hiện gói thầu như sau:

Căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu, Chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về thiết bị chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp. Chỉ quy định về thiết bị chủ yếu đối với các thiết bị đặc chủng, đặc thù bắt buộc phải có để triển khai thực hiện gói thầu. Thiết bị chủ yếu có thể thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp thiết bị chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong E-HSĐT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động thiết bị (bao gồm cả trường hợp thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng thiết bị chủ yếu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực trong E-HSĐT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay

thể thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về thiết bị chủ yếu được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các thiết bị chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị chủ yếu

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	Máy trộn bê tông - Công suất 4~6kW	1
2	Máy mài D100~D180	3
3	Súng đục bê tông dùng khí nén: - Áp khí nén từ 0.6-0.8Mpa	8
4	Xe nâng tải trọng nâng 2~3 tấn	1
5	Tời điện tải trọng 0,2~1 tấn	1
6	Máy hàn tig , điện: - Điện áp: 200-380V - Dòng hàn từ 10-300A	2
7	Máy bắn tia nước áp lực cao Áp lực từ 2000 - 3000 bar, lưu lượng nước 18L/phút	1

c) Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

TT	Nội dung	Đạt	Không đạt	Tài liệu cung cấp
1	Phạm vi công việc			
	Cung cấp đầy đủ phạm vi công việc tại Chương IV, mẫu 01A	Đầy đủ	Không đầy đủ	Mẫu 01A
2	Giải pháp kỹ thuật			
2.1	Cung cấp vật tư, công cụ dụng cụ thi công đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu tại Chương V, mục 2, điểm 2.2, phần a	Đáp ứng	Không đáp ứng	Trình bày chi tiết trong HSDT.

TT	Nội dung	Đạt	Không đạt	Tài liệu cung cấp
2.2	Công tác chuẩn bị thi công đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu tại Chương V, mục 2, điểm 2.2, phần b	Đáp ứng	Không đáp ứng	Trình bày chi tiết trong HSDT.
2.3	Tổ chức mặt bằng công trường đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu tại Chương V, mục 2, điểm 2.2, phần c	Đáp ứng	Không đáp ứng	Trình bày chi tiết trong HSDT.
2.4	Hệ thống tổ chức đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu tại Chương V, mục 2, điểm 2.2, phần d	Đáp ứng	Không đáp ứng	Trình bày chi tiết trong HSDT.
2.5	Biện pháp/trình tự thi công đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu tại Chương V, mục 2, điểm 2.2, phần e	Đáp ứng	Không đáp ứng	Trình bày chi tiết trong HSDT.
2.6	Biện pháp tổ chức nghiệm thu các giai đoạn thi công và nghiệm thu tổng thể công trình đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu tại Chương V, mục 2, điểm 2.2, phần f	Đáp ứng	Không đáp ứng	Trình bày chi tiết trong HSDT.
2.7	Biện pháp đảm bảo chất lượng đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu tại Chương V, mục 2, điểm 2.2, phần g	Đáp ứng	Không đáp ứng	Trình bày chi tiết trong HSDT.
2.8	Bảng tiến độ thi công đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu tại Chương V, mục 2, điểm 2.2, phần h	Đáp ứng	Không đáp ứng	Trình bày chi tiết trong HSDT.
2.9	Cam kết nghĩa vụ bảo hành, bảo trì đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu tại Chương V, mục 2, điểm 2.2, phần i	Đáp ứng	Không đáp ứng	Cam kết trong HSDT.
3	Biện pháp đảm bảo an toàn sức khỏe môi trường			
3.1	Đáp ứng đầy đủ yêu cầu về công tác an toàn sức khỏe môi trường theo yêu cầu tại Chương V, mục 2, điểm 2.1	Đáp ứng	Không đáp ứng	Cam kết trong HSDT.
4	Tiến độ thực hiện hợp đồng			
4.1	Đối với công tác lắp đặt giàn giáo: không quá 45 ngày từ ngày bàn giao mặt bằng.	Đáp ứng	Không đáp ứng	
4.2	Đối với công tác lắp đặt tời windlass: không quá 25 ngày từ ngày bàn giao mặt bằng.	Đáp ứng	Không đáp ứng	
4.3	Đối với công tác chọc xi trước khi bắc giáo: không quá 5 ngày từ ngày bàn giao mặt bằng.	Đáp ứng	Không đáp ứng	
4.4	Đối với công tác đắp bê tông chịu lửa: không quá 17 ngày.	Đáp ứng	Không đáp ứng	
5	Các yêu cầu khác			



TT	Nội dung	Đạt	Không đạt	Tài liệu cung cấp
5.1	Thông số và chất lượng giàn giáo: Nhà thầu có tài liệu chứng minh giàn giáo dùng để thi công là hệ giàn giáo ống thép mạ kẽm theo tiêu chuẩn BS 1139, được liên kết với nhau bởi cùm mạ kẽm theo tiêu chuẩn BS 1139.	Đáp ứng	Không đáp ứng	Hợp đồng mua/ thuê có thể hiện chất lượng hoặc chứng nhận chất lượng chứng minh số lượng giàn giáo đạt tiêu chuẩn BS1139 ≥ 60.000 mét.
5.2	Nhà thầu phải có phương án lắp đặt giàn giáo cho từng vị trí, đảm bảo mặt bằng thi công, hành lang an toàn.	Có	Không có	Trình bày chi tiết trong HSDT.
5.3	Nhà thầu phải có phương án lắp đặt giàn giáo chi tiết (bao gồm bản vẽ, các bước thực hiện) để phục vụ kiểm tra, sửa chữa toàn bộ giàn ống treo của bộ quá nhiệt mảnh.	Có	Không có	Trình bày chi tiết trong HSDT.
5.4	Nhà thầu phải cam kết: Phương pháp tính toán phải do đơn vị thứ 3 có chức năng kiểm định kỹ thuật an toàn thực hiện công tác thẩm định và xác nhận sau khi trúng thầu.	Có	Không có	Cam kết trong HSDT.
5.5	Cam kết cung cấp đầy đủ giàn giáo tại các vị trí khác hay có sự thay đổi vị trí lắp đặt theo yêu cầu của chủ đầu tư	Có	Không có	Cam kết trong HSDT.
5.6	Nhà thầu có cam kết hoàn thành lắp đặt giàn giáo trước 24 giờ tại vị trí cần thực hiện.	Có	Không có	Cam kết trong HSDT.

3.1. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDXTC

Phương pháp giá thấp nhất

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 31 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

STT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01A. Phạm vi cung cấp (áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra)	Scan đính kèm lên Hệ thống hoặc bảo lãnh điện tử (đối với Mẫu số 04A, 04B)	X	
I	Mẫu thuộc E-HSĐXKT			
2	Mẫu số 02. Đơn dự thầu thuộc E-HSĐXKT			X
3	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
4	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập</i>)			X
5	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh</i>)			X
6	Mẫu số 05. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện			X
7	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			X
8	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			X
9	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn			X
10	Mẫu số 06D. Bảng kê khai thiết bị chủ yếu			X
11	Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ			X
12	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu			X
13	Mẫu số 10A. Bảng tiến độ thực hiện (áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra, hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)		X	

II	Mẫu thuộc E-HSDXTC			
14	Mẫu số 11A. Bảng giá dự thầu (áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra)			X
15	Mẫu số 12. Bảng kê khai dịch vụ được hưởng ưu đãi			X
16	Mẫu số 13. Đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC			X

PHẠM VI CUNG CẤP

I. Phạm vi công việc chung:

a. Yêu cầu chung

Nhà thầu (bằng chi phí của mình) có quyền được đi khảo sát thực tế tại Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 để đánh giá và cập nhật thêm về tình trạng thiết bị, lịch sử vận hành, BDSC, sự cố, tài liệu hướng dẫn vận hành và BDSC của nhà sản xuất, vật liệu & các thông số kỹ thuật, các dụng cụ đặc biệt được cấp theo thiết bị, các quy trình phối hợp, chất lượng của các thiết bị trong gói thầu tham dự, tình trạng vận hành của các máy công cụ trong xưởng của nhà máy,... và các thông tin cần thiết khác (nếu cần).

Trong quá trình thi công nếu có bất cứ một thiết bị hay công việc nào của hệ thống thuộc phạm vi danh mục/hạng mục thi công của gói thầu, nhưng chưa được nêu trong phạm vi công việc của HSMT, nếu không làm thay đổi cơ bản tính chất công việc thì nhà thầu vẫn thực hiện công tác mà xem như đó là một phần nội dung công việc đã được thống nhất.

Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp toàn bộ vật tư tiêu hao, vật liệu phụ, công cụ dụng cụ, máy thi công cần thiết để hoàn thiện công việc yêu cầu.

Cung cấp rào chắn an toàn, thang sắt, dây cáp an toàn, lối đi vượt, lưới an toàn, thẻ treo giàn giáo, vận chuyển, nhân công lắp dựng, tháo dỡ... để thực hiện công việc tại công trường;

Cung cấp nhân sự đáp ứng yêu cầu công việc và tiến độ thi công theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

Nhà thầu phải chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng yêu cầu tại chương III. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và giấy tờ/hồ sơ năng lực kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt.

Lập tiến độ thực hiện các hạng mục chi tiết, tổng thể. Lập báo cáo an toàn thi công, nội dung- khối lượng công việc, kết quả thực hiện công việc hàng ngày, báo cáo sự cố và báo cáo tổng thể khi hoàn thành đợt thi công sửa chữa bảo dưỡng. Tham gia họp kiểm điểm tiến độ và xử lý vướng mắc với Chủ đầu tư hàng ngày hoặc khi có yêu cầu.

Tuân theo chỉ đạo chung của Chủ đầu tư (Bên mời thầu) trong công tác phối hợp để xử lý công việc đối với những hạng

mục có nhiều bên tham gia thực hiện (chuyên gia, giàn giáo, vật tư thay thế, ...). Nhà thầu phải đáp ứng kịp thời về chất lượng và tiến độ công việc theo quy định.

Thực hiện các công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi công việc của gói thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư trong thời gian thi công sửa chữa định kỳ tại nhà máy nhằm đảm bảo chất lượng và tiến độ công việc của gói thầu.

b. Phạm vi công việc công tác lắp đặt giàn giáo

Cung cấp dịch vụ lắp đặt giàn giáo phục vụ công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ Nhà máy điện Vũng Áng 1 năm 2026, theo vị trí và khối lượng dự kiến đính kèm (Chi tiết như phụ lục 1, Bảng 1.1 đến Bảng 1.9 đính kèm).

Cung cấp giàn giáo có định dạng hình khối từ mặt đất; giàn giáo dạng treo và lưới chống rơi bao gồm cả nhân công lắp đặt, tháo dỡ và vận chuyển.

Cung cấp vật liệu chính để lắp dựng giàn giáo: Ống thép phải có chiều dày ống, đường kính ống phù hợp tiêu chuẩn BS 1139, các loại cùm (cùm cố định và cùm xoay) theo tiêu chuẩn BS1139. Chủ đầu tư có quyền lấy mẫu ngẫu nhiên các thanh ống thép, phụ kiện để thực hiện thí nghiệm kiểm tra tính phù hợp của vật liệu theo tiêu chuẩn BS 1139.

Cung cấp toàn bộ công cụ dụng cụ, máy thi công, vật liệu phụ để phục vụ công tác lắp dựng, kiểm tra, tháo dỡ và vận chuyển giàn giáo.

c. Phạm vi công việc công tác lắp đặt tời nâng windlass

Cung cấp dịch vụ lắp đặt tời nâng windlass phục vụ công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ Nhà máy điện Vũng Áng 1 năm 2026 (Chi tiết như phụ lục 1, Bảng 1.11 đính kèm).

d. Phạm vi công việc công tác chọc xỉ trước khi bắc giáo

Cung cấp dịch vụ chọc xỉ buồng đốt lò hơi trước khi bắc giàn giáo phục vụ công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ tổ máy số 1 Nhà máy điện Vũng Áng 1 năm 2026 (Chi tiết như phụ lục 1, Bảng 1.12 đính kèm).

e. Phạm vi công việc công tác đắp bê tông chịu lửa

Nhà thầu thực hiện đầy đủ các công việc của gói thầu cung cấp dịch vụ vệ sinh xỉ, bê tông cũ và đắp lại bê tông mới khu vực đai đốt, thuyền xỉ, đỉnh lò, mui lò được nêu trong gói thầu (Chi tiết như phụ lục 1, Bảng 1.10 đính kèm) bao gồm tất cả các

công việc liên quan từ khảo sát, lập phương án, lập biện pháp thi công, chuẩn bị các điều kiện, biện pháp an toàn để thực hiện công tác, thực hiện các công tác trong phạm vi công việc, nghiệm thu đưa vào sử dụng, bàn giao, bảo hành... đáp ứng đúng theo thiết kế ban đầu hoặc các quy trình vận hành bảo dưỡng sửa chữa đã ban hành tại nhà máy và được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

Yêu cầu chung về làm sạch xỉ, bê tông cũ: Sạch hoàn toàn xỉ bám trên bề mặt làm sạch.

Yêu cầu chung về làm sạch bê tông cũ: các vị trí thực hiện đắp bê tông, bề mặt kim loại phải sạch hoàn toàn, không còn bê tông cũ bám trên bề mặt.

II. Phạm vi công việc chi tiết:

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện	Ngày hoàn thành dịch vụ
I	Dịch vụ lắp đặt giàn giáo	Chi tiết tại Phụ lục 1, chương V	Gói	1		
1	Giàn giáo hệ thống Tuabin - Máy phát	Chi tiết tại Phụ lục 1, chương V	m3	2.049	NMNĐ Vũng Áng 1, xóm Hải Phong, phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh	Theo quy định tại chương V
2	Giàn giáo các van hơi Tuabin	Chi tiết tại Phụ lục 1, chương V	m3	1.288		
3	Giàn giáo hệ thống phụ trợ tuabin-máy phát	Chi tiết tại Phụ lục 1, chương V	m3	1.734		
4	Giàn giáo hệ thống bơm nước cấp, nước ngưng	Chi tiết tại Phụ lục 1, chương V	m3	831		
5	Giàn giáo hệ thống bơm nước làm mát chính	Chi tiết tại Phụ lục 1, chương V	m3	402		
6	Giàn giáo hệ thống khói gió	Chi tiết tại Phụ lục 1, chương V	m3	10.704		
7	Giàn giáo hệ thống lò hơi, SCR	Chi tiết tại Phụ lục 1, chương V	m3	33.279		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện	Ngày hoàn thành dịch vụ
8	Giàn giáo hệ thống ESP-FGD	Chi tiết tại Phụ lục 1, chương V	m3	7.041		
9	Giàn giáo hệ thống máy biến áp chính, điện tự dùng, UPS, ống dẫn dòng IPB-NPB	Chi tiết tại Phụ lục 1, chương V	m3	6.473		
II	Dịch vụ vệ sinh xỉ, bê tông cũ và đắp lại bê tông mới khu vực đai đốt/thuyền xỉ/đỉnh lò/mui lò	Chi tiết tại Phụ lục 1, chương V	Gói	1		
1	Đai đốt	Chi tiết tại Phụ lục 1, chương V	m2	108		
2	Thuyền xỉ, đỉnh lò, mui lò	Chi tiết tại Phụ lục 1, chương V	Gói	1		
III	Dịch vụ lắp đặt tời nâng windlass	Chi tiết tại Phụ lục 1, chương V	Gói	1		
IV	Dịch vụ Chọc xỉ trước khi thực hiện công tác bắc giáo	Chi tiết tại Phụ lục 1, chương V	Gói	1		

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾*(thuộc E-HSDXKT)*

Ngày: ____

Tên gói thầu: ____

Kính gửi: ____

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ____, Mã số thuế _____ cam kết thực hiện gói thầu
 _____ số E-TBMT: _____ theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT.

Hiệu lực của E-HSDT: _____

Bảo đảm dự thầu*: _____ [ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của
 bảo đảm dự thầu]

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu⁽²⁾: _____ [ghi thời gian hiệu lực kể từ
 ngày đóng thầu]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);
2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;
3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);
6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;

* Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ nội dung về giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu.

7. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu⁽³⁾;

8. Những thông tin kê khai trong E-HSĐT là trung thực;

9. Trường hợp trúng thầu, E-HSĐT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSĐT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết;

10. Nếu E-HSĐT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 40.1 E-CDNT của E-HSMT;

11. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng. ⁽⁴⁾

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSĐT.

(2) Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì không áp dụng nội dung này.

(3) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

(4) Trường hợp gói thầu áp dụng đấu thầu trước, nhà thầu không phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu thì sửa khoản này như sau: “Trường hợp chúng tôi có các hành vi sau đây thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, bị nêu tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng, gồm:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSĐT, nhà thầu có văn bản rút E-HSĐT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất

trong E-HSĐT theo yêu cầu của E-HSMT;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoặc không ký biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng”.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

Ngày: _____

Gói thầu: _____

Thuộc dự án/dự toán mua sắm: _____

Căn cứ⁽²⁾ _____Căn cứ⁽²⁾ _____

Căn cứ E-HSMT Gói thầu: _____ với số E-TBMT: _____

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: _____

Mã số thuế: _____ ;

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: _____

Mã số thuế: _____ ;

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Tên thành viên liên danh thứ n: _____

Mã số thuế: _____ ;

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ thuộc dự án/dự toán mua sắm _____ .

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [ghi tên của liên danh].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác _____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____ thuộc dự án/dự toán mua sắm _____ đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công _____ làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.
[-Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;
- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;
- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng _____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây ⁽⁴⁾:

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- _____ - _____	- _____ % - _____ %
2	Tên thành viên thứ 2	- _____ - _____	- _____ % - _____ %
....
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu _____ thuộc dự án/ dự toán mua sắm _____ theo thông báo của Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu.

(2) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾*(áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập)*

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ___ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là ___ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/E-TBMT số ___ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu bằng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽³⁾.

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁴⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;
2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;
3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, từ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo

hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoặc không ký biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;

7. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSĐT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾*(áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh)*

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): _____ *[ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL]*

Ngày phát hành bảo lãnh: _____ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: _____ *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh: _____ *[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là _____ *[ghi tên nhà thầu]⁽²⁾* (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu _____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án/dự toán mua sắm _____ *[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* theo Thư mời thầu/E-TBMT số _____ *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là _____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong _____⁽³⁾ ngày, kể từ ngày _____ tháng _____ năm _____⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁵⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là _____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSĐT, nhà thầu có văn bản rút E-HSĐT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSĐT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo

hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoặc không ký biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;

7. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng.

8. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh _____ [*ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh*] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 E-CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thoả thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo

đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B + C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu;

- Trường hợp trong thỏa thuận liên danh không phân công cụ thể trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu của các thành viên trong liên danh nhưng tổng giá trị bảo đảm dự thầu của các thành viên liên danh đã thực hiện, đính kèm trong E-HSDT đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì vẫn được đánh giá là đáp ứng về giá trị bảo đảm dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Giá hợp đồng ⁽³⁾	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>		Tương đương ____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND
Tên dự án/ dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>		
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i>		
E-mail:	<i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III⁽²⁾			
1. Loại dịch vụ	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>		
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>		
3. Quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>		
4. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>		

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự chủ chốt này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSĐT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSĐT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSĐT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều gói thầu trong cùng khoảng thời gian và nhân sự của nhà thầu đề xuất cho các gói thầu này trùng nhau thì E-HSĐT của nhà thầu vẫn được xem xét, đánh giá. Tuy nhiên, nếu nhà thầu được xếp hạng thứ nhất ở nhiều gói thầu và thời gian huy động nhân sự để thực hiện các gói thầu này là trùng lặp, không bảo đảm huy động được đầy đủ nhân sự theo đúng tiến độ, yêu cầu của gói thầu nhà thầu được lựa chọn một trong các gói thầu mà nhà thầu xếp hạng thứ nhất.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	<i>[Nhà thầu chọn nhân sự chủ chốt từ cơ sở dữ liệu của mình trên Hệ thống]</i>	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2	.	
...		

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự							Công việc hiện tại				
Stt	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bản, chứng chỉ có liên quan, kinh nghiệm chuyên môn được kê khai tại Mẫu 06C Chương IV) trong quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có).

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN⁽¹⁾

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/Hợp đồng/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]
2				
...	...			

Ghi chú:

(1) Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.

BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ CHỦ YẾU

Nhà thầu phải kê khai những thiết bị chủ yếu theo quy định tại điểm b Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các thiết bị này để tham gia thực hiện gói thầu. Thiết bị chủ yếu có thể thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong E-HSĐT không đáp ứng yêu cầu, Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng thiết bị chủ yếu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị chủ yếu thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSĐT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực trong E-HSĐT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSĐT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều gói thầu trong cùng khoảng thời gian và thiết bị của nhà thầu đề xuất cho các gói thầu này trùng nhau thì E-HSĐT của nhà thầu vẫn được xem xét, đánh giá. Tuy nhiên, nếu nhà thầu được xếp hạng thứ nhất ở nhiều gói thầu và thời gian huy động thiết bị để thực hiện các gói thầu này là trùng lặp, không bảo đảm huy động được đầy đủ thiết bị theo đúng tiến độ, yêu cầu của gói thầu thì nhà thầu được lựa chọn một trong các gói thầu mà nhà thầu xếp hạng thứ nhất.

Loại thiết bị		
Thông tin thiết bị	Tên nhà sản xuất	Đời máy (model)
	Công suất (*)	Năm sản xuất (*)
	Tính năng	Xuất xứ Số đăng ký/đăng kiểm (nếu có)
Hiện trạng	Địa điểm hiện tại của thiết bị	
	Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại	
Nguồn	Nêu rõ nguồn thiết bị <input type="checkbox"/> Sở hữu của nhà thầu <input type="checkbox"/> Đi thuê <input type="checkbox"/> Cho thuê <input type="checkbox"/> Chế tạo đặc biệt	

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

Chủ sở hữu	Tên chủ sở hữu	
	Địa chỉ chủ sở hữu	
	Số điện thoại	Tên và chức danh
	Số fax	Telex
Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án		

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại khoản 2.1 Mục 2 Chương III			
<input type="checkbox"/> Không có hoặc có 01 hợp đồng (cung cấp dịch vụ phi tư vấn) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm ___ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.			
<input type="checkbox"/> Có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp dịch vụ phi tư vấn) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm ___ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.			
Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ. Trường hợp Chủ đầu tư, tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Năm tài chính của nhà thầu từ ngày __ tháng __ đến ngày __ tháng __ (nhà thầu điền nội dung này)			
Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của E-HSMT (Hệ thống tự động trích xuất trên cơ sở năm tài chính của nhà thầu)			
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) ⁽²⁾	(Hệ thống tự động tính)		
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của E-HSMT/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được trích xuất từ hồ sơ năng lực của nhà thầu. Trường hợp nhà thầu nhận thấy doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) trong hồ sơ năng lực của nhà thầu chưa được Hệ thống cập nhật từ Hệ thống thuế điện tử và Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu nhưng bảo đảm phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

BẢNG GIÁ DỰ THẦU

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(6)
1						
2						
...						
Tổng công:						

Ghi chú:

- Nhà thầu chào đầy đủ danh mục dịch vụ cho từng hạng mục công việc chi tiết đã nêu tại Mẫu số 01A.
- Nhà thầu điền đơn giá cho tất cả các hạng mục công việc. Đơn giá nhà thầu chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí, chi phí dự phòng (nếu có).
- Mức thuế suất GTGT áp dụng: 10%.

BẢNG KÊ KHAI DỊCH VỤ ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI

Nhà thầu chỉ được hưởng ưu đãi đối với các nội dung mà nhà thầu kê khai theo bảng dưới đây. Trường hợp nhà thầu không tích chọn thì không được hưởng ưu đãi về nội dung này.

Nội dung	Có	Không
Nhà thầu là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo ⁽¹⁾	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Dịch vụ là sản phẩm đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP mà sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường trong 6 năm gần đây ⁽²⁾	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Ghi chú:

(1), (2): Nhà thầu đánh dấu vào ô tương ứng. Trường hợp nhà thầu tích chọn vào “Có” nội dung (1) thì Hệ thống cho phép nhà thầu chọn nội dung (2).

Trường hợp nhà thầu tích chọn “Có” thì nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾*(thuộc E-HSĐXTC)*

Ngày:___

Tên gói thầu:___

Kính gửi:___

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu:_____ cam kết thực hiện gói thầu _____ số E-TBMT _____ theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là _____ cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là _____ [*Ghi tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh, giá trị giảm giá tính trên giá dự thầu chưa bao gồm chi phí dự phòng*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là:_____ (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSĐXTC:_____ .

Chúng tôi cam kết:

1. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực.
2. Nếu E-HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 40.1 E-CDNT của E-HSMT.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Phạm vi yêu cầu của gói thầu

1.1. Thời hạn hoàn thành

- Đối với công tác lắp đặt giàn giáo: không quá 45 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng.
- Đối với công tác lắp đặt tời nâng windlass: không quá 25 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng.
- Đối với công tác chọc xỉ trước khi bắc giáo: không quá 5 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng.
- Đối với công tác đắp bê tông chịu lửa: không quá 17 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng (không bao gồm thời gian bắc giáo).

1.2. Phân chia trách nhiệm

Cơ sở hạ tầng kỹ thuật hiện có: Chủ đầu tư có nguồn điện, nước, khí nén, cầu trục phục vụ thi công và sẽ cung cấp dịch vụ cho nhà thầu tại các điểm đầu nối của mình khi Nhà thầu có nhu cầu sử dụng (khi có nhu cầu sử dụng nhà thầu làm văn bản đăng ký với Chủ đầu tư và thực hiện theo quy định hiện hành của Chủ đầu tư).

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Nhà thầu	Ghi chú
1	Điện, nước thi công	x		
2	Khí nén phục vụ thi công	x		
3	Cung cấp cầu trục trong khu vực hệ thống các quạt, SCR, Đinh lò	x		
4	Vật tư thay thế	x		
5	Cho phép nhà thầu sử dụng các thiết bị trong workshop, nhà thầu tự chuẩn bị các vật tư tiêu hao liên quan. Sau khi hoàn thiện công tác, nhà thầu có trách nhiệm hoàn trả nguyên trạng và đảm bảo các tính năng sử dụng.	x		
6	Chỉ dẫn cho nhà thầu các yêu cầu chung về an toàn và đặc thù cho từng khu vực.	x		
7	Tổ chức họp kiểm điểm tiến độ hàng ngày với nhà thầu.	x		
8	Cấp giấy phép làm việc, phiếu công tác	x		



STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Nhà thầu	Ghi chú
9	Chỉ dẫn cho nhà thầu vị trí để tập kết nhân sự, vị trí nghỉ ngơi tạm thời	x		
10	Thực hiện thi công sửa chữa bảo dưỡng theo phạm vi công việc		x	
11	Lập Biện pháp tổ chức thi công tổng thể, chi tiết		x	
12	Các Nhà thầu phụ lập biện pháp thi công phần việc do mình thực hiện.		x	
13	Nhà thầu lập Biện pháp tổ chức thi công chi tiết và trình CĐT tối đa 20 ngày sau khi ký hợp đồng		x	
14	Lập quy trình nghiệm thu và trình chủ đầu tư trước khi thực hiện.		x	
15	Quy trình hàn và biện pháp hàn (WPS & PQR)		x	
16	Lập tiến độ thi công		x	
17	Lập sơ đồ tổ chức thi công		x	
18	Chuẩn bị mặt bằng thi công		x	
19	Lập biện pháp lắp đặt giàn giáo cho từng cụm thiết bị/hệ thống		x	
21	Trình các qui trình thí nghiệm		x	
22	Cung cấp vật tư tiêu hao, vật liệu phụ, đồ gá, thiết bị... phục vụ thi công		x	
23	Cung cấp máy thi công, công cụ dụng cụ thi công.		x	
24	Đèn chiếu sáng, quạt thông gió và các thiết bị cần thiết khác tại các khu vực thi công.		x	
25	Cam kết hợp tác & thực hiện các công việc phát sinh trong quá trình thi công.		x	
26	Lập báo cáo tiến độ hàng ngày trình chủ đầu tư và tham gia họp kiểm điểm tiến độ hàng ngày với chủ đầu tư.		x	
27	Nhà ở, ăn uống, đi lại, trang thiết bị bảo hộ cho công nhân trong thời gian thi công tại Nhà máy		x	
28	Lán trại/Khu vực tập kết, nghỉ ngơi tạm thời theo chỉ dẫn của Chủ đầu tư		x	



STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Nhà thầu	Ghi chú
29	Chi phí liên quan đến công tác phòng chống bệnh truyền nhiễm nhóm A khi trong quá trình thực hiện hợp đồng		x	
30	Trình Hồ sơ an toàn sức khỏe môi trường theo quy định của chủ đầu tư để xem xét chấp thuận (tối đa sau 20 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng)		x	

Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật

2.1. Yêu cầu về Công tác an toàn sức khỏe môi trường

a. Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ

Nhà thầu phải tuân thủ nội quy phòng cháy và chữa cháy, nội quy sử dụng điện của Chủ đầu tư tại Nhà máy điện, phải áp dụng tất cả các biện pháp phòng cháy chữa cháy cần thiết, trang bị và duy trì bằng chi phí của Nhà thầu các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy lưu động mà Nhà thầu hoặc Chủ đầu tư cho là cần thiết, và tuân theo mọi quy định hiện hành của luật pháp Việt Nam về phòng chống cháy nổ.

Nhà thầu sẽ phải bồi thường và không gây tổn hại đến Chủ đầu tư đối với mọi thiệt hại hoặc tổn thất do hậu quả cháy gây ra và Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm đối với mọi thiệt hại và tổn thất trong khu vực Nhà thầu chịu trách nhiệm, gồm cả khu vực của Nhà thầu phụ.

b. Yêu cầu về vệ sinh, bảo vệ môi trường

Nhà thầu phải áp dụng tất cả các biện pháp thích hợp để bảo vệ môi trường (cả khu vực trong Nhà máy và tại lán trại) để giới hạn thiệt hại và ảnh hưởng đối với người và tài sản do ô nhiễm, tiếng ồn và do các hoạt động của Nhà thầu.

Nhà thầu có trách nhiệm báo trước cho Chủ đầu tư và nhà máy biết nếu có ý định đem hóa chất độc hại hay các nguồn chứa hóa chất vào nhà máy. Cần phải nêu rõ tên hóa chất, chủng loại, mức độ nguy hiểm và các biện pháp an toàn áp dụng khi sử dụng hóa chất đó.

Nhà thầu phải đảm bảo thao tác an toàn, không để rò rỉ hóa chất gây ảnh hưởng tới con người và môi trường xung quanh, phải có kế hoạch sử dụng và lưu trữ hợp lý, tránh xảy ra tai nạn liên quan tới hóa chất đang sử dụng hoặc tạm thời không sử dụng.

Khi không cần sử dụng nữa, hóa chất độc hại phải được nhanh chóng đưa



ra khỏi khu vực thao tác; hóa chất thải cần được thu gom đúng quy định, quản lý chặt chẽ.

Nhà thầu có trách nhiệm dọn dẹp, vệ sinh khu vực thi công sau mỗi lần thay thế, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, máy móc... Rác thải trong quá trình thi công, sửa chữa bảo dưỡng sẽ được Nhà thầu gom vào thùng rác và/hoặc nơi do Chủ đầu tư quy định. Quy trình thu gom và xử lý chất thải cần được thống nhất trước khi thực hiện công việc.

Rác thải độc hại thải ra trong quá trình thực hiện công việc phải được thu gom vào thùng chứa riêng và bàn giao lại cho Chủ đầu tư/nhà máy sau khi hoàn thành công việc.

Chủ đầu tư cần được thông báo và xin ý kiến trong các trường hợp còn nghi ngại về các phân loại một loại rác thải nào đó.

Nhà thầu phải thông báo ngay lập tức cho Chủ đầu tư/nhà máy nếu xảy ra rò rỉ chất thải hay sự cố tương tự. Bất cứ sự rò rỉ dầu nào đều cần được xử lý ngay lập tức. Nhà thầu cần xây dựng sẵn phương án xử lý khi xảy ra rò rỉ hay tràn dầu và trình Chủ đầu tư phê duyệt.

Nghiêm cấm xả hóa chất hay bất cứ chất thải ô nhiễm nào khác vào cống, kênh thoát nước, hồ nước thải... Tất cả hóa chất cần được phân loại và chứa trong thùng chứa thích hợp, thu gom đến địa điểm tập kết do Chủ đầu tư quy định.

Nhà thầu, trong khả năng và phạm vi trách nhiệm của mình, cần đảm bảo thiết lập và duy trì trong suốt thời gian thao tác một môi trường và không gian làm việc an toàn và không gây ảnh hưởng xấu tới sức khỏe người lao động.

c. Yêu cầu về an toàn lao động

Nhà thầu phải lập các biện pháp an toàn cho người, thiết bị và công trình có trên mặt bằng thi công, kể cả cho các thiết bị và công trình phụ cận.

Nhà thầu phải tuân thủ tuyệt đối các quy định về ATVSLĐ của Chủ đầu tư: bao gồm các quy định về an toàn trong quá trình thi công, xử phạt với các trường hợp vi phạm...

Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo để phòng tai nạn.

Nhà thầu phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công. Nếu Nhà thầu để xảy ra vi phạm về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nhà thầu phải có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho người lao động của mình. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo lao động phù hợp.

Nhà thầu phải cam kết nhân sự của nhà thầu có giấy khám sức khỏe định kỳ và bảo hiểm tai nạn lao động phù hợp theo quy định và cung cấp đầy đủ theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

Nhà thầu có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, an toàn lao động người lao động.

Khi có sự cố về an toàn lao động, Nhà thầu và các bên liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật, đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường thiệt hại do Nhà thầu không bảo đảm an toàn lao động gây ra.

Nhà thầu phải quan tâm đầy đủ đến việc phòng ngừa và thực hiện các khuyến cáo của Bộ Y tế, biện pháp kiểm soát phòng ngừa lây nhiễm Covid-19, đảm bảo an toàn và sức khỏe cho nhân lực của Nhà thầu. Phối hợp với các cơ quan y tế địa phương, Nhà thầu phải đảm bảo rằng các nhân viên y tế, các phương tiện cấp cứu theo quy định của Nhà nước đối với Công trình.

Nhà thầu cung cấp danh sách nhân sự kèm theo chứng chỉ, chứng nhận huấn luyện an toàn vệ sinh lao động liên quan đang còn hiệu lực (ít nhất tính đến thời điểm đóng thầu). Cam kết sẽ hoàn thiện hiệu lực đối với các chứng chỉ, chứng nhận đến thời điểm thi công hết hiệu lực, như sau:

- Giấy chứng nhận huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động/ Thẻ an toàn lao động.
- Chứng chỉ của những người lao động làm những công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định hiện hành của nhà nước.
- Cam kết đối với nhân sự khi làm việc hàn cắt kim loại, thiết bị nâng hạ, trên cao, không gian hạn chế, hóa chất.. có đầy đủ thẻ an toàn tương ứng/hồ sơ đào tạo phù hợp với các quy định an toàn của nhà nước.
- Tối đa 20 ngày sau khi ký Hợp đồng Nhà thầu phải hoàn thiện và trình Chủ đầu tư Hồ sơ An toàn Sức khỏe Môi trường để xem xét chấp thuận.

d. Yêu cầu về tuân thủ quy định ATSKMT:

Nhà thầu phải nộp cam kết tuân thủ trong HSDT và phải tuyệt đối tuân thủ trong quá trình thực hiện về các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng chống cháy nổ và giữ gìn vệ sinh môi trường trong suốt quá trình thi công trên công trường theo

quy định hiện hành của Bên mời thầu/PV Power Ha Tinh (hiện tại đang áp dụng Quyết định số 46/QĐ-ĐLDKHT ngày 10/01/2023, trong trường hợp có cập nhật thay đổi nhà thầu sẽ phải tuân thủ theo quy định mới). Trường hợp Nhà thầu vi phạm quy định ATSKMT, Nhà thầu sẽ bị phạt theo quy định. Tất cả các chi phí phạt hành vi vi phạm của các nhân vi phạm, người giám sát an toàn của cá nhân vi phạm cũng như xử phạt hành chính đơn vị quản lý nhân sự vi phạm đều được trừ trực tiếp vào giá trị thực hiện hợp đồng của đơn vị quản lý nhân sự vi phạm.

Nhà thầu có trách nhiệm phổ biến tới toàn bộ nhân sự tham gia hợp đồng để biết và thực hiện.

2.2. Yêu cầu về giải pháp kỹ thuật thực hiện gói thầu

a. Yêu cầu về cung cấp vật tư, công cụ dụng cụ

Nhà thầu chịu trách nhiệm cung cấp đủ vật tư tiêu hao, vật liệu phụ, công cụ dụng cụ, máy thi công phục vụ thi công các hạng mục công việc theo yêu cầu của HSMT. Vật tư phục vụ thi công, yêu cầu Nhà thầu tuân thủ các nội dung sau:

- Nhà thầu phải cam kết đáp ứng đầy đủ số lượng và đảm bảo chất lượng vật tư mới 100% chưa qua sử dụng để không ảnh hưởng đến tiến độ thi công và chất lượng công trình.
- Các thiết bị đo, kiểm định, thiết bị nâng, thiết bị thủy lực,... phục vụ thi công phải có giấy chứng nhận kiểm định còn hạn sử dụng.
- Các dụng cụ, thiết bị điện phải dùng loại ổ cắm công nghiệp để đảm bảo an toàn trong quá trình thi công.
- Vật tư phải được kiểm tra và được nghiệm thu trước khi đưa vào sử dụng cho công trình và chấp nhận sự kiểm tra đột xuất của Chủ đầu tư.

Nhà thầu đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị nêu trên.

Nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động danh mục tối thiểu các thiết bị thi công (còn hạn kiểm định, còn hạn sử dụng, đáp ứng thông số kỹ thuật, đảm bảo các yêu cầu theo quy định hiện hành (ít nhất tính đến thời điểm đóng thầu) cần có để thực hiện gói thầu;

Với các thiết bị thuộc quyền sở hữu của Nhà thầu thì Nhà thầu phải chứng minh được quyền sở hữu bằng hợp đồng mua bán hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương. Trường hợp Nhà thầu thuê ngoài thì phải có hợp đồng cho thuê và bên cho thuê phải cung cấp các tài liệu chứng minh quyền sở hữu của bên cho thuê với thiết bị đó. Đồng thời cung cấp tài liệu thể hiện rõ thông số kỹ thuật đáp ứng theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

b. Công tác chuẩn bị thi công



Công tác chuẩn bị vật tư, vật liệu: Nhà thầu phải bố trí đủ lực lượng, phương tiện để tiếp nhận vật tư bên A cấp theo đúng quy định và phải có các biện pháp quản lý, bảo quản để đảm bảo chất lượng, số lượng vật tư trước khi đưa vào sử dụng.

Nhà thầu trình bày công tác chuẩn bị các máy móc phục vụ thi công, đảm bảo không ảnh hưởng đến chất lượng và tiến độ công việc;

Máy móc thi công, các dụng cụ kiểm tra, thí nghiệm phù hợp với biện pháp thi công đề xuất trong Bản báo giá và đảm bảo chất lượng.

Các máy móc, dụng cụ thi công phải được liệt kê đầy đủ theo nội dung công việc và phải phù hợp với nội dung công việc.

Có giấy tờ chứng minh máy móc, thiết bị thuộc quyền sở hữu của Nhà thầu hoặc nếu đi thuê thì phải có cam kết của đơn vị cho thuê với thời gian thuê đáp ứng yêu cầu trong HSMT (ít nhất bằng với thời gian thực hiện gói thầu).

Có bảng kê chất lượng máy thi công kèm theo giấy cấp phép hoạt động của cơ quan có thẩm quyền còn hiệu lực (nếu có). Các thiết bị nằm trong danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định của Thông tư số 36/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động – Thương binh – Xã hội và Danh mục phương tiện đo theo quy định tại Thông tư số 23/TT-BKHCN, ban hành ngày 26/9/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ phải được kiểm định, hiệu chuẩn theo đúng qui định quốc gia hoặc quốc tế (có tài liệu chứng nhận kèm theo).

c. Tổ chức mặt bằng công trường

Nhà thầu phải trình bày các nội dung sau:

- Phương án bố trí mặt bằng công trường, nhà ban chỉ huy, nhà bảo vệ, kho dụng cụ, kho vật tư, lán trại tạm, thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu,...
- Cách thức bố trí rào chắn, biển báo; tiêu chuẩn áp dụng, tiêu chuẩn phải phù hợp với quy định về an toàn hiện hành của Quốc gia.
- Giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước... Trong đó, phải nêu phương án cấp điện dự phòng trong trường hợp nguồn điện thi công công trường không đáp ứng được yêu cầu.

d. Hệ thống tổ chức

Nhà thầu phải có sơ đồ bố trí nhân lực thi công cho các bộ phận quản lý chất lượng, tiến độ, các nhóm (tổ) thi công ... chi tiết, phù hợp với nội dung công việc và tiến độ. Trong đó, qui định trách nhiệm của từng chức danh, từng bộ phận từ công tác chuẩn bị, thi công, theo dõi, giám sát, chạy thử nghiệm thu đến bàn

giao đưa vào sử dụng.

Nhà thầu phải trình bày phương án bố trí đủ nhân lực thi công như chỉ huy trưởng/ đội trưởng thi công cán bộ giám sát kỹ thuật, công nhân kỹ thuật..., đủ trình độ chuyên môn để thực hiện công việc đảm bảo an toàn, chất lượng và tiến độ theo phương án đề ra và phải bố trí nhân lực phục vụ công tác hoàn thiện các giấy tờ, thủ tục liên quan đến công tác thi công, nghiệm thu công trình tại công trường.

Nhà thầu không được thay thế các nhân sự chủ chốt (chỉ huy trưởng công trường, cán bộ giám sát kỹ thuật, tổ trưởng chuyên môn) trừ những trường hợp ốm đau, mất khả năng lao động, chuyển công tác,... trong trường hợp này Nhà thầu đề xuất thay đổi nhân sự bằng văn bản (kèm theo hồ sơ năng lực, các chứng chỉ liên quan đến nhân sự mới tương ứng với vị trí nhân sự thay đổi) gửi Bên mời thầu xem xét chấp thuận thông qua, muộn nhất 15 ngày trước khi thi công, Nhà thầu chỉ được thay thế nhân sự chủ chốt sau khi được Chủ đầu tư chấp thuận. Nhân sự chủ chốt thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Trong trường hợp này, Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu sau:

- Bản sao được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn.
- Hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm của nhân sự.
- Tài liệu chứng minh cho trường hợp ốm đau, mất khả năng lao động có xác nhận của bệnh viện, cơ quan có thẩm quyền.

Nếu được chọn, Nhà thầu phải cam kết:

- Không được thay đổi các nhân sự chủ chốt (chỉ huy trưởng công trường, cán bộ giám sát kỹ thuật, tổ trưởng chuyên môn) ngoại trừ các trường hợp đã nêu ở trên.
- Chỉ được phép thay đổi tối đa 30% trên tổng số lượng nhân sự đã đề xuất trong HSDT/nhân sự đề xuất huy động cho gói thầu, nhân sự Nhà thầu đề xuất thay đổi phải có trình độ/năng lực tối thiểu bằng hoặc tốt hơn nhân sự bị thay đổi. Trong trường hợp thay đổi phải đề xuất thay đổi nhân sự bằng văn bản (kèm theo hồ sơ năng lực, các chứng chỉ liên quan đến nhân sự mới tương ứng với vị trí nhân sự thay đổi) để Chủ đầu tư xem xét quyết định.
- Trường hợp Nhà thầu vi phạm cam kết này, Nhà thầu đồng ý chịu phạt trách nhiệm với mức phạt:
 - + Vượt quá tỷ lệ 30%: Mức phạt 10.000.000 VNĐ/người/lần/vị trí công tác (mười triệu VNĐ/người/lần/vị trí công tác).



- + Thay đổi nhân sự lần thứ 2 cho 1 vị trí: 15.000.000 VNĐ/người/lần/vị trí công tác (mười lăm triệu VNĐ/người/lần/vị trí công tác).

e. Công tác thi công

Nhà thầu phải trình bày công tác thi công theo các nội dung yêu cầu:

- Việc thay thế, sửa chữa, bảo dưỡng các chi tiết, khu vực không làm sai lệch thiết kế ban đầu của NMNĐ Vũng Áng 1.
- Sau khi thay thế sửa chữa, thiết bị, hệ thống phải đảm bảo vận hành an toàn, ổn định và có thông số như thiết kế ban đầu của NMNĐ Vũng Áng 1.
- Trình tự thi công phải phù hợp với phạm vi, khối lượng công việc theo yêu cầu phạm vi cung cấp của bên mời thầu, đảm bảo hợp lý và có tính khả thi cao.
- Biện pháp thi công, biện pháp an toàn, sơ đồ bố trí nhân sự, thời gian thực hiện công tác giữa các khu vực, các nhóm đảm bảo tiến độ, an toàn, chất lượng.

Nhà thầu phải lập biện pháp thi công phù hợp và đáp ứng theo yêu cầu công việc của HSMT và tuân theo yêu cầu, quy định tại Nhà máy.

Biện pháp thi công do Nhà thầu lập phải phù hợp với các tiêu chuẩn áp dụng, điều kiện thi công thực tế tại hiện trường. Đồng thời, hạn chế tối thiểu rủi ro làm hư hỏng đường ống trong quá trình đục tách xỉ, bê tông bên trong đai đốt và mui lò.

Nhà thầu phải đảm bảo quá trình thi công công trình không làm ảnh hưởng đến sản xuất của bên mời thầu. Mọi vấn đề thi công nếu ảnh hưởng đến sản xuất của bên mời thầu chỉ được phép thực hiện sau khi được phép của bên mời thầu.

Trong trường hợp do lỗi của nhà thầu làm thiệt hại đến sản xuất của bên mời thầu thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm bồi hoàn hoặc phải chịu trách nhiệm trước cơ quan chức năng, tùy theo mức độ thiệt hại gây nên.

Tối đa 20 ngày sau khi Hợp đồng có hiệu lực, Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư biện pháp thi công, an toàn, sơ đồ bố trí nhân sự, tiến độ chi tiết cho từng hạng mục công việc để xem xét chấp thuận.

f. Công tác tổ chức nghiệm thu các giai đoạn thi công và nghiệm thu tổng thể công trình.

(i) Đối với công tác lắp đặt giàn giáo:

Nhà thầu phải báo với chủ đầu tư để thực hiện nghiệm thu khối lượng tại mỗi vị trí sau khi hoàn thành công tác lắp đặt giàn giáo, đồng thời dựng mô hình 3D cho mỗi vị trí lắp đặt để bổ sung vào hồ sơ nghiệm thu trước khi thực hiện thanh quyết toán. Mô hình xây dựng trên kích thước đã thống nhất nghiệm thu đo

đặc trước đó.

(ii) Đối với công tác lắp đặt tời nâng windlass:

Nhà thầu xây dựng và đệ trình trong HSDT kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu công việc; trình tự thực hiện thử nghiệm, tiêu chuẩn nghiệm thu, các biểu mẫu thử nghiệm phù hợp với phạm vi công việc và biện pháp thi công của nhà thầu.

Nhà thầu phải thông báo với chủ đầu tư để thực hiện nghiệm thu công việc theo trình tự, biểu mẫu đã được phê duyệt sau khi hoàn thành công tác.

(iii) Đối với công tác chọc xi trước khi bắc giáo:

Nhà thầu phải thông báo với chủ đầu tư để thực hiện nghiệm thu công việc sau khi hoàn thành công tác chọc xi.

(iv) Đối với công tác đắp bê tông chịu lửa:

Nhà thầu trên cơ sở sơ đồ công nghệ và tài liệu vận hành bảo dưỡng sửa chữa, tài liệu của nhà sản xuất bê tông để đưa ra phương án chi tiết về trình tự nghiệm thu hệ thống, đảm bảo hệ thống, công trình được nghiệm thu theo từng giai đoạn và đảm bảo:

- Trong suốt quá trình chạy thử nghiệm thu nhà thầu phải bố trí đủ lực lượng có chuyên ngành phù hợp (tùy theo từng trường hợp cụ thể có thể mời chuyên gia nhà chế tạo), vật tư thay thế để xử lý kịp thời các khiếm khuyết xảy ra trong quá trình cung cấp. Tất cả các lỗi không phải do vận hành của chủ đầu tư gây ra thì nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- Nghiệm thu từng phần chứa các hạng mục đã thi công xong và có đầy đủ biên bản sửa chữa, lắp đặt và các loại biên bản khác phù hợp với các quy trình phối hợp, tài liệu kỹ thuật của nhà máy, các tiêu chuẩn của nhà chế tạo hoặc tiêu chuẩn của Quốc gia/Quốc tế và quy định của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP, Chi nhánh Tổng công ty - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh, Chi nhánh Tổng công ty - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.
- Nghiệm thu tổng hợp khi đã thi công xong toàn bộ công trình và tổng hợp đầy đủ các biên bản sửa chữa, thí nghiệm và các loại biên bản khác phù hợp với các quy trình phối hợp, tài liệu vận hành bảo dưỡng, tài liệu thiết kế hiện hữu, biên bản nghiệm thu lần đầu hoặc biên bản xác nhận thông số vận hành bình thường của thiết bị/hệ thống tương ứng, tiêu chuẩn của nhà chế tạo hoặc tiêu chuẩn Quốc gia/ Quốc tế.
- Đối với phần bê tông: Thiết bị sau khi hoàn thành sửa chữa, lắp đặt xong sẽ chạy thử (đốt lò) để tiến hành công tác sấy bê tông. Toàn bộ quá trình

cần thực hiện theo quy trình, khuyến cáo của nhà sản xuất và theo dõi hiện trạng thiết bị trong suốt quá trình sấy và sau khi sấy.

- Vận hành chạy thử trong 72h: Nhà thầu phải bố trí nhân sự để theo dõi trong suốt quá trình chạy thử, sấy bê tông và xử lý các bất thường trong quá trình chạy thử. Nếu đạt kết quả tốt sẽ được nghiệm thu hoàn thành để chuyển sang giai đoạn chạy bảo hành.

g. Biện pháp đảm bảo chất lượng

(i) Quy trình quản lý chất lượng thi công:

Yêu cầu Nhà thầu liệt kê các quy trình quản lý chất lượng thi công được áp dụng nếu trúng thầu, các quy trình quản lý chất lượng thi công phải phù hợp tiêu chuẩn của nhà chế tạo hoặc qui định hiện hành của quốc gia/quốc tế.

(ii) Biện pháp đảm bảo chất lượng vật tư:

Nhà thầu phải nêu biện pháp đảm bảo chất lượng toàn bộ vật tư sẽ đưa vào gói thầu, trong đó nêu cụ thể:

- Lập bảng danh mục toàn bộ vật tư, vật liệu, thiết bị sẽ đưa vào gói thầu và vật tư phục vụ cho biện pháp thi công.
- Giải pháp xử lý vật tư và thiết bị phát hiện không phù hợp với yêu cầu gói thầu.

(iii) Biện pháp đảm bảo chất lượng kỹ thuật công trình:

❖ Đối với công tác lắp đặt giàn giáo:

- Giàn giáo dùng để thi công là hệ giàn giáo ống tuýp mạ kẽm theo tiêu chuẩn BS 1139, được liên kết với nhau bởi cùm mạ kẽm theo tiêu chuẩn BS1139, vật tư giàn giáo phải có chứng nhận kiểm tra theo yêu cầu của tiêu chuẩn BS1139;
- Mâm giàn giáo mạ kẽm có lỗ để chống trơn trượt, được kết nối với ống thép bằng dây thép;
- Vật tư giàn giáo phải được kiểm tra bởi giám sát để đảm bảo đạt tiêu chuẩn BS1139 và được ghi nhận bằng biên bản trước khi đưa vào sử dụng;
- Tất cả giàn giáo sau khi lắp đặt phải được kiểm tra bởi giám sát đã được cấp chứng chỉ đào tạo an toàn được công nhận, và gắn thẻ kiểm soát cho phép sử dụng;
- Hàng tuần, trước khi sử dụng, giám sát giàn giáo sẽ đi kiểm tra lại toàn bộ để đảm bảo hệ giàn giáo được chắc chắn và bảo đảm an toàn cho người thi công;
- Nhà thầu phải tính toán và đưa ra kết quả để chứng minh về độ cứng vững



và đảm bảo ổn định của giàn giáo trong quá trình phục vụ thi công.

- Các chân giáo phải được lắp đặt sao cho không được tác động ảnh hưởng đến đường ống trong lò, các đầu giáo, khóa giáo sát ống lò phải được bọc, lót bằng cao su để tránh ảnh hưởng đến đường ống lò.

❖ Đối với công tác lắp đặt tời nâng windlasses:

- Tất cả hệ khung sàn sau khi lắp đặt phải được kiểm tra bởi giám sát đã được cấp chứng chỉ đào tạo an toàn được công nhận, và gắn thẻ kiểm soát cho phép sử dụng;

❖ Đối với công tác đắp bê tông chịu lửa:

Nhà thầu phải trình bày biện pháp quản lý chất lượng thi công cho toàn bộ công trình và cho từng hạng mục công trình. Biện pháp quản lý chất lượng phải quy định trách nhiệm của từng chức danh, từng bộ phận từ công tác chuẩn bị, thi công, theo dõi giám sát, chạy thử nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng.

Nhà thầu phải nêu biện pháp bảo quản vật tư, vật liệu, thiết bị công trình khi mưa bão.

Nhà thầu phải cam kết:

- Cam kết thi công đúng theo bản vẽ thiết kế, biện pháp thi công đã được Chủ đầu tư phê duyệt, tuân thủ tuyệt đối quy trình trộn- thi công- sấy bê tông theo khuyến cáo của nhà sản xuất, quy trình của hãng sản xuất bê tông. Tất cả công tác vệ sinh bê tông, vệ sinh bề mặt đai đốt, thuyền xỉ, mui lò, đỉnh lò trước khi đắp đổ đều phải tuân theo quy trình nghiệm thu bề mặt của Chủ đầu tư và có xác nhận của Chủ đầu tư trước khi Nhà thầu tiến hành thi công chuyển bước.
- Công tác nghiệm thu sau khi thực hiện công tác đắp đổ bê tông tại các vị trí đều phải tuân theo yêu cầu kỹ thuật của nhà sản xuất và quy trình nghiệm thu của Chủ đầu tư và có xác nhận của Chủ đầu tư.
- Đảm bảo chất lượng; thi công công trình không ảnh hưởng đến sản xuất của bên mời thầu; bảo hành toàn bộ công trình.
- Trường hợp do lỗi của nhà thầu làm thiệt hại đến bên mời thầu thì nhà thầu phải cam kết chịu trách nhiệm bồi hoàn hoặc phải cam kết chịu trách nhiệm trước cơ quan chức năng tùy theo mức độ thiệt hại gây nên.
- Nhà thầu cam kết bằng chi phí của mình sẽ cung cấp, gia công các đồ gá, cốp pha, biện pháp phục vụ công tác thay thế, sửa chữa, bảo dưỡng bê tông đai đốt, thuyền xỉ, đỉnh lò, mui lò.

h. Tiến độ thi công



(i) Biểu tiến độ thi công chi tiết

Yêu cầu nhà thầu xây dựng biểu tiến độ thi công chi tiết cho từng hạng mục công việc theo số ngày thực hiện liên tục kể từ ngày bàn giao mặt bằng. Bảng tiến độ thời gian thực hiện phải khả thi và đáp ứng yêu cầu tiến độ HSMT.

(ii) Biểu đồ huy động nhân lực, vật tư, thiết bị thi công

Căn cứ biểu tiến độ thi công chi tiết Nhà thầu đã xây dựng, yêu cầu Nhà thầu xây dựng biểu đồ huy động nhân lực, vật tư và thiết bị thi công để đảm bảo tiến độ vừa nêu.

(iii) Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công khi có rủi ro khách quan

Nhà thầu phải lường trước được một số rủi ro khách quan và nêu rõ biện pháp giải quyết khi xảy ra để đảm bảo tiến độ thi công.

Trong khoảng thời gian không thể thi công công trình do điều kiện khách quan, Nhà thầu theo hướng dẫn của Chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi rủi ro khách quan.

(iv) Đảm bảo tiến độ thi công

Nhà thầu cần căn cứ vào năng lực của mình để lập tiến độ thi công xây dựng đảm bảo chất lượng yêu cầu.

Nhà thầu cần tổ chức lập tiến độ thi công trên cơ sở khối lượng và biện pháp tổ chức thi công công trình (về bố trí nhân lực, bố trí thiết bị) do Nhà thầu đề xuất một cách hợp lý. Tiến độ thi công cần có tính toán cụ thể theo sự bố trí nhân lực, số lượng, năng suất các thiết bị thi công.

Nhà thầu phải cam kết thời gian hoàn thành bàn giao công trình là bao nhiêu ngày kể từ ngày Chủ đầu tư giao mặt bằng cho nhà thầu.

Nhà thầu phải thường xuyên đối chiếu tiến độ thực hiện so với tiến độ thi công đã thống nhất với Chủ đầu tư để kịp thời có biện pháp xử lý các chậm trễ ở từng khâu thi công.

Nếu Chủ đầu tư thấy tiến độ Nhà thầu thực hiện bị chậm, có khả năng làm chậm thời hạn hoàn thành công trình thì Nhà thầu phải có biện pháp cần thiết cùng với sự đồng ý của Chủ đầu tư để đẩy nhanh tiến độ theo yêu cầu. Nếu công trình hoàn thành chậm hơn so với thời gian quy định trong hợp đồng, do lỗi của nhà thầu gây ra thì nhà thầu phải chịu bù đắp mọi tổn thất và phải chịu phạt theo đúng quy định trong hợp đồng.

i. Bảo hành, bảo trì (chỉ áp dụng đối với phần công việc đắp bê tông chịu

lừa)

(i) *Thời gian bảo hành*

Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành miễn phí toàn bộ công trình trong thời gian 06 tháng, kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu vận hành chạy thử tổng hợp 72 giờ.

Thời gian bắt đầu tiến hành sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, sai sót chậm nhất sau 02 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư.

(ii) *Biện pháp tổ chức thực hiện công tác bảo hành*

Trong thời gian bảo hành có bất kỳ khiếm khuyết nào nhà thầu phải sửa chữa lại đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo hợp đồng.

Trong trường hợp nhà thầu không thực hiện trách nhiệm bảo hành, bên mời thầu buộc phải sửa chữa xử lý thì nhà thầu phải chịu chi phí sửa chữa đó, kể cả chi phí đó vượt giá trị bảo lãnh bảo hành.

Để đảm bảo tiến độ, chất lượng khắc phục các khiếm khuyết bảo hành, yêu cầu Nhà thầu nêu biện pháp tổ chức thực hiện trong HSDT.



CÁC BẢN VẼ, TÀI LIỆU THAM KHẢO

STT	Tên bản vẽ	Ký hiệu
1	Insulation detail at upper superheater floor & convection pass front wall	VA1-BWBC-00HBC-M-M1A-DID-0020
2	Furnace refractory belt combustion enhancement	VA1-BWBC-00HBC-M-M1A-DID-0041
3	Insulation detail at Boiler Penthouse	VA1-BWBC-00HBC-M-M1A-DID-0008
4	Refractory detail at burner opening	VA1-BWBC-00HBC-M-M1A-DID-0029
5	Transition Chute	VA1-BWBC-00HAD-M-M1A-DID-0248
6	Water seal plate	VA1-BWBC-00HAD-M-M1A-DID-0598
7	Boiler Inside Maintenance Platform	VA1-BWBC-00HBD-M-M1A-MAN-0001



Phần 4. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

THƯ CHẤP THUẬN E-HSĐT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____, Chủ đầu tư thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu ____ với giá hợp đồng là ____ với thời gian thực hiện gói thầu là ____.

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: ____ [*ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...*];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có) thực hiện trên Hệ thống.

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm⁽²⁾ ____ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng*].

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 16 Chương VIII của E-HSMT với số tiền ____ và thời gian hiệu lực ____ [*ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

(3) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

HỢP ĐỒNG

Số : #HĐ/PVPTSC-NCC/yyyy/DV

Về việc:

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 của Quốc hội;
- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội;
- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và Nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

1. CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM – CTCP – TRUNG TÂM DỊCH VỤ KỸ THUẬT (sau đây gọi là Bên A)

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại:

E-mail:

Mã số thuế: 0102276173-009

Đại diện:

Chức vụ:

*Theo Quyết định ủy quyền số .../QĐ-TSC ngày.../.../....***2. CÔNG TY .. (Sau đây gọi là Bên B)**

Địa chỉ:

Điện thoại:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ với các nội dung sau:

Điều 1. Các định nghĩa

Trong Hợp đồng này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1. "**Hợp đồng**" là Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1, bao gồm các điều khoản Hợp đồng và các Phụ lục Hợp đồng kèm theo.
- 1.2. "**Bên A**" là Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật (PV Power TSC).
- 1.3. "**Bên B**" là [ghi tên Nhà thầu trúng thầu].
- 1.4. "**Hai Bên**" là Bên A và Bên B.
- 1.5. "**Ngày**" là ngày dương lịch.
- 1.6. "**Tuần**" là 07 ngày dương lịch.
- 1.7. "**Nhà máy**" hoặc "**Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1**" là toàn bộ các hệ

thông công nghệ, thiết bị, các công trình phụ trợ cấu thành Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1.

- 1.8. "**Công việc**" là toàn bộ công tác cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa có liên quan đến Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 được Bên A giao.
- 1.9. "**An toàn sức khỏe môi trường**" Viết tắt : ATSKMT – Bao gồm các vấn đề về an toàn vệ sinh lao động, sức khỏe người lao động và môi trường làm việc, môi trường tự nhiên, xã hội.
- 1.10. "**Phát sinh**" là khối lượng công việc phải thực hiện nằm ngoài Phạm vi công việc và giá trị thực hiện công việc chưa được tính trong giá Hợp đồng.

Điều 2. Thành phần Hợp đồng

Thành phần Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau và là bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng.

- i. Văn bản hợp đồng (các điều khoản và các Phụ lục kèm theo Hợp đồng), các Sửa đổi, Bổ sung Hợp đồng (nếu có).
- ii. Biên bản thương thảo hoàn thiện Hợp đồng.
- iii. Hồ sơ dự thầu và các văn bản làm rõ HSDT của nhà thầu trúng thầu.
- iv. Hồ sơ mời thầu và các tài liệu bổ sung HSMT.
- v. Các tài liệu khác kèm theo (nếu có).

Điều 3. Đối tượng Hợp đồng

Bên A đồng ý giao, Bên B đồng ý nhận thực hiện công tác Cung cấp dịch vụ chọc xỉ trước khi bắc giáo, lắp đặt giàn giáo, đắp bê tông chịu lửa, lắp đặt tời nâng windlass phục vụ công tác trung tu/đại tu tổ máy số 2 NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2024 theo phạm vi công việc quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng và đáp ứng yêu cầu chất lượng dịch vụ theo quy định của Hợp đồng.

Bên B cung cấp vật tư tiêu hao, vật liệu phụ, nhân lực, máy móc, thiết bị thi công... để thực hiện phạm vi công việc theo đúng theo yêu cầu của Hợp đồng.

Điều 4. Địa điểm, thời gian và cách thức thực hiện công việc

- 4.1 Địa điểm thực hiện: Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, Xóm Hải Phong, phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh.
- 4.2 Thời gian thực hiện công việc:
 - Đối với công tác lắp đặt giàn giáo: không quá 45 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng.
 - Đối với công tác lắp đặt tời nâng windlass: không quá 25 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng.
 - Đối với công tác chọc xỉ trước khi bắc giáo: không quá 5 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng.
 - Đối với công tác đắp bê tông chịu lửa: không quá 17 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng (không bao gồm thời gian bắc giáo).
- 4.3 Cách thức thực hiện công việc:

- Sau khi Hợp đồng có hiệu lực, căn cứ tiến độ công việc thực tế, Bên A sẽ gửi công văn thông báo về thời điểm bắt đầu công việc chính thức đến Bên B trước 15 ngày. Ngày bắt đầu được thông báo trong văn bản sẽ được sử dụng làm cơ sở để tính tiến độ công việc và phạt chậm hợp đồng (nếu có).
- Trong vòng 20 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng, Bên B đệ trình Bên A xem xét thông qua các công việc sau:
 - + Khảo sát, lập biện pháp thi công (Cách thức/ trình tự tổ chức thực hiện; Danh mục nguyên vật liệu, máy móc, công cụ dụng cụ và thiết bị phục vụ thi công...) và tiến độ chi tiết cho từng khu vực, vị trí thi công;
 - + Xây dựng biện pháp an toàn chi tiết cho từng khu vực và vị trí thi công;
 - + Lập Hồ sơ an toàn sức khỏe môi trường;
 - + Trình phương pháp tính toán giàn giáo (phương pháp tính, tiêu chuẩn tính toán áp dụng...) đảm bảo độ cứng vững, ổn định của hệ thống giàn giáo, không ảnh hưởng đến hệ thống đường ống và các thiết bị liên quan của hệ thống lò hơi được đơn vị thứ 3 có chức năng kiểm định kỹ thuật an toàn thực hiện công tác thẩm định và xác nhận.
- Trong vòng 15 ngày trước khi bắt đầu thực hiện công việc, các Bên cùng nhau thống nhất tiến độ công việc theo biện pháp thi công nêu trên và các mốc quan trọng phải hoàn thành để đảm bảo tiến độ dừng và lên của máy. Đồng thời, trên cơ sở biện pháp thi công đã được Bên A thông qua, Bên B phải gửi cho Bên A danh sách, số lượng nhân sự, thiết bị công cụ dụng cụ, vật tư Bên B sử dụng tại công trường để Bên A làm thủ tục đăng ký ra vào Nhà máy (bao gồm cả thời gian và nhân lực làm thêm giờ, nếu cần thiết).
- Trường hợp Bên A nhận thấy Bên B không đáp ứng được tiến độ các mốc quan trọng và theo tiến độ thi công cấp 3 đã được Bên A thông qua dẫn đến có thể ảnh hưởng tiến độ tổng thể của kỳ sửa chữa, Bên A có quyền yêu cầu và Bên B phải có biện pháp bổ sung nhân lực, máy móc, thực hiện các biện pháp liên quan để đảm bảo tiến độ phù hợp. Trường hợp Bên B không đáp ứng được yêu cầu của Bên A, Bên A có quyền thuê bên thứ ba để xử lý, khắc phục ngay những phần việc đã và sẽ bị ảnh hưởng do việc không đáp ứng tiến độ của Bên B. Những chi phí liên quan sẽ được khấu trừ vào phần thanh toán cho Bên B.

Điều 5. Hình thức và giá trị hợp đồng

5.1 Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

5.2 Giá trị hợp đồng là VNĐ (đã bao gồm thuế GTGT)

(Bằng chữ:.....)

(Chi tiết giá Hợp đồng tại Phụ lục 2 đính kèm của Hợp đồng)

Giá trị nêu trên đã bao gồm tiền Vật tư, vật liệu, dịch vụ (vật tư, vật liệu, nhân lực, máy móc, thiết bị thi công...), các loại thuế, phí, chi phí vận chuyển và chi phí phát sinh khác (bao gồm cả chi phí phòng chống dịch bệnh Covid-19) để

Bên B thực hiện các nghĩa vụ theo quy định trong Hợp đồng kể cả việc sử dụng vật tư trong giai đoạn bảo hành.

Giá trị hợp đồng trên đây sẽ không được thay đổi sau khi Hai bên ký kết, trừ trường hợp mức thuế GTGT thay đổi dẫn đến giá trị hợp đồng thay đổi tương ứng.

Điều 6. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng

- 6.1 Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng, Bên B phải nộp cho Bên A bảo đảm thực hiện hợp đồng với nội dung yêu cầu như sau:
- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Thư Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng vô điều kiện không hủy ngang do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam được Bên A chấp thuận phát hành.
 - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% giá hợp đồng.
 - Hiệu lực: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày Thư Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng được phát hành nhưng không muộn hơn 07 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng và có hiệu lực đến ngày phát hành Bảo lãnh bảo hành hoặc đến ngày .../.../20.... Trường hợp đến ngày hết hạn của Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng mà Bên B chưa nộp Bảo lãnh bảo hành cho Bên A thì Bên B có trách nhiệm thực hiện gia hạn thời gian Bảo lãnh thực hiện hợp đồng đến thời điểm Bên B phát hành Bảo lãnh bảo hành.
- 6.2 Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được trả cho Bên A trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo Hợp đồng. Để tránh nhầm lẫn, việc chi trả Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng như trên sẽ không loại bỏ trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại của Bên B cho Bên A đối với các thiệt hại xảy ra với Bên A xuất phát từ lỗi của Bên B.
- 6.3 Trường hợp sau khi ký kết hợp đồng 07 ngày mà Bên B vẫn chưa nộp cho Bên A Bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì Bên B phải có văn bản thông báo cho bên A lý do chậm trễ. Tuy nhiên, thời gian gia hạn thêm không quá 03 ngày. Sau thời điểm trên, Bên A sẽ xem xét chấm dứt hợp đồng với Bên B.

Điều 7. Hình thức và phương thức thanh toán

7.1 Hình thức thanh toán: chuyển khoản bằng tiền Việt Nam.

7.2 Tạm ứng:

Sau khi Hợp đồng có hiệu lực, Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 10 % giá trị Hợp đồng trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ bộ hồ sơ đề nghị tạm ứng của Bên B bao gồm như sau:

- i. Một (01) bản gốc **Đề nghị tạm ứng** của Bên B.
- ii. Một (01) bản gốc **Bảo đảm thực hiện hợp đồng**.
- iii. Một (01) bản gốc **Bảo lãnh tiền tạm ứng** vô điều kiện không hủy ngang có giá trị bằng 100% giá trị tạm ứng do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam được Bên A chấp thuận phát hành, có hiệu lực đến thời điểm Bên A thu hồi toàn bộ tiền tạm ứng hoặc đến ngày .../.../20..... Trường hợp đến ngày hết hạn của Bảo lãnh tiền tạm ứng mà Bên A chưa thu hồi được toàn bộ tiền đã tạm ứng thì Bên B có trách nhiệm

thực hiện gia hạn thời gian Bảo lãnh tiền tạm ứng đến thời điểm Bên A thu hồi toàn bộ tiền đã tạm ứng cho Bên B.

7.3 Thanh toán:

7.3.1 Đối với dịch vụ chọc xỉ trước khi bắc giáo/ dịch vụ đắp bê tông chịu lửa/ dịch vụ lắp đặt tời nâng windlass:

Bên A sẽ thanh toán 100% giá trị các phần dịch vụ này sau khi đã thu hồi toàn bộ tiền tạm ứng cho Bên B, căn cứ trên giá trị được ghi nhận tại các Biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành. Việc thanh toán sẽ được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ bộ chứng từ thanh toán hoàn chỉnh. Hồ sơ thanh toán (đối với mỗi dịch vụ) bao gồm các chứng từ và tài liệu sau:

- i. Một (01) bản gốc **Đề nghị thanh toán** ghi rõ số tiền đề nghị thanh toán, số tài khoản, đơn vị hưởng.
- ii. Một (01) bản gốc **Hoá đơn Tài chính** hợp pháp, hợp lệ ghi rõ 100% giá trị hạng mục công việc thực tế được ghi nhận tại Biên bản nghiệm thu có xác nhận của hai bên.
- iii. Một (01) bản gốc **Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành** được đại diện có thẩm quyền của các bên cùng ký xác nhận.
- iv. Một (01) bản gốc **Biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành** được đại diện có thẩm quyền của các bên cùng ký xác nhận.
- v. Một (01) bản gốc **Bảng xác nhận tiến độ thi công thực tế các hạng mục**, được đại diện có thẩm quyền hai Bên xác ký xác nhận.
- vi. Một (01) bản gốc **Biên bản phạt chậm tiến độ/ phạt vi phạm/bồi thường thiệt hại** (nếu có) theo quy định tại Điều 16 của Hợp đồng.
- vii. Một (01) bản gốc **Giấy chứng nhận kiểm định an toàn thiết bị** (chỉ áp dụng đối với dịch vụ lắp đặt tời nâng windlass).
- viii. Một (01) bản gốc **Biên bản nghiệm thu, bàn giao** (chỉ áp dụng đối với dịch vụ đắp bê tông chịu lửa) được đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký xác nhận.
- ix. Một (01) bản gốc **Giấy cam kết Bảo Hành** (chỉ áp dụng đối với dịch vụ đắp bê tông chịu lửa) do Bên B phát hành, cam kết dịch vụ cung cấp theo Hợp đồng sẽ được bảo hành trong vòng 06 tháng kể từ ngày ký **Biên bản nghiệm thu, bàn giao**.
- x. Một (01) bản gốc **Bảo lãnh bảo hành** vô điều kiện không hủy ngang của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, giá trị bảo lãnh là 05% giá trị quyết toán phần dịch vụ đắp bê tông chịu lửa của Hợp đồng.

7.3.2 Đối với dịch vụ lắp đặt giàn giáo:

Bên A sẽ thanh toán 100% giá trị các phần dịch vụ này sau khi đã thu hồi toàn bộ tiền tạm ứng cho Bên B, căn cứ trên giá trị được ghi nhận tại các Biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành. Việc thanh toán sẽ được

thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ bộ chứng từ thanh toán hoàn chỉnh. Hồ sơ thanh toán bao gồm các chứng từ và tài liệu sau:

- i. Một (01) bản gốc **Đề nghị thanh toán** ghi rõ số tiền đề nghị thanh toán, số tài khoản, đơn vị hưởng.
- ii. Một (01) bản gốc **Hoá đơn Tài chính** hợp pháp, hợp lệ ghi rõ 100% giá trị hạng mục công việc được ghi nhận tại Biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành (đợt 2) có xác nhận của hai Bên, thuế GTGT.
- iii. Một (01) bản gốc **Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành** được đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký xác nhận;
- iv. Một (01) bản gốc **Biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành** được đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký xác nhận.
- v. Một (01) bản gốc **Biên bản xác nhận khối lượng giàn giáo đã lắp đặt** được đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký xác nhận.
- vi. Một (01) bản gốc **Bản vẽ hoàn công 3D** cho tất cả các vị trí lắp đặt giàn giáo có xác nhận của hai Bên.
- vii. Một (01) bản gốc **Bảng xác nhận tiến độ thi công thực tế các hạng mục**, được đại diện có thẩm quyền hai Bên xác ký xác nhận.
- viii. Một (01) bản gốc **Biên bản phạt chậm tiến độ/ phạt vi phạm/bồi thường thiệt hại** (nếu có) theo quy định tại Điều 16 của Hợp đồng.
- ix. Một (01) bản gốc **Biên bản Quyết toán Hợp đồng** được đại diện có thẩm quyền của hai Bên cùng ký xác nhận.
- x. Một (01) bản gốc **Biên bản thanh lý Hợp đồng** được đại diện có thẩm quyền của hai Bên cùng ký xác nhận.

7.4 Giám trừ thanh toán:

Trong trường hợp Bên B không triển khai bất cứ hạng mục nào thuộc Phụ lục 1 – Phạm vi công việc do yêu cầu từ phía Bên A thì các Bên sẽ loại trừ hạng mục đó khi thanh, quyết toán và theo quy định tại Điều 14 của Hợp đồng này.

7.5 Phát sinh thanh toán:

Trường hợp Bên A có yêu cầu và Bên B đồng ý thực hiện thêm các công việc ngoài phạm vi công việc tại Phụ lục 1 – Phạm vi công việc thì hai bên sẽ ký Sửa đổi Bổ sung Hợp đồng để làm căn cứ thực hiện/thanh toán cho các công việc phát sinh này.

Quy trình thực hiện trong trường hợp phát sinh ngoài phạm vi công việc của Hợp đồng sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều 14 của Hợp đồng này.

7.6 Thông tin Hóa đơn thuế GTGT được xuất theo tên, địa chỉ và mã số thuế như sau:

Tên đơn vị: *Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật*
 Địa chỉ: *Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội*
 Mã số thuế: *0102276173 - 009*

Bên B gửi bộ chứng từ thanh toán nói trên (01 bản gốc và 01 bản sao) và các văn bản thông báo trong quá trình thực hiện Hợp đồng về Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật theo địa chỉ: *Văn phòng Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, 167 Trung Kính, P. Yên Hòa, TP. Hà Nội.*

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

8.1 Quyền của Bên A:

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Hợp đồng của Bên B và yêu cầu Bên B báo cáo, cung cấp các tài liệu có liên quan trong quá trình triển khai Hợp đồng.
- Xem xét, phê duyệt kế hoạch sửa chữa theo quy định tại Phụ lục 1 trên cơ sở đề xuất của Bên B.
- Trong quá trình thực hiện Dịch vụ, nếu có bất kỳ hạng mục công việc nào Bên A xét thấy có khả năng chậm tiến độ và/hoặc không đạt yêu cầu của Bên A và theo quy định của Hợp đồng thì Bên A có quyền yêu cầu Bên B và Bên B có trách nhiệm trong vòng tối đa 72 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của Bên A thực hiện việc điều chỉnh thích hợp (bao gồm một hoặc nhiều biện pháp như: làm thêm giờ, huy động thêm nhân sự, máy móc, thiết bị, vật tư...) để đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu của Bên A và theo quy định của Hợp đồng. Toàn bộ chi phí có liên quan đến việc điều chỉnh như vậy sẽ do Bên B chịu trách nhiệm và chi trả.
- Trường hợp Bên B không có khả năng điều chỉnh hoặc điều chỉnh không đáp ứng theo yêu cầu hợp lý thì Bên A có quyền mời Bên thứ ba hoặc tự thực hiện việc điều chỉnh như vậy, mọi chi phí và rủi ro liên quan thuộc trách nhiệm của Bên B và do Bên B chi trả. Các chi phí trên (nếu có) đảm bảo phù hợp với đơn giá Hợp đồng.
- Chấm dứt Hợp đồng khi Bên B vi phạm các điều khoản quy định trong Hợp đồng này.
- Từ chối thanh toán khi Bên B không tuân thủ các quy định của Hợp đồng.
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

8.2 Nghĩa vụ của Bên A

- Tổ chức hướng dẫn an toàn, nội quy, quy định lao động và cấp thẻ ra/vào Công trường cho nhân sự của Bên B thực hiện công việc. Bên A sẽ thông báo cho Bên B thời gian tổ chức hướng dẫn an toàn, nội quy, quy định lao động trước ngày bắt đầu thực hiện công việc 02 (hai) ngày. Bên A sẽ không chịu trách nhiệm nếu có bất kỳ chậm trễ phát sinh nào gây ra do Bên B chậm trễ trong việc cử nhân sự của mình tham gia đào tạo về nội quy làm việc, quy định an toàn lao động như quy định nêu trên.

- Thông báo kế hoạch thực hiện cho Bên B trước 07 ngày thời gian bắt đầu công việc và trước ít nhất 12 giờ đối với kế hoạch cho từng lần huy động giàn giáo.
- Tạo điều kiện thuận lợi trong phạm vi có thể (bao gồm cung cấp cho Bên B các hồ sơ, tài liệu mà Bên A có liên quan; nguồn điện, nguồn nước, nguồn khí, mặt bằng) để Bên B thực hiện công việc.
- Xem xét, phê duyệt kế hoạch, biện pháp thi công, biện pháp an toàn, tiến độ thi công chi tiết cho phạm vi sửa chữa theo quy định tại Phụ lục 1 trên cơ sở đề xuất của Bên B.
- Cử cán bộ chuyên trách giám sát thường xuyên tại Công trường để cùng với Bên B giải quyết các vướng mắc (nếu có) và xác nhận khối lượng công việc đã thực hiện, thời gian thực hiện thực tế của Bên B.
- Thông báo và cung cấp kịp thời cho Bên B các thông tin thay đổi về yêu cầu của Bên A trên cơ sở quy định Hợp đồng (nếu có).
- Tạm ứng, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán cho Bên B theo quy định của Hợp đồng này.
- Thông báo các điểm tập kết rác thải để Bên B tập kết theo đúng quy định.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

9.1 Quyền của Bên B:

- Thực hiện các công việc được quy định trong Hợp đồng này, đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn.
- Được cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan để phục vụ công việc.
- Được đáp ứng đầy đủ, kịp thời các yêu cầu chính đáng theo Luật định hoặc đã được Bên A chấp thuận về ATSKMT. Trong một số trường hợp được quyền từ chối vì lý do an toàn nhưng phải chịu trách nhiệm về hành động này.
- Toàn bộ nhân lực của Bên B tham gia thi công công trình sẽ được Bên A bồi huấn về an toàn trước khi vào thi công.
- Được tạm ứng, thanh toán, quyết toán theo quy định của Hợp đồng.

9.2 Nghĩa vụ của Bên B:

- Tập kết toàn bộ nhân lực để thực hiện công việc của Hợp đồng trước 02 (hai) ngày tại Nhà máy để Bên A đào tạo hướng dẫn an toàn, nội quy, quy định lao động.
- Trang bị bảo hộ lao động, đồng phục đầy đủ, mua bảo hiểm bắt buộc cho tất cả các nhân sự của Bên B theo quy định Nhà nước (nếu có) và Bên A khi tham gia thực hiện Hợp đồng. Bảo hộ lao động và đồng phục của Bên B phải có đầy đủ logo và tên của Bên B hoặc có bảng đeo thể hiện đầy đủ các thông tin cần thiết.

- Cung cấp vật tư tiêu hao, vật liệu phụ đáp ứng số lượng, chủng loại và cung cấp máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn lao động để đảm bảo chất lượng thi công.
- Cam kết và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và hợp pháp của toàn bộ nhân sự, vật tư, máy móc, thiết bị, công cụ dụng cụ và của hồ sơ, tài liệu, chứng từ do Bên B cung cấp trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng.
- Cử nhân sự phối hợp với Bên A trong công tác kiểm tra, nghiệm thu, chạy thử và xác nhận vật tư trong quá trình thực hiện Hợp đồng.
- Mua bảo hiểm theo quy định hiện hành (bao gồm nhưng không giới hạn bảo hiểm cho người lao động, thiết bị thi công, ...) và hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc trang bị vật tư, thiết bị, đảm bảo an toàn lao động cho con người, trật tự an ninh xã hội trong thời gian thực hiện Hợp đồng.
- Bố trí và chịu chi phí ăn uống, đi lại và nơi ở tại địa điểm làm việc cho nhân sự thi công và chuyên gia của Bên B trong quá trình thực hiện Hợp đồng.
- Bên B có trách nhiệm đệ trình chi tiết biện pháp thi công; Hồ sơ an toàn sức khỏe môi trường, biện pháp an toàn chi tiết cho từng khu vực, vị trí thi công; Phương pháp chi tiết tính toán giàn giáo đảm bảo độ cứng vững, ổn định của hệ thống giàn giáo không ảnh hưởng đến hệ thống đường ống và các thiết bị liên quan của hệ thống lò hơi.
- Bên B có trách nhiệm lập biểu đồ tiến độ chi tiết (tiến độ cấp 3) trong đó có đầy đủ thông tin về nguồn lực: Biện pháp tổ chức thực hiện; Nhân sự; Máy móc vật tư thiết bị; Các mốc phải hoàn thành để đảm bảo tiến độ Hợp đồng.
- Trước khi thực hiện thi công, Bên B phải trình cho Bên A chi tiết về danh sách, số lượng nhân lực, thiết bị, vật tư của Bên B sử dụng trên công trường phù hợp với tiến độ thi công đã được Bên A phê duyệt, để làm thủ tục đăng ký ra vào Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh (gồm cả thời gian, nhân lực làm ngoài giờ làm việc hành chính, nếu cần thiết). Toàn bộ nhân lực của Bên B tham gia thi công công trình phải có trình độ chuyên môn, kỹ năng và kinh nghiệm, chứng chỉ liên quan như HSDT của Bên B và được Bên A bồi huấn về an toàn trước khi vào thi công. Bên A có thể yêu cầu Bên B sa thải bất cứ nhân lực nào ra khỏi công trường, kể cả đại diện của Bên B nếu như người đó được chứng minh: có thái độ sai trái hoặc thiếu cẩn thận; thiếu năng lực hoặc bất cẩn gây mất an toàn, an ninh hoặc gây nguy hại đến môi trường. Bên B cũng có thể bổ sung thay thế nhân lực phù hợp trong quá trình thi công, việc bổ sung thay thế nhân sự sẽ được Bên B lập danh sách và báo cáo Bên A trước khi đưa người vào công trường.

- Thành lập Ban chỉ huy công trường, cử cán bộ chỉ huy trưởng công trường có năng lực và trình độ chuyên môn đáp ứng được nhu cầu công việc và có mặt tại công trường khi có yêu cầu của Bên A. Trong trường hợp có sự thay đổi ban chỉ huy thì Bên B phải thông báo trước cho Bên A bằng văn bản và chỉ tiến hành thay đổi khi có sự đồng ý của Bên A.
- Bên B hoàn thành lắp đặt giàn giáo trước 24 giờ tại vị trí cần thực hiện.
- Thông báo ngay cho Bên A và các tổ chức, cá nhân có liên quan khi xảy ra sự cố.
- Dọn dẹp vệ sinh hiện trường và trả lại nguyên trạng như ban đầu ngay sau mỗi lần thực hiện kết thúc công tác bảo dưỡng, sửa chữa.
- Đối với các vật tư hàng hóa dễ cháy nổ, khi đưa vào công trường phải báo cáo và được sự cho phép của Bên A.
- Bàn giao lại toàn bộ vật tư thay thế do Bên A cấp nhưng không sử dụng/vật tư thu hồi (nếu có) cho Bên A sau khi Bên B hoàn thành phạm vi công việc theo Hợp đồng.
- Không được chuyển nhượng hoặc giao lại trách nhiệm, nghĩa vụ của Bên B được quy định trong Hợp đồng này cho bất kỳ một Bên thứ ba nào khác nếu chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A.
- Lập và giải trình các tài liệu, hồ sơ tạm ứng, thanh toán, quyết toán hợp đồng theo đúng quy định.
- Duy trì sổ sách, hóa đơn, chứng từ và các bằng chứng liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng này theo các quy định pháp luật hiện hành và có trách nhiệm trình sổ sách, hóa đơn, chứng từ bất kỳ lúc nào để Bên A kiểm tra hoặc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
- Chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A trong trường hợp mất mát, hư hỏng do nhân sự của Bên B gây ra.
- Thanh toán cho Bên A khoản tiền phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại trong trường hợp Bên B vi phạm hợp đồng này như quy định tại Điều 17 của Hợp đồng này
- Đảm bảo nhân sự của Bên B tuân thủ và thực hiện nghiêm túc trong công tác phòng chống bệnh truyền nhiễm nhóm A (nếu có) theo quy định hiện hành của Chính phủ, Bộ Y tế, Sở ban ngành địa Phương, Nhà máy điện Vũng Áng 1. Chủ động làm việc với chính quyền địa phương trong trường hợp cần thiết.
- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và quy định tại các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này.
- Nhà thầu phải tuyệt đối tuân thủ các biện pháp đảm bảo an toàn, phòng chống cháy nổ và giữ gìn vệ sinh môi trường trong suốt quá trình thi công trên công trường theo quy định hiện hành của Bên mời thầu/PV Power Ha

Tinh (hiện tại đang áp dụng Quyết định số 46/QĐ-ĐLĐKHT ngày 10/01/2023, trong trường hợp có cập nhật thay đổi nhà thầu sẽ phải tuân thủ theo quy định mới). Trường hợp Nhà thầu vi phạm quy định ATSKMT, Nhà thầu sẽ bị phạt theo quy định.

Điều 10. Nhân sự thực hiện dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa

10.1 Bên B phải huy động tất cả nhân sự tối thiểu như đã đề xuất trong HSDT để thực hiện các nội dung công việc trừ trường hợp Bên A có thỏa thuận khác.

Bên B **không** được thay thế các **nhân sự chủ chốt (chỉ huy trưởng công trường, cán bộ giám sát kỹ thuật, tổ trưởng chuyên môn)** trừ những trường hợp ốm đau, mất khả năng lao động, chuyển công tác,... Trong trường hợp này Bên B đề xuất thay đổi nhân sự bằng văn bản (kèm theo hồ sơ năng lực, các chứng chỉ liên quan đến nhân sự mới tương ứng với vị trí nhân sự thay đổi) gửi Bên A xem xét chấp thuận thông qua, muộn nhất 15 ngày trước khi thi công. Nhân sự chủ chốt thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn nhân sự chủ chốt đã đề xuất.

Bên B không được thay thế quá 30% tổng số nhân sự đã đề xuất trong HSDT, bao gồm các trường hợp theo yêu cầu của Bên A tại mục 10.3.

10.2 Nhân sự của Bên B phải đảm bảo:

- Có đủ năng lực và kinh nghiệm, bằng cấp, chứng chỉ liên quan như HSDT của Bên B;
- Được huấn luyện, đào tạo và đáp ứng các yêu cầu về an toàn trước khi thực hiện công việc;
- Tuân thủ các quy trình an toàn của Bên A trong quá trình thực hiện.

10.3 Bên A có quyền yêu cầu Bên B thay đổi bất kỳ nhân sự nào của Bên B và các Bên B phụ khi có bằng chứng chứng minh nhân sự của Bên B và các Bên B phụ vi phạm một trong các trường hợp sau:

- Không bảo đảm năng lực chuyên môn để thực hiện công việc theo Hợp đồng;
- Có những biểu hiện không tốt về hành vi, hạnh kiểm (như say rượu, gây gổ, đánh người, cư xử thiếu văn hóa, xâm phạm tài sản...); vi phạm pháp luật từ mức bị lập biên bản vi phạm bởi cơ quan bảo vệ pháp luật địa phương trở lên;
- Vi phạm nghiêm trọng các điều khoản của Hợp đồng;
- Không có biện pháp tích cực và đúng đắn bảo đảm an toàn trong công việc, hoặc để xảy ra tai nạn chủ quan cho người và thiết bị nhưng không kịp thời, nhanh chóng khắc phục hậu quả;
- Không có tinh thần hợp tác tích cực với Bên A để thực hiện ngay công tác bảo trì sửa chữa hệ thống/thiết bị (trong sửa chữa định kỳ, sự cố) nhằm bảo đảm nhanh chóng đưa Nhà máy/hệ thống/thiết bị trở lại vận hành.

10.4 Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Bên A, trong vòng 03 ngày làm việc, Bên B phải thực hiện thay thế nhân sự có năng lực và kinh

nghiệm tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Bên B chịu.

10.5 Mức phạt áp dụng khi Bên B vi phạm điều khoản về nhân sự thực hiện dịch vụ như sau:

- Thay đổi nhân sự từ lần thứ 2 cho một vị trí (mà không có lý do chính đáng): 15.000.000 VNĐ/người/lần/vị trí công tác (mười lăm triệu VNĐ/người/lần/vị trí công tác).
- Tỷ lệ thay đổi nhân sự tối thiểu vượt quá 30%: Mức phạt 10.000.000 VNĐ/người/lần/vị trí công tác (mười triệu VNĐ/người/lần/vị trí công tác).

Điều 11. Phương thức nghiệm thu dịch vụ

11.1 Nghiệm thu dịch vụ:

- Căn cứ kiểm tra, nghiệm thu hoàn thành công việc bao gồm các bản vẽ thiết kế của Nhà chế tạo thiết bị, tài liệu vận hành bảo dưỡng sửa chữa, thuyết minh chỉ dẫn kỹ thuật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan, chứng chỉ kết quả thí nghiệm, kiểm định, ...
- Bên B phải thông báo trước cho Bên A tối thiểu 24 giờ làm việc để thực hiện nghiệm thu hoàn thành công việc theo thiết bị, hệ thống.
- Bên B chuẩn bị đầy đủ các phương tiện máy móc phục vụ công tác nghiệm thu.
- Bên A cử đại diện giám sát, nghiệm thu các bước trong quá trình thực hiện công việc và cùng trực tiếp nghiệm thu hoàn thành công việc.
- Đối với kiểm tra hoàn thành từng giai đoạn trong quá trình thực hiện công việc, Bên B thực hiện đo đạc đầy đủ các thông số của thiết bị theo các biểu mẫu kiểm tra của Bên A. Các thông số này phải được thông qua và xác nhận bởi đại diện của Bên A trước khi Bên B thực hiện các công việc tiếp theo.
- Bên B cung cấp đầy đủ Hồ sơ nghiệm thu chất lượng theo Quy định nghiệm thu và Biện pháp thi công đã được Bên A phê duyệt.
- Bên A có quyền từ chối nghiệm thu dịch vụ nếu thi công không đạt chất lượng theo yêu cầu của Bên A theo quy định của Hợp đồng hoặc khi thiết bị không đạt đủ thông số vận hành. Trong trường hợp này, Bên B bằng chi phí của mình, có trách nhiệm thực hiện lại công tác bảo dưỡng sửa chữa. Trường hợp việc thực hiện lại làm ảnh hưởng đến tiến độ chung để nhà máy trở lại vận hành thương mại, ngoài việc chịu chi phí thực hiện lại, Bên B còn có trách nhiệm bồi thường cho Bên A những thiệt hại trực tiếp.

Điều 12. Nhà thầu phụ

- Bên B được ký kết hợp đồng thuê các Nhà thầu phụ để thực hiện một phần công việc trong phạm vi công việc. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên B. Bên B phải chịu trách nhiệm trước Bên A về số lượng, chất lượng, tiến độ cung cấp hàng hóa, dịch vụ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện.

- Trường hợp thay thế nhà thầu phụ, Bên B chỉ được thực hiện thay thế khi có sự chấp thuận của Bên A.
- Khi có yêu cầu của Bên A, Bên B sẽ phải cung cấp các tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm của các nhà thầu phụ để thực hiện công việc được giao.

Điều 13. Bổ sung Hợp đồng và quy trình xử lý khi có phát sinh tăng, giảm

- 13.1 Việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong trường hợp phát sinh bổ sung hạng mục công việc cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong Hợp đồng này. Hai bên sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết Sửa đổi, Bổ sung Hợp đồng.
- 13.2 Đối với các công việc phát sinh tăng ngoài phạm vi công việc quy định tại Phụ lục 1:
- Đối với dịch vụ chọc xỉ trước khi bắc giáo/ dịch vụ đắp bê tông chịu lửa/ dịch vụ lắp đặt tời nâng windlass: Hai bên sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết Sửa đổi, Bổ sung Hợp đồng.
 - Đối với dịch vụ lắp đặt giàn giáo: Đối với các vị trí lắp đặt giàn giáo nằm ngoài phạm vi công việc tại Phụ lục 1: Hai Bên sẽ tiến hành ký kết Bổ sung Hợp đồng, đơn giá áp dụng: đơn giá bình quân của hợp đồng.
- 13.3 Trong trường hợp do yêu cầu của Bên A dẫn đến việc Bên B không triển khai hạng mục công việc thuộc phạm vi công việc quy định tại Phụ lục 1 thì các Bên thống nhất bằng Biên bản phát sinh giảm được đại diện có thẩm quyền ký xác nhận. Bên A không phải thanh toán cho các hạng mục phát sinh giảm và được giảm trừ thanh toán theo giá trị tại bảng giá quy định trong Phụ lục 1, 2 của Hợp đồng.

Điều 14. Bảo hành

- Bên B có trách nhiệm bảo hành trong thời gian 06 tháng, kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu, bàn giao đối với dịch vụ đắp bê tông chịu lửa. Trong thời gian bảo hành có bất kỳ khiếm khuyết nào Bên B phải sửa chữa lại đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo hợp đồng Thời gian bắt đầu tiến hành sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, sai sót chậm nhất sau 02 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu của Bên A.
- Bên B cung cấp cho Bên A:
 - + Giấy Chứng nhận Bảo Hành do Bên B phát hành chứng nhận dịch vụ đắp bê tông chịu lửa theo Hợp đồng sẽ được bảo hành trong vòng 06 tháng kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu, bàn giao.
 - + Thư Bảo lãnh bảo hành vô điều kiện không hủy ngang của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng có uy tín hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, giá trị bảo lãnh là 05% giá trị dịch vụ cung cấp và được bên A giữ lại cho đến ngày Bên B hết nghĩa vụ bảo hành.
- Trường hợp Bên B không thực hiện trách nhiệm bảo hành, Bên A buộc phải sửa chữa xử lý thì Bên B phải chịu chi phí sửa chữa đó, kể cả chi phí đó vượt giá trị bảo lãnh bảo hành.

Điều 15 . Bảo mật Hợp đồng

- Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A, Bên B không được tiết lộ nội dung của hợp đồng cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc Bên B cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này.
- Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của dịch vụ trong khuôn khổ Hợp đồng thuộc quyền sở hữu của Bên A. Bên B có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A.

Điều 16. Phạt vi phạm Hợp đồng và bồi thường thiệt hại**16.1 Phạt chậm tiến độ Hợp đồng:**

Mức phạt tối đa Hợp đồng khi Bên B vi phạm Hợp đồng gây thiệt hại cho Bên A là 8% giá trị Hợp đồng. Nếu Bên B do lỗi của mình dẫn đến chậm tiến độ thực hiện Hợp đồng thì mức phạt đối với mỗi hạng mục chậm tiến độ được áp dụng như sau:

- Mức khấu trừ: 01%/ngày của giá trị hạng mục thực hiện chậm.
- Mức khấu trừ tối đa: 08% giá trị hạng mục thực hiện chậm.

Thời gian chậm tiến độ thực hiện Hợp đồng:

- Đối với dịch vụ chọc xỉ trước khi bắc giáo/ dịch vụ đắp bê tông chịu lửa/ dịch vụ lắp đặt tời nâng windlass: được tính từ ngày Hợp đồng có hiệu lực (hoặc Bên A bàn giao mặt bằng thi công tùy theo điều kiện nào đến sau) cho đến ngày nghiệm thu khối lượng hoàn thành.
- Đối với dịch vụ lắp đặt giàn giáo: được tính từ ngày Bên A có yêu cầu lắp đặt giàn giáo (tại Phiếu yêu cầu lắp đặt giàn giáo) cho đến khi Bên B hoàn thành công tác lắp đặt (được xác nhận tại Biên bản xác nhận khối lượng thực tế). Số ngày chậm tiến độ được cộng dồn giữa các hệ thống và quy đổi theo tuần.

16.2 Phạt vi phạm cách thức thực hiện công việc:

Trường hợp Bên B chậm trễ trong việc thực hiện các yêu cầu về cách thực hiện công việc tại mục 4.3, Bên B chịu phạt trách nhiệm như sau:

- Từ ngày thứ 21 đến ngày thứ 27 kể từ ngày ký Hợp đồng: 50.000.000 VNĐ (năm mươi triệu VNĐ);
- Từ ngày thứ 28 đến ngày 35 kể từ ngày ký Hợp đồng: 100.000.000 VNĐ (một trăm triệu VNĐ);
- Từ ngày thứ 36 kể từ ngày ký Hợp đồng: 150.000.000 VNĐ (một trăm năm mươi triệu VNĐ).
- Bên B phải thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường cho tất cả các hoạt động của mình tại Nhà máy theo quy định của Pháp luật hiện hành và theo yêu cầu của Bên A tham chiếu theo quy định hiện hành về kiểm tra, giám sát an toàn và xử lý các hành vi vi phạm nội quy, quy

định an toàn sức khỏe môi trường tại NMNĐ Vũng Áng 1 do PV Power Hà Tĩnh ban hành tại Quyết định số 46/QĐ-ĐLĐKHT ngày 10/01/2023. Các hành vi vi phạm sẽ bị xử phạt theo quy định tại Quyết định số 46/QĐ-ĐLĐKHT ngày 10/01/2023. Tất cả các chi phí phạt hành vi vi phạm của các nhân sự vi phạm, người giám sát an toàn của cá nhân vi phạm cũng như xử phạt hành chính đơn vị quản lý nhân sự vi phạm đều được trừ trực tiếp vào giá trị thực hiện hợp đồng của đơn vị quản lý nhân sự vi phạm.

16.3 Phạt vi phạm An toàn – Sức khỏe – Môi trường:

Bên B phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn và bảo vệ môi trường cho tất cả các hoạt động của mình tại Nhà máy theo quy định của Pháp luật hiện hành và theo yêu cầu của Bên A tham chiếu theo quy định hiện hành về kiểm tra, giám sát an toàn và xử lý các hành vi vi phạm nội quy, quy định an toàn sức khỏe môi trường tại NMNĐ Vũng Áng 1 do PV Power Hà Tĩnh ban hành.

16.4 Bồi thường thiệt hại:

Trường hợp Bên B vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho Bên A khi không thực hiện một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng thì ngoài trách nhiệm phạt vi phạm tại Điều 16.1, 16.2, Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại thực tế gây ra cho Bên A. Mức bồi thường thiệt hại không vượt quá 100% giá trị của hợp đồng.

16.5 Nếu Bên B chậm trễ trong việc thực hiện các nghĩa vụ của Hợp đồng thì phải chịu phạt vi phạm theo quy định tại Điều 16 này, trừ trường hợp được Bên A chấp thuận là bất khả kháng theo quy định tại Điều 18 của Hợp đồng và/hoặc hai Bên thống nhất áp dụng gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng thì sẽ áp dụng theo các điều khoản ràng buộc được hai Bên thỏa thuận bổ sung.

16.6 Việc thanh toán tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại sẽ được khấu trừ từ Giá Hợp đồng tương ứng.

Điều 17. Chấm dứt hợp đồng

17.1 Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

- Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn để thực hiện.
- Bên A hoặc Bên B bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập;
- Có bằng chứng cho thấy Bên B đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 89 Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng;
- Xảy ra Sự kiện bất khả kháng.
- Chậm tiến độ thực hiện Hợp đồng vượt quá thời gian quy định tại Điều 16.

17.2 Trong trường hợp Bên A chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ

hợp đồng theo điểm a Điều 17.1, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp dịch vụ khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm đối với phần hợp đồng do mình thực hiện.

- 17.3 Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b Điều 17.1, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 18. Bất khả kháng

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, gây ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Hai Bên theo Hợp đồng này, bao gồm các sự kiện sau:
 - + Chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, sóng thần, động đất, núi lửa, lốc xoáy, hạn hán, lũ lụt.
 - + Sự cố của hệ thống điện Quốc gia gây ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Nhà máy.
- Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, Bên chịu tác động trước bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay thông qua các hình thức thông tin liên lạc và không muộn hơn 48 giờ phải có thông báo bằng văn bản cho Bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Văn bản thông báo về sự kiện bất khả kháng phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.
- Trong khoảng thời gian không thể thực hiện công việc do điều kiện bất khả kháng, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng.
- Nếu một Bên bị hoặc sẽ bị cản trở việc thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào theo quy định của Hợp đồng vì nguyên nhân Bất khả kháng, thì bên đó phải gửi thông báo cho Bên kia về sự cố Bất khả kháng, đồng thời chỉ rõ các nghĩa vụ không thể thực hiện được. Thông báo này phải được gửi trong vòng mười bốn (14) ngày sau khi Bên đó biết hoặc đáng lẽ đã biết về hoàn cảnh/tình huống dẫn đến Bất khả kháng. Bên đó sau khi đã gửi thông báo, sẽ được miễn việc thực hiện các nghĩa vụ vì lý do Bất khả kháng.
- Trong trường hợp xảy ra Bất khả kháng, Bên B sẽ cố gắng thực hiện tốt nhất nghĩa vụ của mình, tuy nhiên hai Bên sẽ thương lượng và thống nhất các chi phí bổ sung cần thiết để Bên B nỗ lực thực hiện công việc của mình trong quá trình xảy ra Bất khả kháng.

Điều 19. Giải quyết tranh chấp

- Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa Hai Bên thông qua thương lượng, hòa giải.
- Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa vụ việc tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền, luật điều chỉnh Hợp đồng là luật Việt Nam. Mọi chi phí liên quan do bên thua chịu.
- Việc thực hiện Hợp đồng vẫn phải tiếp tục trong suốt quá trình giải quyết tranh chấp trừ khi Bên A ra lệnh ngừng thực hiện công việc.

Điều 20. Điều khoản khác

- 20.1 Những vấn đề không được quy định trong Hợp Đồng này sẽ tuân thủ các văn bản pháp luật hiện hành khác của Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- 20.2 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày phát hành Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng và kết thúc khi hai bên thực hiện xong các nghĩa vụ và trách nhiệm được quy định trong Hợp đồng này.
- 20.3 Hợp đồng được lập thành 06 bộ, Bên A giữ 04 bộ, Bên B giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu]*

ĐẠI DIỆN BÊN B

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

CÁC PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

Phụ lục 01: Phạm vi công việc

Phụ lục 02: Bảng giá Hợp đồng

Phụ lục 03: Danh mục thiết bị, công cụ dụng cụ

Phụ lục 04: Danh sách Nhân sự của Bên B

Phụ lục 05: Yêu cầu về Hồ sơ ATSKMT

Phụ lục 06: Bảng tiến độ công việc

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của ____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”);⁽¹⁾

Theo quy định trong E-HSMT (*hoặc hợp đồng*), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*]⁽²⁾ (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [*ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT*]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [*ghi số tiền bảo lãnh*] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] đã ký hợp đồng số ____ [*ghi số hợp đồng*] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT.

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG ⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)*[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]*

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, ____ [*ghi tên và địa chỉ của nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*⁽²⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 12.1 E-ĐKCT của E-HSMT*].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại Điều 5 của Hợp đồng sau khi nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾ hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 12.1 E-ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày hoàn thành việc cung cấp dịch vụ quy định trong hợp đồng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] do ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] tổ chức:

[- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình đối chiếu tài liệu,

- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình thương thảo hợp đồng (nếu có) đối với trường hợp thương thảo hợp đồng trực tiếp;

- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp]⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*ghi tên nhà thầu*]. ____ [*ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Chủ đầu tư giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

*[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]*

Người ủy quyền

*[ghi tên người đại diện theo pháp luật
của nhà thầu, chức danh, ký tên và
đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt

cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng và phải bảo đảm ngày có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền

PHỤ LỤC 1: Cung cấp dịch vụ chọc xỉ buồng đốt trước khi lắp giáo, lắp đặt giàn giáo, đắp bê tông chịu lửa, lắp đặt tời nâng windlass phục vụ công tác trung tu tổ máy số 1 NMND Vũng Áng 1 năm 2026

STT	Danh mục	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện	Ngày hoàn thành dịch vụ
I	Dịch vụ lắp đặt giàn giáo	Chi tiết tại Phụ lục	Gói	1	NMND Vũng Áng 1, xóm Hải Phong, phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh	Theo quy định tại chương V
1	Giàn giáo hệ thống Turbine - Máy phát	Chi tiết tại Phụ lục 1, chương V	m3	2.049		
2	Giàn giáo các van hơi Tuabin	Chi tiết tại Phụ lục 1, chương V	m3	1.288		
3	Giàn giáo hệ thống phụ trợ tuabin-máy phát	Chi tiết tại Phụ lục 1, chương V	m3	1.734		
4	Giàn giáo hệ thống bơm nước cấp, nước ngưng	Chi tiết tại Phụ lục 1, chương V	m3	831		
5	Giàn giáo hệ thống bơm nước làm mát chính	Chi tiết tại Phụ lục 1, chương V	m3	402		
6	Giàn giáo hệ thống khói gió	Chi tiết tại Phụ lục 1, chương V	m3	10.704		
7	Giàn giáo hệ thống lò hơi, SCR	Chi tiết tại Phụ lục 1, chương V	m3	33.279		
8	Giàn giáo hệ thống ESP-FGD	Chi tiết tại Phụ lục 1, chương V	m3	7.041		
9	Giàn giáo hệ thống máy biến áp chính, điện tự dùng, UPS, ống dẫn dòng IPB-NPB	Chi tiết tại Phụ lục 1, chương V	m3	6.473		
II	Dịch vụ vệ sinh xỉ, bê tông cũ và đắp lại bê tông mới khu vực đai đốt/thuyền xỉ/đỉnh lò/mui lò	Chi tiết tại Phụ lục	Gói	1		
1	Đai đốt	Chi tiết tại Phụ lục 1, chương V	m2	108		
2	Thuyền xỉ, đỉnh lò, mui lò	Chi tiết tại Phụ lục 1, chương V	Gói	1		
III	Dịch vụ lắp đặt tời nâng windlass	Chi tiết tại Phụ lục	Gói	1		
IV	Dịch vụ Chọc xỉ trước khi thực hiện công tác bắc giáo	Chi tiết tại Phụ lục	Gói	1		



PHỤ LỤC 1
BẢNG 1.1. KHỐI LƯỢNG GIÀN GIÁO PHỤC VỤ CÔNG TÁC TRUNG TU HỆ THỐNG TURBINE- MÁY PHÁT TỔ MÁY 1 NĂM 2026

STT	Hệ thống	Thiết bị	Vị trí bắc giáo	Kích thước chi tiết		Kích thước giáo					Khối lượng (m ³)		Ghi chú
						Dài (m)	Rộng (m)	Diện tích sàn (m ²)	Cao (m)	Lan can (m)	Chum tính lan can	Tính lan can	
1	Tuabin	Bảng 1.1	Ống crossover A	Sàn	Cao: 6 m, Dài: 5 m, Rộng: 4 m	5	4	20	6	7	120	140	
				Lan can	Cao: 1 m								
2			Ống crossover B/C	Sàn	Cao: 6 m, Dài: 8 m, Rộng: 4 m	8	4	32	6	7	192	224	
				Lan can	Cao: 1m								
3		Gối đỡ	Gối đỡ 2,3	Sàn	Cao: 2m, Dài: 4m Rộng: 1m	4	1	4	2	3	8	12	
				Lan can	Cao: 1m								
4			Gối đỡ 4,5	Sàn	Cao: 2m, Dài: 4m Rộng: 1m	4	1	4	2	3	8	12	
				Lan can	Cao: 1m								
5			Gối đỡ 6	Sàn	Cao: 2m, Dài: 4m Rộng: 1m	4	1	4	2	3	8	12	
				Lan can	Cao: 1m								
6		Hạ áp LPA	Vỏ trong LPA	Sàn	Cao: 2m, Dài: 6m Rộng: 5m	6	5	30	2	3	60	90	
				Lan can	Cao: 1m								
7		Hạ áp LPB	Vỏ trong LPB	Sàn	Cao: 2m, Dài: 6m Rộng: 5m	6	5	30	2	3	60	90	
				Lan can	Cao: 1m								
8		Bộ trở trực	Động cơ trở trực	Sàn	Cao: 4 m, Dài: 3 m, Rộng: 3 m	3	3	9	4	5	36	45	
				Lan can	Cao: 1 m								
9	Máy phát điện		Phần trên thân máy phát	Sàn	Cao: 6 m, Dài: 12 m, Rộng: 6 m	12	6	72	6	7	432	504	
				Lan can	Cao: 1m								
10		Gối đỡ	Gối đỡ 7	Sàn	Cao: 2m, Dài: 4m Rộng: 1m	4	1	4	2	3	8	12	
				Lan can	Cao: 1m								
11			Gối đỡ 8	Sàn	Cao: 2m, Dài: 4m Rộng: 1m	4	1	4	2	3	8	12	
				Lan can	Cao: 1m								
12		Tủ ra dây máy phát phía ống dẫn dòng		Sàn	Cao: 8m, Dài: 8m Rộng: 3m	8	3	24	8	9	192	216	
				Lan can	Cao: 1m								
13		Tủ ra dây máy phát phía dưới thân máy phát		Sàn	Cao: 10m, Dài: 8m Rộng: 3m	8	3	24	10	11	240	264	
				Lan can	Cao: 1m								
14		Thân dưới máy phát phía coupling		Sàn	Cao: 12m, Dài: 8m Rộng: 4m	8	4	32	12	13	384	416	
				Lan can	Cao: 1m								
TỔNG CỘNG											1.756	2.049	
Đơn giá													
Thành tiền													

ceheto

PHỤ LỤC 1
BẢNG 1.2: KHỐI LƯỢNG GIÁN GIÁO PHỤC VỤ CÔNG TÁC TRUNG TU HỆ THÔNG VAN HƠI
TUABIN TỔ MÁY 1 NĂM 2026

Stt	Thiết bị	Chi tiết thiết bị	Tổ máy	Kích thước giáo (m)			Khối lượng (m ³)	Ghi chú
				Dài	Rộng	Cao		
1		Van MSV nhánh A	TM02	4	6	12	576	Tháo, lắp 2 lần để phục vụ công tác
2		Van MSV nhánh B	TM02	4	6	12	576	
3	Van hơi chính	Control van 1 - 4	TM02	2	4	1	8	
4		Combined reheat nhánh A	TM02	4	4	4	64	
5		Combined reheat nhánh B	TM02	4	4	4	64	
Tổng khối lượng							1288	
Đơn giá								
Thành tiền								



PHỤ LỤC 1
BẢNG 1.3: KHỐI LƯỢNG GIÀN GIÁO PHỤC VỤ CÔNG TÁC TRUNG TU
HỆ THỐNG PHỤ TRỢ TUABIN - MÁY PHÁT TỔ MÁY 1 NMD VÙNG ANGI 1 NĂM 2026

Stt	Thiết bị	Chi tiết thiết bị	Tổ máy	Kích thước giáo (m)			Khối lượng (m ³)	Ghi chú
				Dài	Rộng	Cao	Dài x Rộng x Cao	
1	Bình ngưng	Bên trong bình ngưng	TM01	3	2	12	72	
2	Máy phát	Phía trung tính máy phát	TM01	4	1	6	24	
3		Quạt làm mát Máy cắt dầu cực, ống dẫn dòng	TM01	3	4	3	36	
4	Van LP Bypass (2 van)	Lắp để tháo van		3	3	2	36	
5	Bình khử khí	Lắp thực hiện PT, MT trong bình		20	3	3	180	
6	Khoang nước bình ngưng	Khoang nước nhánh A		10	5	4	200	
		Khoang nước nhánh B		10	5	4	200	
7	Van đầu vào bình ngưng (4 van)	Lắp để tháo/lắp van		3	3	3	108	
8	Giàn giáo các van điện hơi trích (8 van)	Lắp để tháo/lắp van		3	3	3	216	
9	Bình gia nhiệt (3 bình)	Tháo manhole		3	3	6	162	
10	Van 1 chiều cold reheat	Lắp để tháo/lắp van		0	0	0	0	
11	Các van đường hơi phụ (8 van)	Lắp để tháo/lắp van		0	0	0	0	
12	Giàn giáo cho các thiết bị C&I	Lắp để tháo/lắp thiết bị					250	
13	Dự phòng phát sinh						250	
TỔNG CỘNG							1.734	
Đơn giá								
Thành tiền								

reheats

PHỤ LỤC 1
BẢNG 1.4: KHỐI LƯỢNG GIÀN GIÁO PHỤC VỤ CÔNG TÁC TRUNG TU HỆ THỐNG BƠM NƯỚC CẤP/NƯỚC NGỪNG TÔ MÁY 1 NMB
VÙNG ÁNG 1 NĂM 2026

STT	Hệ thống	Thiết bị	Vị trí bậc giáo	Kích thước chi tiết		Kích thước giáo					Khối lượng chưa lan can (m ³)	Khối lượng có lan can (m ³)	Ghi chú		
						Dài (m)	Rộng (m)	Diện tích sàn (m ²)	Cao (m)	Lan can (m)					
I															
Hệ thống nước cấp															
2		Các van điều chỉnh nước cấp	Các van điều chỉnh nước cấp	Sàn	Cao: 2 m Dài: 5 m Rộng: 3 m	5	3	15	2	3	30	45			
				Lan can	Cao: 1m										
3		Động cơ bơm tầng áp bơm cấp	Xung quanh động cơ	Sàn	Cao: 5m, Dài: (4m x 2) + (2m x 2), Rộng: 1m (3 mâm)	12	1	12	5	6	60	72			
				Lan can	Cao: 1m										
4		Hệ thống bơm đầu bôi trơn gói đờ bơm/tuabin dẫn động	Bê tông bôi trơn	Sàn	Cao: 5m, Dài: 4m, Rộng: 3m	4	3	12	5	6	60	72			
				Lan can	Cao: 1m										
5		Tuabin dẫn động bơm nước cấp	Van LCV	Sàn	Cao: 3m, Dài: 3m, Rộng: 2m	3	2	6	4	5	24	30			
				Lan can	Cao: 1m										
6		Tuabin dẫn động bơm nước cấp	Giá đỡ bán tĩnh	Sàn	Cao: 1m, Dài: 5m, Rộng: 2m	5	2	10	2	3	20	30			
				Lan can	Cao: 1m										
7		Tuabin dẫn động bơm nước cấp	Khung nhà phục vụ phun bột nhôm	Sàn	Cao: 5m, Dài: 5m, Rộng: 5m	5	5	25	5	6	125	150			
				Lan can	Cao: 0m										
8	HT nước cấp	Thiết bị C&I HT nước cấp	Lắp để phục vụ công tác BDSC thiết bị trên cao	Sàn	Cao: 5m, Dài: (4m x 2) + (2m x 2), Rộng: 1m (3 mâm)	12	1	12	5	6	60	72			
				Lan can	Cao: 1m										
II															
Hệ thống nước ngưng															
9	Động cơ bơm nước ngưng	A	Xung quanh động cơ	Sàn	Cao: 5m, Dài: (4m x 2) + (2m x 2), Rộng: 1m (3 mâm)	12	4	48	5	6	240	288			
				Lan can	Cao: 1m										
10	HT nước ngưng	Thiết bị C&I HT nước ngưng	Lắp để phục vụ công tác BDSC thiết bị trên cao	Sàn	Cao: 5m, Dài: (4m x 2) + (2m x 2), Rộng: 1m (3 mâm)	12	1	12	5	6	60	72			
				Lan can	Cao: 1m										
Tổng khối lượng											679	831			
Đơn giá															
Thành tiền															

Handwritten signature in blue ink

PHỤ LỤC 1

BẢNG 1.5: KHỐI LƯỢNG GIÀN GIÁO PHỤC VỤ CÔNG TÁC TRUNG TU HỆ THỐNG BƠM NƯỚC LÀM MÁT CHÍNH TỎ MÁY SỐ 1
NMB VÙNG ANGI 1 NĂM 2026

STT	Hệ thống	Thiết bị	Vị trí bắc giáo	Kích thước chi tiết		Kích thước giáo					Khối lượng		Ghi chú
						Dài (m)	Rộng (m)	Diện tích sàn (m2)	Cao (m)	Lan can (m)	Chưa tính lan can (m3)	Tính lan can (m3)	
1	Hệ thống trạm bơm nước làm mát chính	Bơm nước làm mát chính	Xung quanh giá đỡ trên của bơm	Sàn	Cao: 5 m, Dài: 3 m, Rộng: 3 m	6	6	36	3	4	108	144	
				Lan can	Cao: 1 m								
2		Động cơ bơm nước làm mát chính	Xung quanh động cơ để phục vụ tháo lắp, kiểm	Sàn	Cao: 5m, Dài: 3 Rộng: 3m	3	3	9	5	6	45	54	
				Lan can	Cao: 1m								
3	Hệ thống trạm bơm nước làm mát chính	Lưới quay rác	Xung quanh vị trí lưới quay rác	Sàn	Cao: 5 m, Dài: 3 m, Rộng: 3 m	6	6	36	2	3	72	108	
				Lan can	Cao: 1m								
4		Van đầu thoát bơm nước làm mát chính	Xung quanh mặt bích van đầu thoát và mặt bích mainhole nhá trên	Sàn	Cao: 5 m, Dài: 3 m, Rộng: 3 m	3	3	16	3	6	48	96	
				Lan can	Cao: 1m								
TỔNG CỘNG											273	402	
Đơn giá													
Thành tiền													

PHỤ LỤC 1
BẢNG 1.6: KHỐI LƯỢNG GIÀN GIÁO PHỤC VỤ CÔNG TÁC TRUNG TU HỆ THỐNG KHÓI GIÓ TỔ MÁY 1 NMB VŨNG ÁNG 1 NĂM 2026

Đơn vị tính: **Đông**

Stt	Hệ thống	Thiết bị	Vị trí bắc giáo	Kích thước chi tiết	Số lượng vị trí lắp đặt	Kích thước giáo					Khối lượng (m ³)	Ghi chú		
						Dài (m)	Rộng (m)	Diện tích sàn (m ²)	Cao (m)	Cao tính cả Lan can (m)				
1	Khói gió	Khớp nối đầu vào bypass bộ SCR	Bắc giáo mặt dưới và 2 mặt bên (giáo dạng đứng)	Sàn	Cao: 3 m, Dài: 18 m, Rộng của mặt sàn : 2 m 2 mặt bên cao 8m x 2 phía	1	18	2	36	21	22	792		
				Lan can	Cao: 1 m									
2	Khói gió	Khớp nối gián nở đầu ra đường Bypass SCR	Bắc giáo mặt dưới và 2 mặt bên (giáo dạng đứng)	Sàn	Cao: 3 m, Dài: 18 m, Rộng của mặt sàn : 2 m 2 mặt bên cao 8m x 2 phía	2	36	2	72	21	22	1584		
				Lan can	Cao: 1 m									
3	Khói gió	Khớp nối gián nở đường khói đầu ra AH	Bắc giáo 4 phía	Sàn	Cao: 3 m, Dài: 20 m x2+8 mx2 Rộng: 2m	2	72	2	144	6	7	1008		
				Lan can	Cao: 1 m									
4	Khói gió	Khớp nối gián nở số 2 gió cấp 2 đầu vào AH	Bắc giáo 4 phía	Sàn	Cao: 5 m, Dài: 8x2 m+ 8x2 Rộng: 2 m	2	32	2	64	10	11	704		
				Lan can	Cao: 1 m									
6	Khói gió	Khớp nối gián nở gió cấp 2 đầu ra AH	Bắc giáo 4 phía (dạng giáo treo)	Sàn	Cao: 4 m, Dài: 10x2 m +7x2m Rộng:2m	2	48	2	96	8	9	864		
				Lan can	Cao: 1 m									
5	Khói gió	Khớp nối gián nở đầu vào của hộp gió trên phía trước lò	Bắc giáo 2 bên	Sàn	Cao: 4x2 m, Dài: 2 m, Rộng: 2 m	2	8	2	16	16	17	272		
				Lan can	Cao: 1 m									
6	Khói gió	Khớp nối gián nở đầu vào của hộp gió trên phía sau lò	Bắc giáo 2 bên	Sàn	Cao: 4x2 m, Dài: 2 m, Rộng: 2 m	2	8	2	16	16	17	272		
				Lan can	Cao: 1 m									
7	Khói gió	Khớp nối gián nở đầu vào của hộp gió dưới phía trước lò	Bắc giáo mặt dưới và 2 mặt bên (giáo dạng đứng)	Sàn	Cao: 3 m, Dài: 4 m, Rộng: 2 m Giáo 2 bên cao 3m	2	8	2	16	24	25	400		
				Lan can	Cao: 1 m									
8	Khói gió	Khớp nối gián nở đầu vào của hộp gió dưới phía sau lò	Bắc giáo mặt dưới và 2 mặt bên (giáo dạng đứng)	Sàn	Cao: 3 m, Dài: 4 m, Rộng: 2 m Giáo 2 bên cao 3m	2	8	2	16	24	25	400		
				Lan can	Cao: 1 m									
9	Khói gió	Khớp nối gián nở số 3 đường khói vào SCR	Mặt dưới và 2 mặt bên	Sàn	Cao: 3 m, Dài: 8 m, Rộng: 2 m Cao 2 bên 5m	1	8	2	16	32	33	528		
				Lan can	Cao: 1 m									
10	Khói gió	Khớp nối gián nở đầu ra SCR	Bắc giáo 4 phía	Sàn	Cao: 2 m, Dài: 18x2 m+8x2 m Rộng: 2	2	104	2	208	4	5	1040		
				Lan can	Cao: 1 m									
11	Khói gió	Khớp nối gián nở số 3 đường gió cấp 2	Bắc giáo mặt dưới và 2 bên	Sàn	Cao: 3 m, Dài: 8 m, Rộng: 2 m 2 bên cao 5 m tính từ mặt giáo thao tác	1	8	2	16	32	33	528		
				Lan can	Cao: 1 m									
12	Khói gió	Khớp nối đầu ra quạt gió cấp 2 FA (A, B)	Bắc giáo 2 mặt bên	Sàn	Cao: 5x2 m, Dài: 1 m, Rộng: 2 m	1	1	2	2	20	21	42		
				Lan can	Cao: 1 m									
13	Khói gió	Kiểm tra lọc dầu hút quạt gió cấp 2 FA (A, B)	Bắc giáo mặt trước	Sàn	Cao: 16 m, Dài: 4 m, Rộng: 2 m	1	4	2	8	32	33	264		
				Lan can	Cao: 1 m									
14	Khói gió	Khớp nối đầu ra quạt gió cấp 1 PA (A, B)	Bắc giáo 2 mặt bên	Sàn	Cao: 4x2 m, Dài: 1 m, Rộng: 2 m	1	1	2	2	16	17	34		
				Lan can	Cao: 1 m									
15	Khói gió	Kiểm tra lọc dầu hút quạt gió cấp 1 PA (A, B)	Bắc giáo mặt trước	Sàn	Cao: 16 m, Dài: 4 m, Rộng: 2 m	1	4	2	8	32	33	264		
				Lan can	Cao: 1 m									
16	Khói gió	Dampers quạt	Dampers quạt khói, gió, cấp 1, cấp 2									624		
17	Khói gió	Khớp nối đường liên thông hộp gió cấp 2	Khớp nối đường liên thông hộp gió cấp 2			2							448	
18		Dự phòng chung											1.500	
TỔNG CỘNG												10.704		
Đơn giá														
Thành tiền														

Handwritten signature in blue ink.

PHỤ LỤC 1
BẢNG 1.7. KHỐI LƯỢNG GIẢN GIÁO PHỤC VỤ CÔNG TÁC TRUNG TU HỆ THỐNG LÒ HƠI, SCR VÀ THIẾT BỊ PHỤ TRỢ LÒ HƠI TỐ MÁY 1 NMD VÙNG ANG 1 NĂM 2026

STT	Hệ thống	Thiết bị	Vị trí bắc giáo	Kích thước chi tiết	Số lượng	Kích thước giáo						Khối lượng			Ghi chú
						Dài (m)	Rộng (m)	Diện tích sàn (m ²)	Cao (m)	Tính cả Lan can (m)	Chưa tính lan can (m ³)	Tính lan can (m ³)			
1		Buồng đốt	Bên trong buồng đốt	Sàn Cao: 20 m, Dài: 32 m, Rộng: 9 m	1	32	9	288	20	21	5760	6048			
				Lan can Cao: 1 m											
2		Quá nhiệt trần	Bắc giáo phục vụ đập bê tông đai đốt	Sàn Cao: 10 m, Dài: 32 m, Rộng: 3 m	2	32	3	96	10	11	1920	2112			
				Lan can Cao: 1 m											
3	Bàn thế lò hơi	Quá nhiệt cấp 2	Quá nhiệt trần	Sàn Cao: 6 m, Dài: 30 m, Rộng: 3 m	1	30	3	90	6	7	540	630			
				Lan can Cao: 1 m											
4		Quá nhiệt cấp 2	Quá nhiệt cấp 2	Sàn Cao: 4 m, Dài: 32 m, Rộng: 4 m	1	30	3	90	3	4	270	360			
				Lan can Cao: 1 m											
5		Tải nhiệt trung gian	Tải nhiệt trung gian	Sàn Cao: 12 m, Dài: 32 m, Rộng: 4 m	1	30	3	90	10	11	900	990			
				Lan can Cao: 1 m											
6	Hộp gió	Đường gió cấp 3	Đường than loãng	Sàn Cao: 5 m, Dài: 32 m, Rộng: 4 m	2	30	3	90	4	5	720	900			
				Lan can Cao: 1 m											
7	Hộp gió	Đường than chính	Đường than loãng	Sàn Cao: 2 m, Dài: 8 m, Rộng: 2 m	6	8	2	16	2	3	192	288			
				Lan can Cao: 1 m											
8	Vòi đốt	Bao hơi	Bên trong Penthouse	Sàn Cao: 1 m, Dài: 32 m, Rộng: 2 m	2	32	2	64	1	2	128	256			
				Lan can Cao: 1 m											
9	Bao hơi	Đường than chính	Đường than loãng	Sàn Cao: 8 m, Dài: 32 m, Rộng: 2 m	2	32	2	64	2	3	256	384			
				Lan can Cao: 1 m											
10		Đường than chính	Đường than chính	Sàn Cao: 7 m, Dài: 32 m, Rộng: 5 m	2	30	3	90	6	7	1080	1260			
				Lan can Cao: 1 m											

PHỤ LỤC 1
BẢNG 1.7. KHỐI LƯỢNG GIÀN GIÁO PHỤC VỤ CÔNG TÁC TRUNG TU HỆ THỐNG LÒ HƠI, SCR VÀ THIẾT BỊ PHỤ TRỢ LÒ HƠI TÓ MÁY 1 NMD VÙNG ÁNG 1 NĂM 2026

STT	Hệ thống	Thiết bị	Vị trí bắc giáo	Kích thước chi tiết	Số lượng	Kích thước giáo			Khối lượng			Ghi chú	
						Dài (m)	Rộng (m)	Diện tích sàn (m ²)	Cao (m)	Tính cả Lan can (m)	Chưa tính lan can (m ³)		Tính lan can (m ³)
11	Thuyền xi	Trong thuyền xi		Sàn Cao: 3 m Dài: 32 m Rộng: 2 m	1	32	2	64	3	4	192	256	
				Lan can Cao: 1m									
12		Ngoài thuyền xi		Sàn Cao: 7 m Dài: 32 m Rộng: 1 m	2	32	1	32	7	8	448	512	
				Lan can Cao: 1m									
13	Hệ thống quá nhiệt, tái nhiệt	Các van xung quanh đường ống tái nhiệt, quá nhiệt		Sàn Cao: 5m, Dài: (4m x 2) + (2m x 2), Rộng: 1m (3 mâm)	10	3	2	6	3	6	180	360	
				Lan can Cao: 1m									
14	Van an toàn	Van an toàn	Đại tu van an toàn	Sàn Cao: 2 m Dài: 3 m Rộng: 2 m	10	3	2	6	2	3	120	180	
				Lan can Cao: 1m									
15	Lò hơi	GAH			6	14	10	140	1	1	840	840	
16	Lò hơi			Giàn giáo phục vụ kiểm tra Kim tương								5000	
17	Lò hơi			Giàn giáo phục vụ kiểm tra, thay dầu, thay seal làm kín các snubber								2000	
18	SCR	vòi phun NH3	bên trong vòi phun NH3 nhánh A	Sàn Cao: Dài: Rộng:	1	12	2,6	31,2	1,5	1,5	46,8	46,8	
				Lan can Cao: 0 m									
19	SCR	vòi phun NH3	bên trong vòi phun NH3 nhánh B	Sàn Cao: Dài: Rộng:	1	12	2,6	31,2	1,5	1,5	46,8	46,8	
				Lan can Cao: 0 m									
20	SCR	Các tấm chấn damper	Sửa chữa tấm chấn bypass SCR nhánh A	Sàn Cao: Dài: Rộng:	1	8	2	16	3	3	48	48	
				Lan can Cao: 0 m									
21	SCR	Các tấm chấn damper	Sửa chữa tấm chấn bypass SCR nhánh B	Sàn Cao: Dài: Rộng:	1	8	2	16	3	3	48	48	
				Lan can Cao: 0 m									
22	SCR	Catalyst			2	14	10	140	1	1	280	280	

PHỤ LỤC 1
 BẢNG 1.7. KHỐI LƯỢNG GIÁN GIÁO PHỤC VỤ CÔNG TÁC TRUNG TỤ HỆ THỐNG Lò HƠI, SCR VÀ THIẾT BỊ PHỤ TRỢ Lò HƠI TỎ MÁY 1 NMD VÙNG ANG 1 NĂM 2026

STT	Hệ thống	Thiết bị	Vị trí bắc giáo	Kích thước chi tiết	Số lượng	Kích thước giáo						Khối lượng		Ghi chú
						Dài (m)	Rộng (m)	Diện tích sàn (m ²)	Cao (m)	Tính cả Lan can (m)	Chưa tính lan can (m ³)	Tính lan can (m ³)		
23	Kiểm tra ty treo, giá đỡ	Cold Reheater	Đường nhánh Cold điểm Constant hanger đầu tiên VAI-BWBC-00BLA-M-M1A-ISO-10100		1	4	3	12	9	9	108	108	108	
24	Kiểm tra ty treo, giá đỡ	Hot Reheat	No 3 Vertical constant hanger/VA1-BWBC-00LBB-M-M1A-ISO-10000		1	5	4	20	8	8	160	160	160	
25	Kiểm tra ty treo, giá đỡ	Hot Reheat	No 4 trapeze hanger/VA1-BWBC-00LBB-M-M1A-ISO-10000, No 107 Spring hanger		1	6	4	24	8	8	192	192	192	
26	Kiểm tra ty treo, giá đỡ	Hot Reheat	No 4 trapze constant hanger Hot Reheater/ BWBC-00LBB-M-M1A-ISO-10000		1	5	4	20	9	9	180	180	180	
27	Kiểm tra ty treo, giá đỡ	Hot Reheat	No 7 Limited set of Z direction/VA1-BWBC-00LBB-M-M1A-ISO-10000		1	8	5	40	16	16	640	640	640	
28	Kiểm tra ty treo, giá đỡ	Hot Reheat	No 9 Vertical constant hanger Hot Reheater Pipe/VA1-BWBC-00LBB-M-M1A-ISO-10000		1	8	5	40	11	11	440	440	440	
29	Kiểm tra ty treo, giá đỡ	Hot Reheat	No 10 trapze constant hanger Hot Reheater Pipe/VA1-BWBC-00LBB-M-M1A-ISO-10000		1	6	3	18	9	9	162	162	162	
30	Kiểm tra ty treo, giá đỡ	Hot Reheat	Hot Reheater Pipe No 18 spring hanger El 37.6m		1	4	4	16	8	8	128	128	128	
31	Kiểm tra ty treo, giá đỡ	Hot Reheat	Hot Reheater Pipe No 17 constant hanger El 37.9m		1	6	3	18	6	6	108	108	108	
32	Kiểm tra ty treo, giá đỡ	Hot Reheat	No 20 constant hanger Hot Reheater/VA1-BWBC-00LBB-M-M1A-ISO-10000		1	6	4	24	8	8	192	192	192	
33	Kiểm tra ty treo, giá đỡ	Hot Reheat	No 21 Vertical spring constant Hot Reheater/VA1-BWBC-00LBB-M-M1A-ISO-10000		1	5	4	20	9	9	180	180	180	
34	Kiểm tra ty treo, giá đỡ	Hot Reheat	Hot Reheater Pipe No 31 Trapeze constant hanger El 13.1m (tầng 2 Turbine)		1	5	4	20	9	9	180	180	180	
35	Kiểm tra ty treo, giá đỡ	Hot Reheat	Hot Reheater Pipe No 32 Trapeze constant hanger El 12.8m		1	5	4	20	9	9	180	180	180	
36	Kiểm tra ty treo, giá đỡ	Hot Reheat	Hot Reheater Pipe No 33 Trapeze constant hanger El 12.6m (tầng 2 Turbine)		1	4	4	16	9	9	144	144	144	

PHỤ LỤC 1
BẢNG 1.7. KHỐI LƯỢNG GIẢN GIÁO PHỤC VỤ CÔNG TÁC TRUNG TỰ HỆ THỐNG Lò HOI, SCR VÀ THIẾT BỊ PHỤ TRỢ Lò HOI TỎ MÁY 1 NMD VÙNG ĂNG 1 NĂM 2026

STT	Hệ thống	Thiết bị	Vị trí bắc giáo	Kích thước chi tiết	Số lượng	Kích thước giáo				Khối lượng		Ghi chú	
						Dài (m)	Rộng (m)	Diện tích sàn (m ²)	Cao (m)	Tính cả Lan can (m)	Chưa tính lan can (m ³)		Tính lan can (m ³)
37	Kiểm tra ty treo, giá đỡ	Hot Reheat	Hot Reheater Pipe No 34 Trapeze constant hanger El 12.4m (tầng 2 Turbine)		1	5	4	20	9	9	180	180	
38	Kiểm tra ty treo, giá đỡ	Hot Reheat	Hot Reheater Pipe No 36 Trapeze constant hanger El 12.3m (tầng 2 Turbine)		1	5	4	20	9	9	180	180	
39	Kiểm tra ty treo, giá đỡ	Hot Reheat	Hot Reheater Pipe No 37 Trapeze constant hanger El 12.3m (tầng 2 Turbine)		1	4	4	16	9	9	144	144	
40	Kiểm tra ty treo, giá đỡ	Hot Reheat	Hot Reheater Pipe No 39 Trapeze constant hanger El 11.9m (tầng 2 Turbine), Hot Reheater Pipe No 38 Trapeze constant hanger El 12.1m (tầng 2 Turbine)		1	4	4	16	9	9	144	144	
41	Kiểm tra ty treo, giá đỡ	Main Steam	No 307 Vertical pipe Constant hange El 42.2m		1	5	4	20	9	9	180	180	
42	Kiểm tra ty treo, giá đỡ	Main Steam	No 308 Vertical pipe Constant hanger Main Steam/VA1-BWBC-00LBA-M1A-ISO-10004		1	4	4	16	8	8	128	128	
43	Kiểm tra ty treo, giá đỡ	Main Steam	No 108 Constant hange El 52.9m		1	4	3	12	6	6	72	72	
44	Kiểm tra ty treo, giá đỡ	Main Steam	No 109 Constant hange El 52.7m		1	4	3	12	6	6	72	72	
45	Kiểm tra ty treo, giá đỡ	Cold Reheater	No 202 Constant hanger Cold Reheater/VA1-BWBC-00LBC-M-M1A-ISO-1002		1	4	3	12	7	7	84	84	
46	Kiểm tra ty treo, giá đỡ	Main Steam	No 209 Constant hanger El 52.9m		1	3	3	9	6	6	54	54	
47	Kiểm tra ty treo, giá đỡ	Main Steam	No 210 Constant hanger El 52.7m		1	4	3	12	6	6	72	72	
48	Kiểm tra ty treo, giá đỡ	Main Steam	No 301 Constant hange El 52.4m		1	4	3	12	6	6	72	72	
49	Kiểm tra ty treo, giá đỡ	Main Steam	No 303 Constant hange El 52.2m		1	4	3	12	6	6	72	72	
50	Kiểm tra ty treo, giá đỡ	Main Steam	No 304 Constant hange El 52.m		1	4	4	16	8	8	128	128	
51	Kiểm tra ty treo, giá đỡ	Main Steam	No 318 Trapeze constant hanger El 14.5m		1	4	4	16	6	6	96	96	

Handwritten signature

PHỤ LỤC 1
BẢNG 1.7. KHỐI LƯỢNG GIÀN GIÁO PHỤC VỤ CÔNG TÁC TRUNG TỰ HỆ THỐNG Lò HƠI, SCR VÀ THIẾT BỊ PHỤ TRỢ Lò HƠI TỐ MÁY 1 NMD VÙNG ANG 1 NĂM 2026

STT	Hệ thống	Thiết bị	Vị trí bắc giáo	Kích thước chi tiết	Số lượng	Kích thước giáo						Khối lượng		Ghi chú
						Dài (m)	Rộng (m)	Diện tích sàn (m ²)	Cao (m)	Tính cả Lan can (m)	Chưa tính lan can (m ³)	Tính lan can (m ³)		
52	Kiểm tra ty treo, giá đỡ	Cold Reheater	No 101 Constant hanger Cold Reheater/VA1-BWBC-00LBC-M-M1A-ISO-1000		1	4	3	12	5	5	60	60		
53	Kiểm tra ty treo, giá đỡ	Cold Reheater	No 102 Constant hanger Cold Reheater/VA1-BWBC-00LBC-M-M1A-ISO-1000		1	4	3	12	7	7	84	84		
54	Kiểm tra ty treo, giá đỡ	Cold Reheater	No 105 Constant hanger Cold Reheater/VA1-BWBC-00LBC-M-M1A-ISO-1000		1	4	3	12	7	7	84	84		
55	Kiểm tra ty treo, giá đỡ	Cold Reheater	No 106 Constant hanger Cold Reheater/VA1-BWBC-00LBC-M-M1A-ISO-1000		1	4	3	12	6	6	72	72		
56	Kiểm tra ty treo, giá đỡ	Cold Reheater	No 206 Constant hange Cold Reheater/VA1-BWBC-00LBC-M-M1A-ISO-1002		1	4	3	12	7	7	84	84		
57	Kiểm tra ty treo, giá đỡ	Cold Reheater	No 305 Trapeze constant hanger Cold Reheater/VA1-BWBC-00LBC-M-M1A-ISO-1004		1	4	5	20	16	16	320	320		
58	Kiểm tra ty treo, giá đỡ	Cold Reheater	Cold Reheater Pipe No 315 Constant hange El 10.569m (Tầng 2 Turbine)		1	4	4	16	9	9	144	144		
59	Kiểm tra ty treo, giá đỡ	Cold Reheater	Cold Reheater Pipe No 316 Trapeze Constant hange El 10.8m (Tầng 2 Turbine)		1	4	4	16	9	9	144	144		
60	Kiểm tra ty treo, giá đỡ	Cold Reheater	No 317 Spring hanger Cold Reheater/VA1-BWBC-00LBC-M-M1A-ISO-1004		1	4	4	16	9	9	144	144		
61	Kiểm tra ty treo, giá đỡ		Spring hanger feed water 1		1	36	4	144	5	5	720	720		
62	Kiểm tra ty treo, giá đỡ		Vị trí Feed water to Eco 3		1	12	4	48	5	5	240	240		

PHỤ LỤC 1
BẢNG 1.7. KHỐI LƯỢNG GIÀN GIÁO PHỤC VỤ CÔNG TÁC TRUNG TU HỆ THỐNG LÒ HƠI, SCR VÀ THIẾT BỊ PHỤ TRỢ LÒ HƠI TỖ MÁY 1 NMD VÙNG ÁNG 1 NĂM 2026

STT	Hệ thống	Thiết bị	Vị trí bắc giáo	Kích thước chi tiết	Số lượng	Kích thước giáo				Khối lượng		Ghi chú	
						Dài (m)	Rộng (m)	Diện tích sàn (m ²)	Cao (m)	Tính cả Lan can (m)	Chưa tính lan can (m ³)		Tính lan can (m ³)
63	Kiểm tra ty treo, giá đỡ		Spring hanger trên line Feed Water to Economizer		1	16	4	64	5	5	320	320	
64	Kiểm tra ty treo, giá đỡ		Spring hanger feed water 2		1	5	5	25	9	9	225	225	
65	Kiểm tra ty treo, giá đỡ		Dự phòng cho các công tác sơn phòng môn ty treo....					0			3000	3000	
Tổng cộng											24.149	33.279	
Đơn giá													
Thành tiền													



PHỤ LỤC 1
BẢNG 1.8. KHỐI LƯỢNG GIÀN GIÁO PHỤC VỤ CÔNG TÁC SỬA CHỮA ĐỊNH KỲ HỆ THỐNG ESP, FGD TÒ MÁY 1 NMD VÙNG ÁNG 1 NĂM 2026

STT	Hệ thống	Thiết bị	Vị trí bắc giáo	Kích thước chi tiết		Số lượng vị trí lắp đặt	Kích thước giáo				Khối lượng		Ghi chú	
							Dài (m)	Rộng (m)	Diện tích sàn (m ²)	Cao (m)	Cao tính cả lan can (m)	Chưa tính lan can (m ³)		Tính lan can (m ³)
1	FGD	Tháp hấp thụ	lắp giáo vệ sinh các tấm tách ẩm bên trong tháp hấp thụ	Sàn	Cao: Dài: Rộng:	1			200,9	0,6	-	120,54	120,54	
				Lan can	Cao: 0 m									
			Giáo phục vụ kiểm tra các vòi phun nước biển	Sàn	Cao: Dài: Rộng:	1	64	3,14	201	7	7	1407	1407	
				Lan can	Cao: 0 m									
2	ESP	Bên trong ESP	Bắc giáo bên trong phễu	Sàn	Cao: Dài: Rộng:	50	5	4	20	3	3	3000	3000	
				Lan can	Cao: 0 m									
3	FGD	Đường khói	khớp nối giàn nở đường khói sạch đầu ra tháp hấp thụ	Sàn	Cao: Dài: Rộng:	1	12	2	24	5	5	120	120	
				Lan can	Cao: 0 m									
4	FGD	Đường khói	khớp nối giàn nở đường khói sạch đối diện bể basin	Sàn	Cao: Dài: Rộng:	1	6	1	6	2	2	12	12	
				Lan can	Cao: 0 m									
5	FGD	bên trong GGH	khoảng khói thô	Sàn	Cao: Dài: Rộng:	1	5	5	25	2	2	50	50	
				Lan can	Cao: 0 m									
6	FGD	bên trong GGH	khoảng khói sạch	Sàn	Cao: Dài: Rộng:	1	12	3	36	3	3	108	108	
				Lan can	Cao: 0 m									
7	FGD	Các tấm chắn damper	tấm chắn damper đường khói	Sàn	Cao: Dài: Rộng:	5	2	1	2	9	9	90	90	
				Lan can	Cao: 0 m									
8	FGD	Khớp dẫn nở	Khớp nối giàn nở đầu vào GGH	Sàn	Cao: Dài: Rộng:	1	14	1,8	25,2	5	5	126	126	
				Lan can	Cao: 0 m									
9	FGD	Khớp dẫn nở đường khói	Khớp nối giàn nở đường khói sạch, đường khói thô	Sàn	Cao: Dài: Rộng:	8	14	1,8	25,2	5	5	1008	1008	
				Lan can	Cao: 0 m									
Dự phòng						1						1000	1000	
						Tổng cộng						7041,26	7041,26	
						Đơn giá								
						Thành tiền								

PHỤ LỤC 1

BẢNG 1.9: KHỐI LƯỢNG GIẢN GIÁO PHỤC VỤ CÔNG TÁC TRUNG TU HỆ THỐNG MÁY BIẾN ÁP CHÍNH, HỆ THỐNG ĐIỆN TỰ DỪNG, UPS VÀ HỆ THỐNG ỚNG DẪN DÒNG IPB-NPB TỔ MÁY 1 NMD VÙNG ÁNG 1 NĂM 2026

STT	Hệ thống	Thiết bị	Vị trí bắc giáo	Kích thước chi tiết	Kích thước giáo					Khối lượng		Ghi chú		
					Dài (m)	Rộng (m)	Diện tích sàn (m2)	Cao (m)	Lan can (m)	Chưa tính lan can	Tính lan can			
1	Máy biến áp	MBA T1	Pha A	Mặt bên sàn dưới	Dài: 5 m Rộng: 1 m Cao: 4 m Lan can cao: 1 m	5	1	5	4	5	20	25		
				Mặt bên sàn trên	Cao: 0.5 m Lan can cao: 1 m Diện tích sàn: ((0.5 x 4) x 4)			8	0,5	1,5	4	12		
				Cánh tản nhiệt mặt trước	Cao: 3.5 m Lan can cao: 1 m Diện tích sàn: ((4 x 0.75) x 2)			6	3,5	4,5	21	27		
				Cánh tản nhiệt mặt sau	Cao: 3.5 m Lan can cao: 1 m Diện tích sàn: ((4 x 0.5) x 2) + (2 x 0.75)			7,5	3,5	4,5	26,25	33,75		
				Sứ cao áp	Dài: 3 m Rộng: 1.5 m	3	1,5	7,5	2	2,6	15	19,5		
			Pha B	Mặt bên sàn dưới	Dài: 5 m Rộng: 1 m Cao: 4 m Lan can cao: 1 m	5	1	5	4	5	20	25		
				Mặt bên sàn trên	Cao: 0.5 m Lan can cao: 1 m Diện tích sàn: ((0.5 x 4) x 4)			8	0,5	1,5	4	12		
				Cánh tản nhiệt mặt trước	Cao: 3.5 m Lan can cao: 1 m Diện tích sàn: ((4 x 0.75) x 2)			6	3,5	4,5	21	27		
				Cánh tản nhiệt mặt sau	Cao: 3.5 m Lan can cao: 1 m Diện tích sàn: ((4 x 0.5) x 2) + (2 x 0.75)			7,5	3,5	4,5	26,25	33,75		
				Sứ cao áp	Dài: 3 m Rộng: 1.5 m Cao: 2 m Lan can cao 0.6 m	3	1,5	7,5	2	2,6	15	19,5		
			Pha C	Mặt bên sàn dưới	Dài: 5 m Rộng: 1 m Cao: 4 m Lan can cao: 1 m	5	1	5	4	5	20	25		
				Mặt bên sàn trên	Cao: 0.5 m Lan can cao: 1 m Diện tích sàn: ((0.5 x 4) x 4)			8	0,5	1,5	4	12		
				Cánh tản nhiệt mặt trước	Cao: 3.5 m Lan can cao: 1 m Diện tích sàn: ((4 x 0.75) x 2)			6	3,5	4,5	21	27		
				Cánh tản nhiệt mặt sau	Cao: 3.5 m Lan can cao: 1 m Diện tích sàn: ((4 x 0.5) x 2) + (2 x 0.75)			7,5	3,5	4,5	26,25	33,75		
				Sứ cao áp	Dài: 3 m Rộng: 1.5 m Cao: 2 m Lan can cao 0.6 m	3	1,5	7,5	2	2,6	15	19,5		
				TD41	Sàn	Cao: 3.5m, Dài: 4m, Rộng: 3m (5 mâm)	4	3	12	3,5	4,5	42	54	
					Lan can	Cao: 1m								

PHỤ LỤC 1

BẢNG 1.9: KHỐI LƯỢNG GIẢN GIÁO PHỤC VỤ CÔNG TÁC TRUNG TU HỆ THỐNG MÁY BIẾN ÁP CHÍNH, HỆ THỐNG ĐIỆN TỰ DỪNG, UPS VÀ HỆ THỐNG ỚNG DẪN DÒNG IPB-NPB TỔ MÁY 1 NMD VÙNG ÁNG 1 NĂM 2026

STT	Hệ thống	Thiết bị	Vị trí bắc giáo	Kích thước chi tiết		Kích thước giáo					Khối lượng		Ghi chú
						Dài (m)	Rộng (m)	Diện tích sàn (m ²)	Cao (m)	Lan can (m)	Chun tính lan can	Tính lan can	
2		Ớng dẫn dòng IPB		Sàn	Cao: 12m, Dài: 32m, Rộng: 5m (5 mâm)	32	5	160	12	1	1920	160	
				Lan can	Cao: 1m								
		Ớng dẫn dòng NPB		Sàn	Cao: 9m, Dài: 15m, Rộng: 3m (5 mâm)	15	3	45	9	1	405	45	
				Lan can	Cao: 1m								
Tổng khối lượng											6473		
Đơn giá													
Thành tiền													

PHỤ LỤC 1

BẢNG 1.10: DỊCH VỤ VỆ SINH VÀ SỬA CHỮA BÊ TÔNG CHỤI NHIỆT KHU VỰC ĐAI ĐỐT, THUYỀN XÍ, MUI LÒ HỆ THỐNG LÒ HƠI TỎ MÁY 1 NMD VÙNG ÁNG 1 NĂM 2026

TT	Hệ thống	Thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Phạm vi công việc	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
A	ĐAI ĐỐT	Buồng lửa	1 tổ máy					
I	Công tác chuẩn bị		Gói	1	Khảo sát hiện trường, lập BPTC Lâm thủ tục PCT Chuẩn bị, vật tư, thiết bị, dụng cụ, máy móc đến vị trí công tác, chuẩn bị công tác an toàn			Dự kiến tổng thời gian thực hiện công tác là 50h
II	Vệ sinh lớp xi bảm trên bề mặt khu vực đai đốt và dọn vệ sinh		m2	1000	Tách bỏ lớp xi phục vụ kiểm tra tình trạng bê tông Dọn xi và vận chuyển đến vị trí tập kết Giám sát an toàn, canh cửa manhole			
III	Công tác cắt pin neo		m2	108	Đục bê tông và dọn bê tông tại các vị trí cần cắt pin Cắt pin tại vị trí đã loại bỏ bê tông Kiểm tra tình trạng bề mặt ổng sau khi cắt pin Giám sát an toàn, canh cửa manhole			Khối lượng tạm tính bằng tổng diện tích thực hiện tại tổ 2 (160m2) trừ đi diện tích đã cắt ở tổ 1 (52m2)
IV	Kết thúc công tác		Gói	1	Dọn công cụ dụng cụ và thiết bị ra khỏi vị trí công tác Tiến hành thu dọn vật tư dư thừa, xác vật tư; thu dọn vệ sinh sạch sẽ và trả thiết bị, mặt bằng cho đơn vị vận hành Khóa phiếu công tác, nghiệm thu công tác			Dự kiến tổng thời gian thực hiện công tác là 22h
B	THUYỀN XÍ		Gói	1				
		Thuyền xỉ	1 tổ máy					
I	Công tác chuẩn bị				Khảo sát hiện trường, lập BPTC Lâm thủ tục PCT Chuẩn bị, vật tư, thiết bị, dụng cụ, máy móc đến vị trí công tác Chuẩn bị các công tác an toàn.			
II	Tách bỏ, tháo dỡ lớp bê tông cũ và dọn vệ sinh				Tách bỏ bê tông cũ cần sửa chữa bằng máy đục bê tông Dọn bê tông vận chuyển đến vị trí tập kết			
III	Hàn đính neo chữ Y, các tấm đỡ bê tông				Kiểm tra đính neo chữ Y, các tấm đỡ bê tông Thay thế các đính neo, các tấm đỡ bị mất, hư hỏng			Chỉ thực hiện sửa chữa các vị trí bị hư hỏng, rơi vỡ, bong tróc
IV	Đóng Copp pha phục vụ đỡ bê tông				Đóng Copp pha các vị trí cần đỡ bê tông			
V	Đổ bê tông mới				Trộn bê tông bằng máy trộn Đổ bê tông mới Hoàn thiện bề mặt bê tông.			
VI	Kết thúc công tác				Tiến hành thu dọn dụng cụ, thiết bị máy móc khu vực công tác Tiến hành thu dọn vật tư dư thừa, vật tư biện pháp, xác vật tư; thu dọn vệ sinh sạch sẽ và trả thiết bị cho đơn vị vận hành. Khóa phiếu công tác, nghiệm thu công tác			
C	MUI LÒ		Gói	1				
		Mui lò	1 tổ máy					
I	Công tác chuẩn bị				Khảo sát hiện trường, lập BPTC Lâm thủ tục PCT Chuẩn bị, vật tư, thiết bị, dụng cụ, máy móc đến vị trí công tác Chuẩn bị các công tác an toàn.			
II	Tách bỏ, tháo dỡ lớp bê tông cũ và dọn vệ sinh				Tách bỏ bê tông cũ cần sửa chữa bằng máy đục bê tông Dọn bê tông vận chuyển đến vị trí tập kết			
III	Lót lưới thép, đóng Copp pha				Lót các tấm lưới thép theo thiết kế Đóng Copp pha phục vụ đỡ bê tông			Chỉ thực hiện sửa chữa các vị trí bị hư hỏng, rơi vỡ, bong tróc
IV	Đổ bê tông mới				Trộn bê tông bằng máy trộn Đổ bê tông mới Hoàn thiện bề mặt bê tông.			
V	Kết thúc công tác				Tiến hành thu dọn dụng cụ, thiết bị máy móc khu vực công tác Tiến hành thu dọn vật tư dư thừa, vật tư biện pháp, xác vật tư; thu dọn vệ sinh sạch sẽ và trả thiết bị cho đơn vị vận hành. Khóa phiếu công tác, nghiệm thu công tác			
Tổng cộng								

Handwritten signature in blue ink.

PHỤ LỤC 1
BẢNG 1.11: DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH, KIỂM ĐỊNH-THỬ TẢI, THÁO DỖ SÀN THAO TÁC CHO TÒI WINDLASS TỖ MÁY 1 NMD
VŨNG ÁNG 1 NĂM 2026

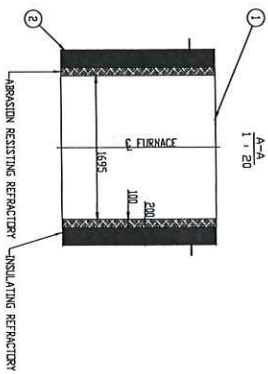
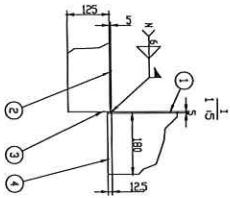
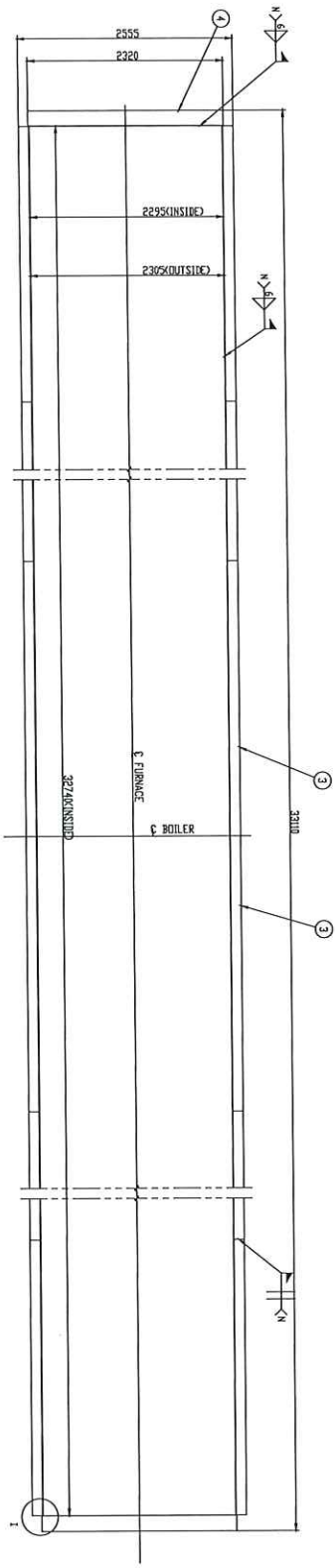
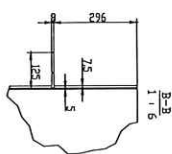
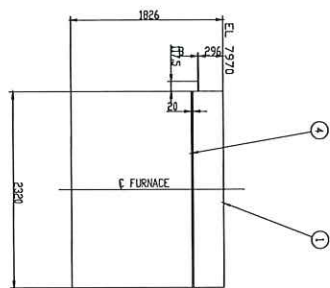
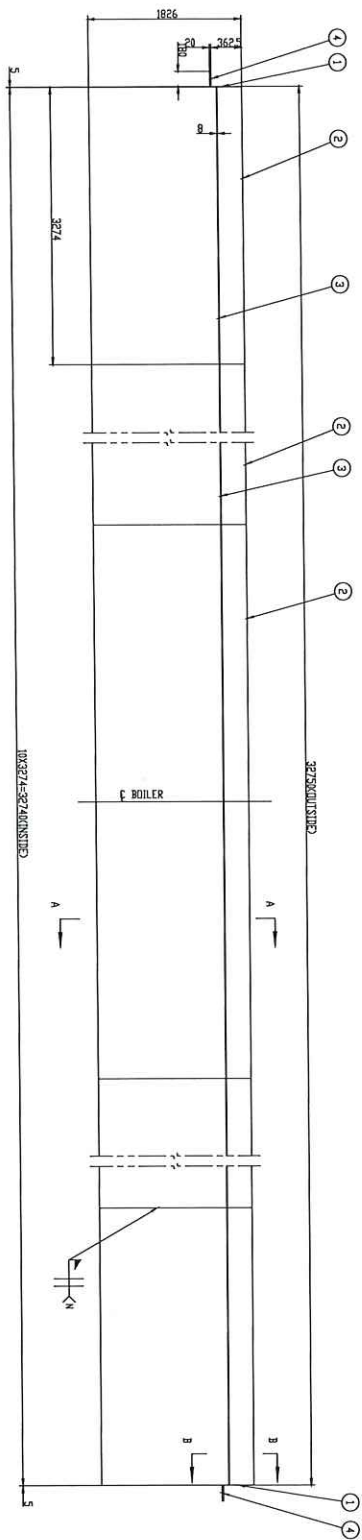
STT	Phạm vi công việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	Cung cấp dịch vụ lắp đặt, tháo dỡ vận hành sàn thao tác cho tời Windlass và thử tải kiểm định sàn:	Gói	1			
1	Nhận vật tư sàn nâng từ kho và vận chuyển đến bãi tập kết thiết bị.					
2	Đưa sàn nâng lên tầng 3 của lò hơi tổ máy số 2, đưa hệ sàn lên từ cửa lò lên vị trí tổ hợp sàn					
3	Kiểm định tời nâng					
4	Tổ hợp lắp đặt, kiểm định, vận hành, tháo dỡ hệ khung sàn kích thước 15750x9900mm (sàn nhỏ) bao gồm: - Đi cáp vào hệ khung sàn kích thước 15750x9900mm (bao gồm cáp móc sàn và cáp an toàn); - Thử tải, kiểm định hệ khung sàn kích thước 15750x9900mm - Vận hành hệ khung sàn kích thước 15750x9900mm (theo yêu cầu của đơn vị sửa chữa bên trong lò); - Tháo chuyển hệ khung sàn kích thước 15750x9900mm từ trái sang phải, phải sang trái theo yêu cầu của đơn vị sửa chữa - Tháo hệ khung sàn kích thước 15750x9900mm					
5	Tháo cáp kết nối sàn, cuốn cáp vào rulo tời nâng					
6	Đưa toàn bộ thiết bị hệ sàn ra khỏi lò hơi, vận chuyển thiết bị sắp xếp trả về kho nhà máy					



Phụ lục 1:
Bảng 1.12: DỊCH VỤ CHỌC XỈ TRONG BUỒNG ĐỐT TRƯỚC KHI BẮC GIÁO HỆ THỐNG LÒ HƠI TỎ MÁY 1 NMD VĨNG ÁNG 1 NĂM 2026

TT	Vị trí	Phạm vi công việc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Buồng đốt	<p>Chọc xỉ trước khi thực hiện công tác bắc giáo: Dịch vụ trọn gói bao gồm: nhân công, vật tư, máy móc thi công, công cụ dụng cụ, vệ sinh xỉ đã chọc,...) bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát hiện trường; - Chuẩn bị công cụ dụng cụ, máy móc thi công; - Lắp đặt hệ thống chiếu sáng, thông gió; - Thả cáp treo $\phi 16$ từ vị trí lỗ thăm phù hợp với vị chọc xỉ; - Lắp đặt rọ sắt, thang dây, dây kéo an toàn vào cáp treo $\phi 16$; - Nâng hai đầu cáp treo $\phi 16$ đến vị trí phù hợp với để chọc xỉ; - Tiến hành chọc xỉ buồng đốt tầng lớp từ trên xuống cho đến khi hết xỉ, thực hiện đồng thời cả hai phía tường lò; - Thu dọn công cụ dụng cụ, dọn vệ sinh sạch sẽ khu vực công tác - Các biện pháp an toàn cần thiết liên quan 	Gói	1			





NOTE: DRAWING NO. IS G4978-1-0.

NO.	DESCRIPTION	QTY	WEIGHT

NO.	DESCRIPTION	QTY	WEIGHT	REMARK

CHRYSLER
FOOTNER
MILLER

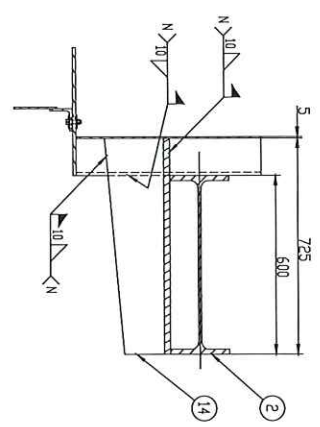
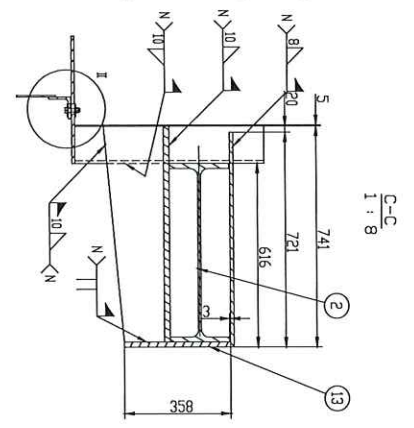
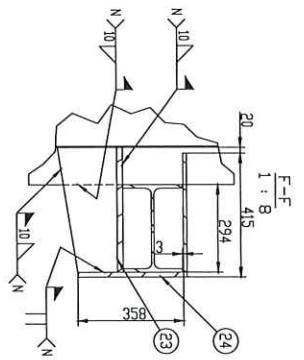
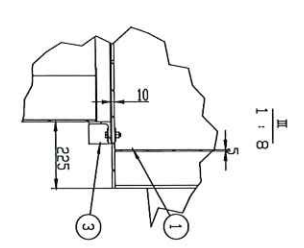
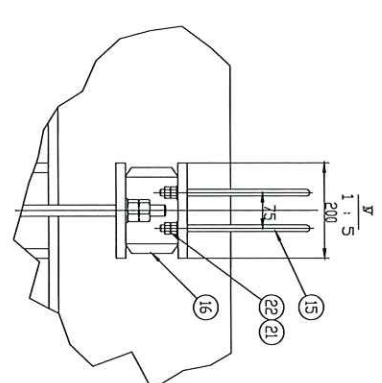
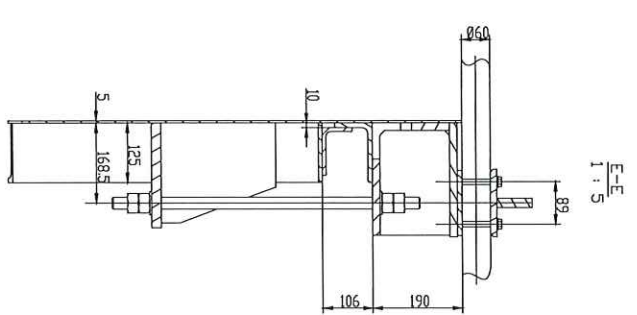
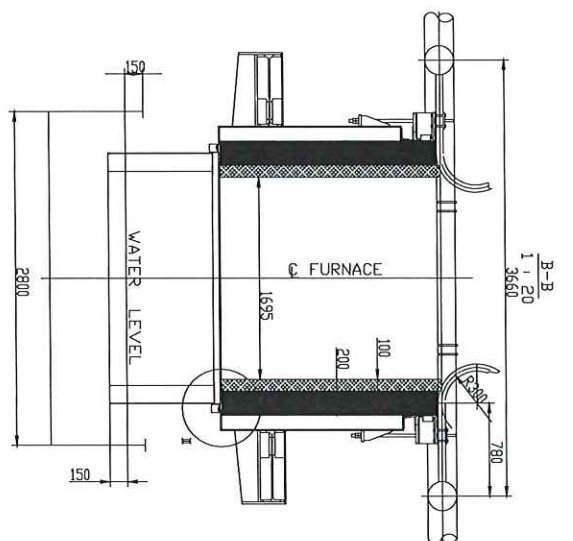
WELDING AND THERMAL POWER PLANT 2.0000W
 BOILER ISLAND

DATE: 11/15/00

BY: [Signature]

APPROVED: [Signature]

efit

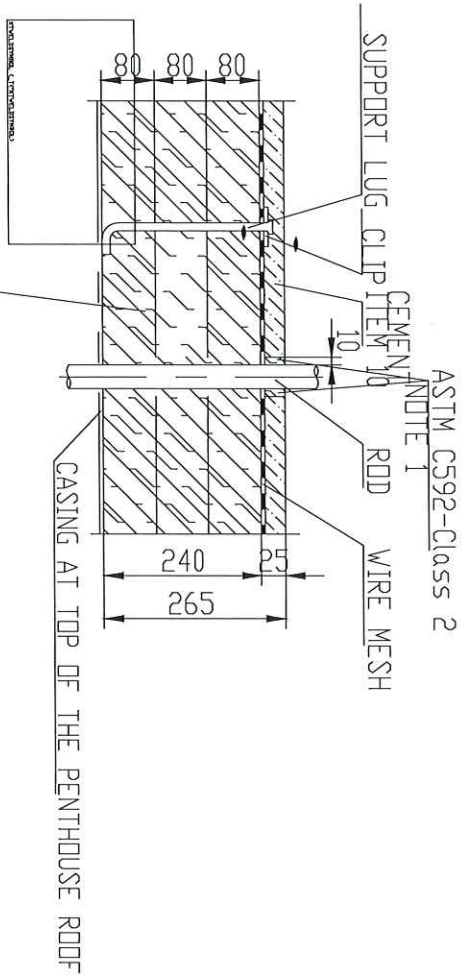


NOTE:
B/M3C DRAWING NO. JS G14978-052

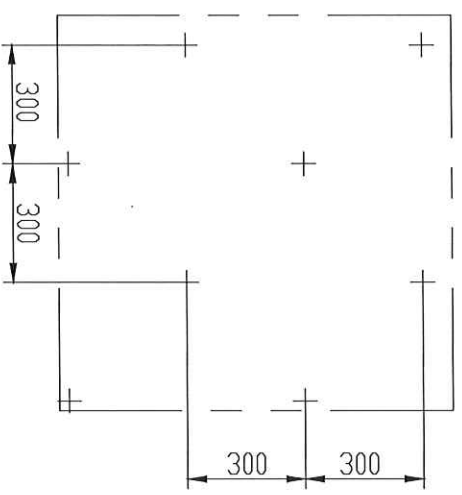
NO	DWG NO	DESCRIPTION	QTY	MATERIAL	SIGNATURE	REMARK
1		BRACKET	4	ASTM		
2		PIPE FITTING	4	ASTM		
3		PIPE FITTING	4	ASTM		
4		PIPE FITTING	4	ASTM		
5		PIPE FITTING	4	ASTM		
6		PIPE FITTING	4	ASTM		
7		PIPE FITTING	4	ASTM		
8		PIPE FITTING	4	ASTM		
9		PIPE FITTING	4	ASTM		
10		PIPE FITTING	4	ASTM		
11		PIPE FITTING	4	ASTM		
12		PIPE FITTING	4	ASTM		
13		PIPE FITTING	4	ASTM		
14		PIPE FITTING	4	ASTM		
15		PIPE FITTING	4	ASTM		
16		PIPE FITTING	4	ASTM		
17		PIPE FITTING	4	ASTM		
18		PIPE FITTING	4	ASTM		
19		PIPE FITTING	4	ASTM		
20		PIPE FITTING	4	ASTM		
21		PIPE FITTING	4	ASTM		
22		PIPE FITTING	4	ASTM		
23		PIPE FITTING	4	ASTM		
24		PIPE FITTING	4	ASTM		
25		PIPE FITTING	4	ASTM		
26		PIPE FITTING	4	ASTM		
27		PIPE FITTING	4	ASTM		
28		PIPE FITTING	4	ASTM		
29		PIPE FITTING	4	ASTM		
30		PIPE FITTING	4	ASTM		
31		PIPE FITTING	4	ASTM		
32		PIPE FITTING	4	ASTM		
33		PIPE FITTING	4	ASTM		
34		PIPE FITTING	4	ASTM		
35		PIPE FITTING	4	ASTM		
36		PIPE FITTING	4	ASTM		
37		PIPE FITTING	4	ASTM		
38		PIPE FITTING	4	ASTM		
39		PIPE FITTING	4	ASTM		
40		PIPE FITTING	4	ASTM		
41		PIPE FITTING	4	ASTM		
42		PIPE FITTING	4	ASTM		
43		PIPE FITTING	4	ASTM		
44		PIPE FITTING	4	ASTM		
45		PIPE FITTING	4	ASTM		
46		PIPE FITTING	4	ASTM		
47		PIPE FITTING	4	ASTM		
48		PIPE FITTING	4	ASTM		
49		PIPE FITTING	4	ASTM		
50		PIPE FITTING	4	ASTM		
51		PIPE FITTING	4	ASTM		
52		PIPE FITTING	4	ASTM		
53		PIPE FITTING	4	ASTM		
54		PIPE FITTING	4	ASTM		
55		PIPE FITTING	4	ASTM		
56		PIPE FITTING	4	ASTM		
57		PIPE FITTING	4	ASTM		
58		PIPE FITTING	4	ASTM		
59		PIPE FITTING	4	ASTM		
60		PIPE FITTING	4	ASTM		
61		PIPE FITTING	4	ASTM		
62		PIPE FITTING	4	ASTM		
63		PIPE FITTING	4	ASTM		
64		PIPE FITTING	4	ASTM		
65		PIPE FITTING	4	ASTM		
66		PIPE FITTING	4	ASTM		
67		PIPE FITTING	4	ASTM		
68		PIPE FITTING	4	ASTM		
69		PIPE FITTING	4	ASTM		
70		PIPE FITTING	4	ASTM		
71		PIPE FITTING	4	ASTM		
72		PIPE FITTING	4	ASTM		
73		PIPE FITTING	4	ASTM		
74		PIPE FITTING	4	ASTM		
75		PIPE FITTING	4	ASTM		
76		PIPE FITTING	4	ASTM		
77		PIPE FITTING	4	ASTM		
78		PIPE FITTING	4	ASTM		
79		PIPE FITTING	4	ASTM		
80		PIPE FITTING	4	ASTM		
81		PIPE FITTING	4	ASTM		
82		PIPE FITTING	4	ASTM		
83		PIPE FITTING	4	ASTM		
84		PIPE FITTING	4	ASTM		
85		PIPE FITTING	4	ASTM		
86		PIPE FITTING	4	ASTM		
87		PIPE FITTING	4	ASTM		
88		PIPE FITTING	4	ASTM		
89		PIPE FITTING	4	ASTM		
90		PIPE FITTING	4	ASTM		
91		PIPE FITTING	4	ASTM		
92		PIPE FITTING	4	ASTM		
93		PIPE FITTING	4	ASTM		
94		PIPE FITTING	4	ASTM		
95		PIPE FITTING	4	ASTM		
96		PIPE FITTING	4	ASTM		
97		PIPE FITTING	4	ASTM		
98		PIPE FITTING	4	ASTM		
99		PIPE FITTING	4	ASTM		
100		PIPE FITTING	4	ASTM		

Handwritten signature in blue ink.

WATERSBGA PLATE
FIGHTNER LIGHT CO. LTD
YOUNG AND THERMAL POWER PLANT 2 x 850MW
BOHEI ISLAND
1000V ALUMINUM



TYP. SPACING OF SUPRRT LUGS & CLIPS



NOTE:
1. RODS AND PIPES THROUGH TOP
CASING ARE WRAPPED WITH 10MM
ROCK WOOL BLANKET.

Drawing submission status: FOR CONSTRUCTION

REV	DATE	DESCRIPTION	DRWN	CHKD	APPD

OWNER: VIETNAM OIL AND GAS GROUP (PVN)



EPIC CONTRACTOR: VIETNAM MACHINERY INSTALLATION CORPORATION (LILAMA)



Project title: VUNG ANG 1 THERMAL POWER PLANT 2 x 600MW BOILER ISLAND

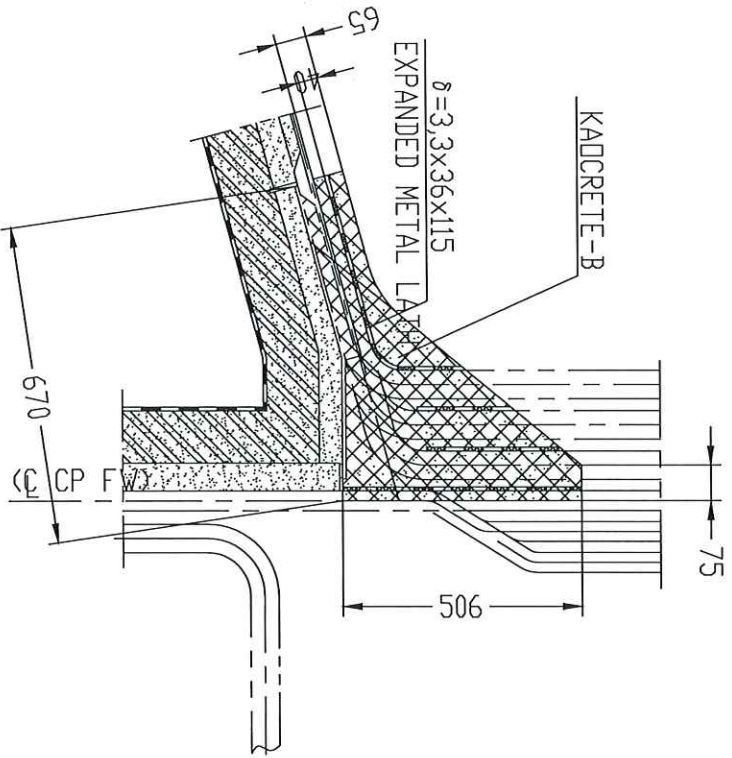
CONTRACT No. 180609 / LILAMA-BWBC

DRAWING TITLE: INSULATION DETAIL AT BOILER PENTHOUSE

SUB-CONTRACTOR	FUNCTION	NAME	SIGN.	DATE
BABCOCK & WILCOX BEIJING CO., LTD.	DRWN	NIENHONGLIU		2012.06.01
BABCOCK & WILCOX BEIJING CO., LTD.	CHKD	LIUYUAN		2012.06.01
BABCOCK & WILCOX BEIJING CO., LTD.	APPD	PANTING		2012.06.01

DOCUMENT No. VA-BWBC-001-BBC-MHI-1A-DID-0008

SCALE	REV
1:5	0



- NOTES:
1. EXPANDED METAL LATH TACK WELDED TO TUBES.
 2. SET 4mm EXPANSION GAP EACH 15m LENGTH ALONG THE WIDTH OF THE BOILER (USE 4mm THICKNESS PLYWOOD IN POURABLE REFRACTORY).

DRAWING SUBMISSION STATUS: FOR CONSTRUCTION

REV / DATE	DESCRIPTION	DRWN	CHKD	APPD

OWNER



VIETNAM OIL AND GAS GROUP (P.VN)



PÖYRY ENERGY LTD

EPC CONTRACTOR



VIETNAM MACHINERY INSTALLATION CORPORATION (LILAMA)



FICHTNER GmbH & Co. KG

FICHTNER GmbH & Co. KG

PROJECT TITLE
VUNG ANG 1 THERMAL POWER PLANT 2 x 600MW
BOILER ISLAND

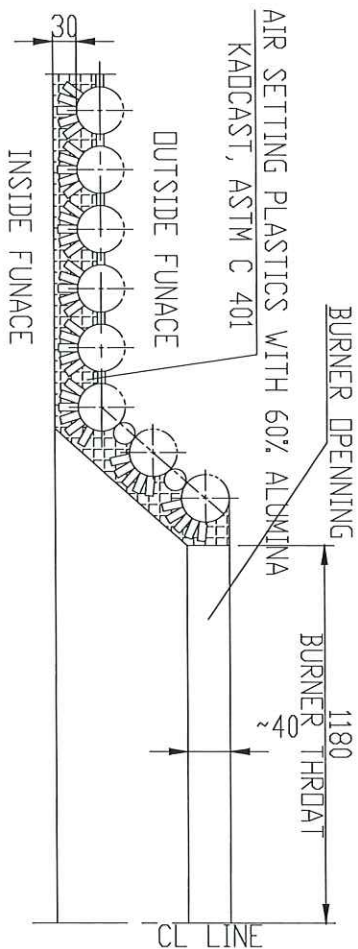
CONTRACT NO.
180609 / LILAMA-BWBC

DRAWING TITLE
INSULATION DETAIL AT UPPER SUPER-HEATER FLOOR & CONVECTION PASS FRONT WALL

SUB-CONTRACTOR	FUNCTION	NAME	SIGN	DATE
BABCOCK & WILCOX BEIJING CO., LTD.	DRWN	WANGJIANLI		2012.08.01
	CHKD	LUVUAN		2012.08.01
	APPD	PRINTING		2012.08.01

DOCUMENT No. VA-1-BWBC-00HBC-M/1A-DIC-0020
SCALE 1:10
REV 0

Handwritten signature in blue ink



DRAWING SUBMISSION STATUS: FOR CONSTRUCTION

REV	DATE	DESCRIPTION	DRAWN	CHECK	APPD

OWNER: VIETNAM OIL AND GAS GROUP (PJV)



EPC CONTRACTOR: VIETNAM MACHINERY INSTALLATION CORPORATION (LIAMA)



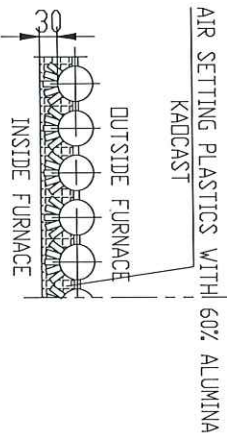
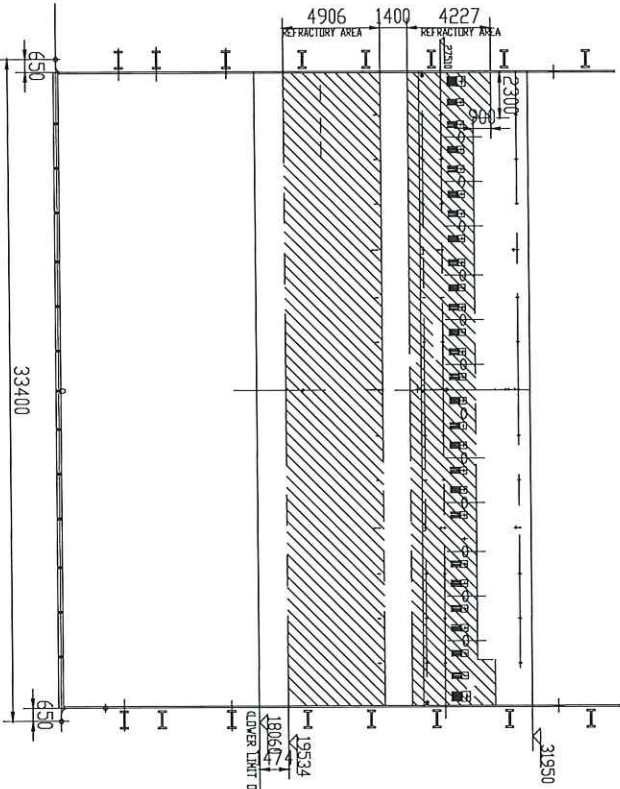
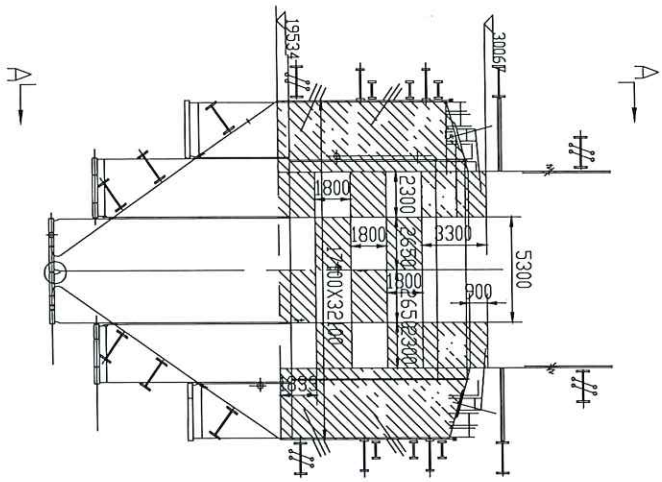
PROJECT TITLE: VUNG ANG 1 THERMAL POWER PLANT 2 X 600MW BOILER ISLAND

CONTRACT No. 180509 / LIAMA-BWBC

DRAWING TITLE: REFRACTORY DETAIL AT BURNER OPENING

SUB-CONTRACTOR	FUNCTION	NAME	SIGN	DATE
BABCOCK & WILCOX BEIJING CO., LTD.	DRAWN	NIENHONGLIU		2012.08.01
	CHECK	LIUYUAN		2012.08.01
	APPD	LIUYUAN		2012.08.01

DOCUMENT No. VA1-BWBC-001B-CM-11A-D1D-0029 SCALE: 1:5 REV: 0



A-A

B-B

DRAWING SUBMISSION STATUS: FOR CONSTRUCTION

NO.	DATE	DESCRIPTION	DRWN	CHGD	APPD

OWNER

OWNERS CONSULTANT

VIETNAM OIL AND GAS GROUP (PVN)

POYRY ENERGY LTD

EPIC CONTRACTOR

EPIC CONTRACTORS CONSULTANT



VIETNAM MACHINERY INSTALLATION CORPORATION (LILAMA)

FICHTNER GmbH & Co. KG

PROJECT TITLE

VUNG ANG 1 THERMAL POWER PLANT 2 x 600MW BOILER ISLAND

CONTRACT NO.

180609 / LILAMA-BWBC

DRAWING TITLE

FURNACE REFRACTORY BELT COMBUSTION ENHANCEMENT

SUB-CONTRACTOR	FUNCTION	NAME	SIGN	DATE
BARCOCK & WILCOX BEIJING CO., LTD.	DRWN	WIERONOUJ		2012.06.03
	CHGD	LUVUAN		2012.06.03
BARCOCK & WILCOX BEIJING CO., LTD.	APPD	PAINTING		2012.06.03
	REV			0

DOCUMENT NO. VA-1-BWBC-0018-CM-MFI-A-DID-0041

SCALE 1:240

Handwritten signature